**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THEO THỂ LOẠI**

**TIẾT 1-2-3:**

**KIẾN THỨC VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập cơ bản và nâng cao về đọc hiểu văn bản theo thể loại truyện HS được học trong chương trình Ngữ văn lớp 7 gồm:

- Truyện (truyện ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng)

**B. CHUẨN BỊ :**

**1. Giáo viên:** giáo án, đề, phiếu học tập

**2. Học sinh :** ôn tập lại đặc điểm các thể loại …

**C. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

1. **ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Truyện ngắn** | **Truyện ngụ ngôn** | **Truyện khoa học viễn tưởng** |
| **1.Tính cách nhân vật**: Thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, suy nghĩ của nhân vật, qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác.  **2. Bối cảnh :**  + Bối cảnh lịch sử: Hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử  + Bối cảnh riêng: Thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện.  **3. Ngôi kể:**  + Ngôi thứ nhất: Xưng *tôi*  + Ngôi 3: Người kể giấu mặt  + Thay đổi ngôi kể: | **1.Khái niệm:** Là những truyện kể ngắn gọn, hàm súc, bằng văn xuôi hoặc văn vần. Truyện thường đưa ra bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người trong cuộc sống.  **2. Đề tài:** Thường là những vấn đề đạo đức hay những cách ứng xử trong cuộc sống.  3. **Nhân vật:** Có thể là loài vật, đồ vật hoặc con người. Các nhân vật hầu như không có tên riêng, thường được kể gọi bằng danh từ chung như: rùa, thỏ, bác nông dân,… **- 4. Sự kiện, Cốt truyện:** Thường xoay quanh một sự kiện (một hành vi ứng xử, một quan niệm, một nhận thức phiến diện, sai lầm…) nhằm đưa ra bài học hay lời khuyên nào đó. | **1. Khái niệm:**  - Truyện khoa học viễn tưởng là loại truyện hư cấu về những điều diễn ra trong một thế giới giả định, dựa trên tri thức khoa học và trí tưởng tượng của tác giả.  - Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lí thuyết khoa học tự nhiên tại thời điểm tác phẩm ra đời.  **2. Đặc điểm**  **\* Đề tài**: đa dạng, phong phú thường gắn với các phát minh khoa học, công nghệ như chế tạo dược liệu, khám phá dưới đáy đại dương, du hành vũ trụ, gặp người ngoài hành tinh  **\* Cốt truyện:** thường được xây dựng dựa trên các sự việc giả tưởng liên quan đến các thành tựu khoa học.  **\* Tình huống truyện:** tác giả thường đặt nhân vật vào những hoàn cảnh đặc biệt, những khó khăn hay mâu thuẫn cần phải giải quyết trong thế giới giả tưởng.  **\* Sự kiện:** Thường trộn lẫn những sự kiện của thế giới thực tại với những sự kiện xảy ra trong thế giới giả định (quá khứ, tương lai, ngoài vũ trụ,...  **\* Nhân vật:** trong truyện thường xuất hiện các nhân vật như người ngoài hành tinh, quái vật, người có năng lực phi thường, những nhà khoa học, nhà phát minh có khả năng sáng tạo kì lạ.  **\* Không gian, thời gian:** mang tính giả định, chẳng hạn thời gian trộn lẫn từ quá khứ, hiện tại và tương lai, không gian vũ trụ, lòng đất, đáy biển,... |

1. **CÁCH ĐỌC HIỂU TRUYỆN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Yêu cầu cần** |
| **Truyện ngắn** | - Đọc nhan đề, tác phẩm và tóm tắt tác phẩm.  **- Đọc hiểu được hình thức văn bản:**  + Bối cảnh  + Nhân vật  + Ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể  + Ngôn ngữ  **- Đọc hiểu nội dung:**  + Nắm được đề tài  + Chủ đề  + Ý nghĩa của văn bản |
| **Truyện ngụ ngôn** | - Đọc nhan đề, tác phẩm và tóm tắt tác phẩm.  - Nhận biết các yếu tố thể hiện đặc điểm của truyện như đề tài, nhân vật, sự kiện, cốt truyện, tình huống, không gian, thời gian.  - Nhận biết được sự kết hợp lời của người kể chuyện và lời của nhân vật trong truyện.  - Rút ra được bài học của truyện và nêu được ý nghĩa của bài học ấy. |
| **Truyện khoa học viễn tưởng** | - Trang bị kiến thức khoa học, công nghệ,...liên quan đến tác phẩm tại thời điểm tác phẩm ra đời.  - Đọc nhan đề, tác phẩm và tóm tắt tác phẩm.  - Xác định các yếu tố của truyện: đề tài, tình huống, nhân vật, sự kiện, không gian, thời gian.  - Xác định yếu tố tưởng tượng của tác phẩm.  - Xác định ý nghĩa của văn bản đối với khoa học, đời sống. |

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THEO THỂ LOẠI**

## Đề số 1: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới

***THỎ THAY RĂNG***

*Trong một khu rừng nọ có một chú thỏ rất nhát gan. Cứ nhìn thấy bóng dáng của cáo là thỏ vội quay đầu bỏ chạy. Có cách gì giúp mình không sợ cáo nữa không? Suy nghĩ mãi, cuối cùng thỏ nghĩ ra một cách rất hay, ấy là thay một bộ răng trông thật hung dữ. Nó tìm đến bác sĩ hạc, bảo:*

*– Bác sĩ hạc yêu quý, bác chuyên chữa răng cho mọi người, xin bác thay cho cháu một hàm răng mới.*

*Bác sĩ hạc ngạc nhiên:*

*– Sao thế? Răng của cháu vẫn còn rất tốt mà.*

*– Tuy răng của cháu không bị hỏng, nhưng mà nó quá nhỏ. Bác lắp cho cháu một hàm răng giống như của sư tử ấy.*

*– Nhưng cháu muốn có hàm răng giống như của sư tử để làm gì vậy?*

*– Cháu không muốn cứ nhìn thấy cáo là phải chạy trốn nữa. Nếu mà làm cho cáo phải chạy khi nhìn thấy cháu thì hay biết mấy.*

*Bác sĩ hạc rất thông cảm cho hoàn cảnh của thỏ, liền thay cho nó một hàm răng giống như của sư tử. Thỏ soi gương, sung sướng thốt lên:*

*– Tuyệt quá, giờ mình sẽ đi tìm cáo!*

*Thỏ vào rừng, xông xáo khắp nơi tìm cáo. Lúc sau, cáo từ bụi cây bước ra, tiến về phía thỏ. Trong thấy cáo từ xa, thỏ sợ quá co giò chạy biến. Nó chạy đến nhà bác sĩ hạc, lắp bắp:*

*– Bác… bác… sĩ ơi! Xin bác thay cho cháu hàm răng khác.*

*– Sao thế? Hàm răng này không tốt à?*

*– Không, không phải ạ! Hàm răng này vẫn nhỏ quá. Bác có hàm răng nào to hơn không ạ?*

*– Dù có thay hàm răng to hơn thì cũng chẳng có tác dụng gì đâu, cháu sẽ vẫn sợ cáo thôi. Thỏ con này, cháu nên thay tim ấy, bỏ trái tim thỏ đi và thay bằng trái tim sư tử thì mới được.*

(https://truyendangian.com)

**Câu 1**. Xác định ngôi kể của văn bản trên:

* + 1. Ngôi thứ nhất B. Ngôi thứ hai

**C. Ngôi thứ ba** D. Không có ngôi kể

**Câu 2.** Câu thành ngữ nào phù hợp để nói về chú thỏ trong VB trên?

A. Nhanh như thỏ đế

B. **Nhát như thỏ đế**

C. Thông minh như thỏ đế

D. Huênh hoang như thỏ đế

**Câu 3.**Trong VB, thỏ đã nghĩ ra cách gì để giúp mình không sợ cáo nữa?

1. **Thay bộ răng trông thật hung dữ**

B. Nhờ bác sĩ hạc dạy dỗ cáo giúp mình

C. Đi tìm cáo để dạy cho cáo một bài học

D. Nhờ bác sĩ hạc thay trái tim sư tử cho mình

**Câu 4**: Đề tài của truyện ngụ ngôn trên là:

1. Thỏ thay răng B. Thỏ và cáo

C. **Bài học bản tính con người** D. Bài học về lòng dũng cảm

**Câu 5*.*** Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu văn sau: *“- Bác...bác...sĩ ơi! Xin bác thay cho cháu hàm răng khác.”*

1. Biểu đạt ý còn nhiều sự việc chưa liệt kê hết
2. **Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng**
3. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt
4. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

**Câu 6.** Xác định không gian của câu chuyện ngụ ngôn trên:

1. Nhà bác sĩ hạc
2. Nhà của thỏ và cáo
3. **Trong khu rừng**
4. Không xác định được

**Câu 7.** Truyện ngụ ngôn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

1. **Ẩn dụ, nhân hoá**
2. Hoán dụ, nhân hoá
3. So sánh, ẩn dụ
4. Nhân hoá, so sánh

**Câu 8. Câu văn: “**Có cách gì giúp mình không sợ Cáo nữa không?” là suy nghĩ của ai?

1. Bác sĩ hạc
2. Cáo
3. Người kể chuyện
4. **Thỏ**

**Câu 9.** Nêu cách hiểu của em về lời khuyên của bác sĩ hạc dành cho chú thỏ: “Dù có thay hàm răng to hơn thì cũng chẳng có tác dụng gì đâu, cháu sẽ vẫn sợ cáo thôi. Thỏ con này, cháu nên thay tim ấy, bỏ trái tim thỏ đi và thay bằng trái tim sư tử thì mới được”.

**GỢI Ý :**

- Việc thay răng không khiến thỏ bớt nỗi sợ đối với cáo bởi vì nỗi sợ đó không xuất phát từ bộ răng của thỏ mà xuất phát từ trái tim của thỏ- trái tim đó ẩn dụ cho bản tính nhát gan của thỏ.

- Vì vậy, muốn thỏ không sợ cáo nữa chỉ có cách thay đổi trái tim, từ trái tim thỏ nhút nhát thành trái tim sư tử dũng mãnh – thay đổi bản tính, rèn luyện lòng dũng cảm của mình. Tuy nhiên, đây không phải là việc dễ.

**Câu 10**. Qua câu chuyện trên, em rút ra bài học gì trong cuộc sống? (Viết đoạn văn 4 – 5 câu bày tỏ suy nghĩ của em về bài học đó)

**GỢI Ý :**

**Bài học:** Vẻ bề ngoài không thể làm thay đổi được bản chất bên trong. Bản tính của mỗi người là rất khó thay đổi. Muốn chiến thắng nỗi sợ hãi và những hạn chế của bản thân cần có sự thay đổi tích cực từ bên trong của con người.

**Đề số 2:**

***KIẾN VÀ VE SẦU***

*Ngày xưa, Kiến và Ve Sầu là đôi bạn rất thân. Chúng cùng ở với nhau trên một cành cây khô. Thời ấy, thức ăn trên mặt đất còn thừa thãi nên ngày ngày chúng ăn xong lại rong chơi, tối lại cùng nhau ngủ trên cành cây.*

*Một đêm, trời bỗng dưng nổi cơn mưa bão, cây cối ngả nghiêng. Nước trút xuống như thác. Cành cây khô bị gãy, văng đi rất xa, văng cả đôi bạn thân xuống đất. Chúng phải cố sống cố chết bám lấy rễ cây để khỏi bị nước mưa cuốn đi. Sáng hôm sau, trời lại quang đãng. Kiến và ve đều ướt lướt thướt, mình mẩy đau như dần. Kiến bỗng nảy ra một ý nghĩ: “Phải làm tổ để tránh mưa gió”. Kiến bàn bạc với Ve Sầu, Ve Sầu mỉm cười:*

*– Chúng ta từ trước tới giờ vẫn sống trên cành cây. Gió bão năm thì mười họa mới có một lần, hơi đâu mà làm tổ cho mệt xác.*

*Nhưng Kiến vẫn lo gió bão. Nó tìm môt gốc cây khá chắc để làm nhà, ngày ngày nó đi tìm mùn lá, đem lên xây đắp một kiểu nhà mới. Dưới ánh nắng hè gay gắt, công việc làm rất vất vả, nhưng Kiến không nản lòng. Còn Ve Sầu đã không làm với bạn thì chớ, lại còn chế nhạo bạn.*

*Mặc cho bạn chế giễu, Kiến cứ hì hục ngày này sang ngày khác và một tháng sau thì ngôi nhà xinh xắn đã hoàn thành. Nó nghĩ thương Ve Sầu, ngày nắng đêm sương, nên tha thiết mời Ve Sầu về cùng ở. Lúc đầu, vì không bỏ sức lao động ra, Ve Sầu cũng thấy ngượng ngùng thế nào ấy. Nhưng thấy Kiến khẩn khoản, mà ngôi nhà thì xinh xắn quá, nên nó cũng đồng ý.*

*Ve ở cùng Kiến, Ve Sầu chẳng chịu làm gì. Đến bữa thì đi kiếm ăn, ăn xong lại nằm hát nghêu ngao, mặc cho Kiến một mình hì hục quét dọn, xếp đặt nhà cửa cho ngăn nắp.*

*Kiến thường lo lắng đến mùa đông tháng giá, thức ăn khó kiếm, nên bàn với Ve Sầu: “Chúng ta đã có nhà ở rồi, nhưng chúng ta còn phải kiếm thức ăn để dành, khi mưa rét khỏi phải nhịn đói”.*

*Ve Sầu nói: “Thức ăn khối ra đấy, tích trữ làm gì cho mệt xác”. Kiến bực mình, để mặc Ve Sầu ở nhà ca hát, ngày ngày xuống đất kiếm mồi. Chẳng bao lâu, nhà Kiến đầy ăm ắp thức ăn dùng trong cả mùa đông chưa chắc đã hết. Nhưng trong khi Kiến đi tìm mồi, Ve Sầu ở nhà một mình thấy buồn, đi múa hát với đàn bướm, tối lại về nhà ngủ.*

*Một hôm, trời tối đã lâu, Kiến nóng lòng chờ bạn mà không thấy bạn về. Sáng sớm hôm sau, Kiến đi tìm Ve Sầu, nghe thấy Ve Sầu đang nghêu ngao trên cành lá, Kiến bò tới:*

*– Anh đi đâu mà cả đêm hôm qua không về nhà? Về đi thôi. Về mà xem, nhà rất nhiều thức ăn. Ta không lo gì mùa đông tháng giá nữa.*

*Ve Sầu đã không về thì thôi, lại còn mắng bạn:*

*– Anh ngu lắm. Thức ăn đầy rẫy thế này tội gì mà hì hục cho mệt xác. Anh xem tôi có chết đâu. Thôi từ nay anh mặc tôi. Ai lo phận nấy.*

*Kiến buồn bã ra về.*

*Ít lâu sau, lá rừng dần dần ngả màu vàng, chỉ hơi có gió nhẹ là thi nhau rụng tới tấp. Trời trở rét. Mưa tầm tã suốt ngày, gió bấc thổi từng cơn. Rét thấu xương. Ve Sầu không có chỗ trú, ướt như chuột lột, run như cầy sấy. Ve Sầu ngượng quá, không dám lại nhà Kiến nên lần mò đến nhà Ong xin ăn.*

*Nó vừa lò dò đến cửa thì Ong tưởng ve vào ăn cướp vội xông ra đốt. Ve Sầu đau quá, vừa chạy, vừa kêu khóc ầm ĩ. Bị Ong đốt nên mắt Ve Sầu lồi ra, mũi sưng vù lên và vì quá đói bụng nên bụng ve tuy to nhưng rỗng tuếch.*

(Truyện ngụ ngôn La Phông ten – Kiến và Ve Sầu – TruyenDanGian.Com –)

**Câu 1**. Các nhân vật trong VB trên có đặc điểm:

1. Là con người, không có tên riêng, từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật có thể rút ra bài học sâu sắc
2. Là đồ vật, không có tên riêng, được xây dựng bằng biện pháp nhân hóa.
3. **Là loài vật, không có tên riêng, từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật có thể rút ra bài học sâu sắc**
4. Là con người và loài vật, không có tên riêng, từ suy nghĩ, hành động, lời nói của nhân vật có thể rút ra bài học sâu sắc.

**Câu 2.** Chỉ ra phép liên kết trong đoạn văn: *“Nhưng Kiến vẫn lo gió bão. Nó tìm môt gốc cây khá chắc để làm nhà, ngày ngày nó đi tìm mùn lá, đem lên xây đắp một kiểu nhà mới. Dưới ánh nắng hè gay gắt, công việc làm rất vất vả, nhưng Kiến không nản lòng. Còn Ve Sầu đã không làm với bạn thì chớ, lại còn chế nhạo bạn.”*

1. **Phép nối, phép thế**
2. Phép lặp, phép thế
3. Phép nối, phép liên tưởng
4. Phép thế, phép liên tưởng

**Câu 3**: Đề tài của truyện ngụ ngôn trên là:

1. Ve sầu và kiến B. Ve sầu lười biếng

C. **Bài học về lao động chăm chỉ và biết lo xa** D. Bài học về tình bạn

**Câu 4**: Câu văn: *“Phải làm tổ để tránh mưa gió.”* là ý nghĩ của ai?

1. Ve Sầu B. **Kiến**

C. Ong D. Người kể chuyện

**Câu 5*.*** Vì sao Ve Sầu không cùng dự trữ thức ăn với Kiến:

1. Vì Ve Sầu nghĩ rằng Kiến sẽ kiếm thức ăn cho cả phần của mình.
2. Vì Ve Sầu nghĩ sẽ đi xin thức ăn của Ong
3. **Vì Ve Sầu nghĩ thức ăn đầy ra đấy, không hết được nên không cần dự trữ**
4. Vì Ve Sầu thấy Kiến phiền hà, không biết hưởng thụ cuộc sống.

**Câu 6.** Tính từ nào đúng nhất khi nói về Kiến trong câu chuyện trên:

1. Tốt bụng, vị tha
2. Kiên trì, dũng cảm
3. Hiền lành, thông minh
4. **Chăm chỉ, lo xa**

**Câu 7.** Câu nào sau đây chứa phó từ:

1. Kiến buồn bã ra về.
2. Ve ở cùng Kiến, Ve Sầu chẳng chịu làm gì.
3. Ve Sầu không có chỗ trú, ướt như chuột lột, run như cầy sấy.
4. **Nhưng Kiến vẫn lo gió bão.**

**Câu 8.** Tại sao đến cuối truyện, khi bị mưa, đói và rét, Ve Sầu lại không đến nhờ sự giúp đỡ của Kiến?

1. Vì Kiến đã đuổi Ve Sầu đi
2. Vì Ve Sầu không muốn bị mất mặt trước Kiến
3. **Vì Ve Sầu ngượng, không dám đến nhà Kiến**
4. Vì Ve Sầu thích đến nhà Ong hơn

**Câu 9**. Chỉ ra và phân tích tình huống truyện của văn bản trên.

***Gợi ý***

- Tình huống truyện: Xoay quanh chuyện làm nhà và tìm kiếm thức ăn của Kiến và Ve Sầu.

- Phân tích tình huống truyện: Kiến rủ Ve Sầu làm nhà để chống mưa bão nhưng Ve Sầu lười biếng không chịu làm. Kiến rủ Ve Sầu kiếm thức ăn dự trữ cho mùa đông nhưng Ve Sầu cho rằng thức ăn đầy, không cần dự trữ => Tình huống nhằm làm nổi bật tính cách lười biếng, không biết lo xa của Ve Sầu và tính cách chăm chỉ, biết lo xa của Kiến. Từ đó, làm nổi bật bài học đạo đức của VB.

**Câu 10**. Câu chuyện đem đến cho em bài học gì? Viết đoạn văn 3-5 câu bàn luận về bài học đó.

***Gợi ý***

**Bài học:** Cần phải chăm chỉ lao động và biết lo xa. Con người cần chăm chỉ lao động để có cuộc sống hiện tại đủ đầy. Đồng thời con người cần biết lo xa vì cuộc sống luôn chứa đựng khó khăn, thử thách mà chúng ta không biết trước được. Vì vậy, khi chúng ta biết lo xa thì sẽ không bị thụ động trước những khó khăn đó.

**Đề số 3: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

**Cậu bé chăn cừu**

Một ngày nọ, có một cậu bé chăn cừu buồn rầu ngồi trên sườn núi nhìn những con cừu của mình. Để làm vui vẻ cho mình, cậu hít một hơi thật sâu rồi la lên: “Sói! Sói! Có sói đang đuổi bắt cừu!”.

Dân làng chạy ngay lên núi để giúp cậu bé đuổi chó sói. Nhưng khi họ đến đỉnh núi thì không thấy con chó sói nào hết. Cậu bé nhìn những khuôn mặt đang giận dữ của dân làng và cười.

Người dân liền bảo với cậu bé: “Này cậu bé chăn cừu, đừng hô sói khi không có chó sói.”. Rồi họ tức giận bỏ xuống núi.

Hôm sau, cậu bé lại la toáng lên: “Sói! Sói! Có sói đang đuổi bắt cừu!”. Vì sự vui sướng nghịch ngợm của mình, cậu bé lại thấy người dân chạy lên núi để giúp cậu đánh đuổi sói.

Nhưng khi người dân không thấy chó sói đâu, họ liền nghiêm nghị nói với cậu bé: “Hãy dành bài ca đáng sợ của cậu cho khi nào có việc xấu thực sự! Đừng hô sói khi không có chó sói!”.

Nhưng cậu bé chỉ nhe răng cười, nhìn họ tức giận xuống núi một lần nữa.

Về sau, cậu bé nhìn thấy một con sói thực sự đang rình mò đàn cừu của cậu. Rất hoảng sợ, cậu bé vắt chân lên chạy, dùng hết sức la toáng lên: “Sói! Sói!”.

Nhưng dân làng nghĩ rằng cậu bé lại lừa họ nên không ai chạy lên núi.

Hoàng hôn xuống, mọi người tự hỏi tại sao không thấy cậu bé và đàn cừu trở về. Họ liền leo lên đồi để tìm cậu bé và họ thấy cậu đang vừa khóc vừa nói: “Thực sự đã có một con sói ở đây! Bầy cừu đã chạy tan tác! Cháu đã hô có sói! Tại sao các bác không tới?”.

Khi trở về làng, một cụ già đã khoác tay lên vai cậu bé và an ủi: “Sáng mai, chúng ta sẽ giúp cháu tìm những con cừu bị mất, không ai tin một kẻ nói dối ngay cả khi họ đang nói thật, cháu ạ!”.

(Ê-dốp, in trong Tuyển tập truyện tranh Ê-dốp – Cậu bé chăn cừu. Đặng Ngọc Thanh Thảo – An Bình dịch, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2010)

**Chọn đáp án đúng nhất:**

**Câu 1**. Xác định nhân vật chính của truyện ngụ ngôn trên:

1. Chó sói B. Cừu

C. Dân làng **D. Cậu bé chăn cừu**

**Câu 2.** Đề tài của truyện ngụ ngôn trên là:

1. Cậu bé chăn cừu B. Sói và Cừu

C**. Bài học về tính trung thực** D. Bài học về sự giúp đỡ, sẻ chia

**Câu 3.** Mục đích của chú bé chăn cừu khi lần đầu hô lên: “Sói! Sói! Có sói đang đuổi bắt cừu!” là gì?

1. Để thử lòng dân làng xem có quan tâm mình không
2. Để phòng bị cho mình lỡ có chó sói đến thật
3. **Để làm cho mình vui vẻ**
4. Để dọa đàn cừu cho vui

**Câu 4**: Ban đầu, nghe tiếng kêu cứu, dân làng đã làm gì?

**A. Dân làng chạy ngay lên núi để giúp cậu bé đuổi chó sói.**

B. Dân làng ai cũng bận đi làm nên không để ý lời cậu nói

C. Dân làng sợ chó sói nên không ai dám đến

D. Dân làng chạy ngay lên để cứu cậu bé về.

**Câu 5*.*** Vì sao khi có sói đến thật thì lại không có ai đến giúp cậu bé chăn cừu nữa:

1. Vì nghĩ cậu bé chăn cừu có thể tự đuổi được chó sói
2. Vì dân làng mải đi làm nên không nghe thấy cậu bé kêu cứu
3. **Vì cậu bé đã nói dối nhiều lần nên dân làng không tin là có chó sói đến thật**
4. Vì cậu bé làm dân làng tức giận nên họ không thèm quan tâm đến cậu bé nữa

**Câu 6.** Trạng ngữ trong câu sau: “Để làm vui vẻ cho mình, cậu hít một hơi thật sâu rồi la lên: “Sói! Sói! Có sói đang đuổi bắt cừu!” có tác dụng gì?

1. Chỉ thời gian
2. Chỉ nơi chốn
3. **Chỉ mục đích**
4. Chỉ nguyên nhân

**Câu 7.** Trong truyện, cậu bé chăn cừu hô có sói đến tất cả mấy lần?

1. 2  **B. 3**

C. 4 D. 5

**Câu 8.** Câu nói của cụ già: “Sáng mai, chúng ta sẽ giúp cháu tìm những con cừu bị mất, không ai tin một kẻ nói dối ngay cả khi họ đang nói thật, cháu ạ!”. Đã nói đến hậu quả gì của việc nói dối?

1. Mọi người sẽ không đến giúp mình nữa
2. **Sẽ làm mất niềm tin của mọi người đối với mình**
3. Sẽ biến mình thành một kẻ nói dối
4. Sẽ đánh mất những thứ thuộc về mình

**Câu 9**. Chỉ ra và phân tích tình huống truyện của văn bản trên.

***Gợi ý***

- Tình huống truyện: Cậu bé chăn cừu nói dối là có chó sói đến bắt cừu nhiều lần và cuối cùng, có chó sói đến thật

- Phân tích tình huống truyện: Cậu bé chăn cừu nói dối có chó sói đến bắt cừu để trêu đùa mọi người, mua vui cho mình. Hai lần đầu cậu bé nói dối, dân làng đều tin và đến giúp đỡ cậu bé nhưng đến lần thứ ba, cậu bé nói thật thì không ai tin cậu nữa và đàn cừu bị tan tác. Từ đó, nêu lên bài học đạo đức cho con người.

**Câu 10**. Câu chuyện đem đến cho em bài học gì? Viết đoạn văn 3-5 câu bàn luận về bài học đó.

***Gợi ý***

**Bài học:** Cần phải trung thực, không nên nói dối. Vì: nói dối là một thói quen xấu, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, nó sẽ làm mất niềm tin của mọi người đối với mình, từ đó dù mình có nói thật thì mọi người sẽ không tin mình nữa; khi gặp khó khăn, cũng không ai giúp đỡ mình, mọi người sẽ xa lánh mình, ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách bản thân...

**Đề số 4: Đọc đoạn trích sau:**

*Chỗ này ngày xưa tôi treo một bức tranh phong cảnh.*

*Bức tranh ấy đã làm tôi như được gần thiên nhiên hơn giữa các toà nhà khối hộp góc cạnh khô khan và đơn điệu.*

*Còn bây giờ chị treo ở đấy cái lồng bàn nhựa xanh.*

*Chỗ kia là chỗ của chiếc lá phong tôi mang từ Nga về với bao kỉ niệm. Rồi gió to, rồi nắng to, rồi độ ẩm lớn, tất cả đã ập tới đập vào cái lá mỏng manh ấy cho đến khi nó chỉ còn là những cái gân nhỏ xíu yếu ớt và cuối cùng tan ra, bay đi. Nhưng với tôi bao giờ chiếc lá phong vẫn cứ ở chỗ đó, ở chỗ của nó.*

*Còn bây giờ cái tủ đã che kín khoảng tường ấy.*

*Chỗ kia nữa với những dáng người buồn vui trên bức tường, có được từ những lần tôi nhìn rất lâu vào những vệt vôi vô tình và tưởng tượng ra, nay phủ lớp ve xanh.*

*Chẳng còn ở đấy dáng người giống dáng tôi hồi bé.* *Không thấy đâu hai mái đầu đang chụm lại thì thẩm.* *Cái mũi cao hếch với hàng mi rợp buồn ở góc tường kia làm tôi thẫn thờ bao* *lần giờ nơi nao?*

*Tất cả, tất cả đều xa lạ, xa lạ quá...*

*Cuộc đến thăm căn phòng cũ đã không như tôi tưởng.*

*[...] Về đến nhà mình, nhìn mọi vật trong phòng, tôi bỗng nhớ tới người chủ cũ của nó. Không biết chỗ hiện nay tôi đặt giá sách người chủ cũ đã gửi gắm tình cảm gì vào đó? Bức tường ấy đã chứng kiến những gì trong phần đời của họ?*

*Chẳng hiểu lớp vôi quét đã phủ lên những kỉ niệm nào của người chủ trước đây?*

*Rồi tôi chợt giật mình nhận ra: Lớp kỉ niệm của tôi trên những bức tường sẽ luôn nằm ở giữa lớp kỉ niệm của người đến trước và người đến sau tôi.*

*Và những bức tường cứ dày lên cùng với những lớp kỉ niệm ấy.*

(Phạm Sông Hồng, *Chiều dày của bức tường*, Trần Hoài Dương tuyển chọn, Tuyển tập truyện ngắn hay Việt Nam dành cho thiếu nhi, tập 3, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2016)

**Câu 1.** Ý nào nói đúng về phương thức biểu đạt chính của đoạn trích:

**A. Tự sự** B. Miêu tả

C. Biểu cảm D. Nghị luận

**Câu 2**. Xác định ngôi kể của truyện:

**A. Ngôi thứ nhất** B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Không xác định được

**Câu 3.** Qua đoạn trích, em hiểu như thế nào về nhan đề “Chiều dày của bức tường”?

A. Kích thước chiều dày của bức tường

D. Chiều dày của bức tường là những lớp sơn mới được bao phủ lên đó

**C. Chiều dày của bức tường là lớp kỉ niệm của những người đến trước, đến sau đã gắn bó với ngôi nhà.**

D. Chiều dày của bức tường là những bức tường mới xây lên dày hơn bức tường cũ.

**Câu 4.** Để làm nổi bật chủ đề của truyện, tác giả sử dụng biện pháp nào là chủ yếu?

A. So sánh chỉ ra điểm tương đồng giữa những thứ trên bức tường ngày xưa – bây giờ

**B. So sánh chỉ ra sự thay đổi giữa những thứ trên bức tường ngày xưa – bây giờ**

C. So sánh chỉ ra điểm đối lập giữa những thứ trên bức tường ngày xưa – bây giờ

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 5.** Tại sao khi quay trở về căn phòng cũ, nhân vật “tôi” lại thấy tất cả xa lạ quá?

A. Vì giờ căn phòng ấy giờ của người khác ở, nhân vật “tôi” chỉ là khách

B. Vì vị trí của các đồ đạc trong căn phòng đã thay đổi

**C. Vì đồ đạc trong phòng đã thay đổi, không còn những kỉ niệm của nhân vật “tôi” trước đây**

D. Vì nhân vật “tôi” đã quen với căn phòng mới của mình

**Câu 6.** Câu nào sau đây có phó từ đi kèm danh từ

 A. Tôi đang ở trong căn phòng cũ của mình.

B. Còn bây giờ chị treo ở đấy cái lồng bàn nhựa xanh.

C. Chẳng còn ở đấy dáng người giống dáng tôi hồi bé.

**D. Và những bức tường cứ dày lên cùng với những lớp kỉ niệm ấy.**

**Câu 7.** Cảm xúc của nhân vật “tôi” trước sự thay đổi của căn phòng cũ như thế nào?

1. Ngạc nhiên, ngỡ ngàng
2. Buồn, tiếc nuối
3. Xa lạ, khôg như tưởng tượng của nhân vật “tôi”
4. **Cả A, B, C đều đúng**

**Câu 8. Tại sao nhân vật “tôi” chợt giật mình nhận ra lớp kỉ niệm của mình trên những bức tường sẽ luôn nằm giữa lớp kỉ niệm của người đến trước và người đến sau?**

***Gợi ý***

Nhân vật “tôi” đã chứng kiến sự thay đổi của bức tường trong căn phòng cũ và suy nghĩ về những bức tường trong ngôi nhà mình đang ở.

**Câu 9. Câu văn: “*Nhưng với tôi bao giờ chiếc lá phong vẫn cứ ở chỗ đó, ở chỗ của nó.”* gợi lên suy nghĩ gì của nhân vật “tôi”.**

***Gợi ý***

Câu văn: “*Nhưng với tôi bao giờ chiếc lá phong vẫn cứ ở chỗ đó, ở chỗ của nó.”* gợi lên suy nghĩ:

- Dù khung cảnh có thay đổi thì những gì thuộc về kí ức, nhân vật “tôi” vẫn luôn giữ gìn và trân trọng nó. Dù theo thời gian, dưới sự tác động của nắng, gió, chiếc lá phong tan ra và bay đi, bây giờ chiếc tủ đã che lấp khoảng tường ấy nhưng đối với nhân vật “tôi” lá phong luôn ở đó, chỗ của nó.

- Cái quan trọng không phải là ngoại cảnh mà quan trọng là sự trân trọng, nâng niu kí ức, kỉ niệm trong của mỗi người; không chỉ là trân trọng kí ức của mình mà còn là sự trân trọng kỉ niệm của người khác.

**Câu 10. Viết đoạn văn 5 – 7 câu nêu suy nghĩ của anh/chị về việc cần biết trân trọng kí ức, kỉ niệm của chính mình.**

***Gợi ý*** HS bày tỏ suy nghĩ về việc cần biết trân trọng, nâng niu kí ức, kỉ niệm của mình bằng đoạn văn 5 – 7 câu:

- Góp phần nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta.

- Đưa đến cho chúng ta những bài học đầu đời.

- Là khoảng thời gian đã qua thì không thể quay trở lại nên chúng ta cần trân trọng nó dù lá kí ức vui hay buồn.

- Tuy nhiên, chúng ta không nên đắm chìm vào niềm vui hãy nỗi buồn của quá khứ mà quên hiện tại và tương lai

**Đề số 5:**

***Bố tôi***

*Tôi đi học dưới đồng bằng. Còn bố tôi, từ nơi núi đồi hiểm trở, ông luôn dõi theo tôi.*

*Bao giờ cũng vậy, ông mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi vào cuối mỗi tuần. Ông rẽ vào bưu điện để nhận những lá thư tôi gửi. Lặng lẽ, ông vụng về mở nó ra. Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư. Ông ngồi trầm ngâm một lúc, khẽ mỉm cười rồi đi về núi.*

*Về đến nhà, ông nói với mẹ tôi: “Con mình vừa gửi thư về”. Ông trao thư cho bà. Bà lại cẩn thận mở nó ra, khen: “Con mình viết chữ đẹp quá! Những chữ tròn, thật tròn, những cái móc thật bén. Chỉ tiếc rằng không biết nó viết gì. Sao ông không nhờ ai đó ở bưu điện đọc giùm?”. Ông nói:“Nó là con tôi, nó viết gì tôi đều biết cả”. Rồi ông lấy lại thư, xếp vào trong tủ cùng với những lá thư trước, những lá thư được bóc ra nhìn ngắm, chạm mặt rồi cất vào, không thiếu một lá, ngay cả những lá đầu tiên nét chữ còn non nớt…*

*Hôm nay là ngày đầu tiên tôi bước chân vào trường đại học. Một ngày khai trường đầu tiên không có bố. Bố tôi đã mất. Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.*

(Theo Nguyễn Ngọc Thuần)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích:

A. Biểu cảm B. Miêu tả

**C. Tự sự** D. Thuyết minh

**Câu 2**. Xác định ngôi kể của truyện:

**A. Ngôi thứ nhất** B. Ngôi thứ ba

C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba D. Không xác định được

**Câu 3.** Cứ mỗi cuối tuầnnhân vậtbố *“mặc chiếc áo kẻ ô phẳng phiu nhất, xuống núi”* để làm gì?

1. Xuống thăm con gái đi học dưới đồng bằng
2. **Xuống bưu điện để nhận thư con gái gửi**
3. Xuống bưu điện để gọi điện hỏi thăm tình hình con gái
4. Xuống bưu điện để gửi đồ cho con gái đi học xa

**Câu 4.** Hành động của nhân vật bố: *“Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông. Rồi lặng lẽ như lúc mở ra, ông xếp nó lại, nhét vào bao thư.”* thể hiện điều gì?

A. Ông nâng niu, trân trọng từng lá thư con gái gửi về

B. Ông rất yêu thương đứa con gái của mình

C. Ông rất nhớ đứa con gái của mình

**D. Cả A, B, C đều đúng**

**Câu 5.** Tại sao những lá thư con gái gửi về nhân vật bố lại chỉ *bóc ra, nhìn ngắm rồi lại cất vào*?

1. Vì bố không đọc cũng đã hiểu con gái viết gì cho mình rồi
2. Vì bố rất nhớ con gái nên không dám đọc thư
3. **Vì bố không biết chữ nên không đọc được thư con gái viết**
4. Vì bố đợi mẹ để cùng mở thư ra đọc

**Câu 6.** Câu nói: *“Nó là con tôi, nó viết gì tôi đều biết cả”* thể hiện điều gì ở nhân vật bố?

**A. Một ông bố luôn hiểu nỗi lòng của đứa con gái**

B. Một ông bố gia trưởng, kiểm soát mọi suy nghĩ của con

C. Một ông bố bảo thủ, sợ người khác biết mình không biết chữ

D. Cả A, B, C đều đúng

**Câu 7.** Em hiểu như thế nào về câu văn: *Nhưng tôi biết bố sẽ đi cùng tôi trên những con đường mà tôi sẽ đi, suốt cả hành trình cuộc đời.?*

1. Tình yêu thương, che chở của bố sẽ theo mình suốt cuộc đời
2. Vì người con quá yêu cha, trong lòng luôn có cha
3. Vì người con biết linh hồn của người cha sẽ luôn dõi theo mình.
4. **Cả, A, B, C đều đũng**

**Câu 8. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau: *“Ông xem từng con chữ, lấy tay chạm vào nó, rồi ép vào khuôn mặt đầy râu của ông.”***

***Gợi ý***

- Biện pháp tu từ: liệt kê – liệt kê các hành động, cử chỉ của người cha: xem, chạm vào, ép, …

- Tác dụng: Thể hiện được sự nâng niu, trân trọng những lá thư của con và sâu thẳm hơn chính là tình thương yêu quý mến của người cha dành cho con.

**Câu 9.Theo em, tác giả muốn nêu lên thông điệp gì qua văn bản trên? Giải thích ngắn gọn về thông điệp đó.**

***Gợi ý***

Đây là câu hỏi mở, tùy học sinh lựa chọn bức thông điệp theo cảm nhận của cá nhân, miễn là lí giải hợp lí. Dưới đây là một số nội dung gợi ý:

- Tình cảm cha con là tình cảm thiêng liêng quý giá vì đây là tình cảm làm cơ sở cội nguồn cho tình yêu quê hương đất nước.

- Chúng ta cần yêu thương trân trọng kính yêu bố của mình vì tình cảm bố dành cho chúng ta là vô cùng lớn lao, cao cả.

- Người con yêu thương, thấu hiểu về bố nên viết về bố với tấm lòng trân trọng ngợi ca tự hào…

(HS cần nêu ít nhất 2 nội dung)

**Đề số 5: Đọc đoạn trích sau:**

*[…] Tôi không hề biết tên loại cây này. Có thể đây là một loại cây mà trên mặt đất không có chăng? Khi đi lại đến gần, tôi vừa ngạc nhiên vừa thích thú.*

*Giáo sư Lidenbrock gọi ngay tên chúng:*

* *À, đây chỉ là một rừng nấm!*

*Nhưng thực vật ở đây không phải chỉ có những loài nấm ấy mà xa xa, chúng tôi thấy rất nhiều loài cây cao lớn khác thường mọc thành từng nhóm.*

*- Thật kì dị, nhưng huy hoàng và tráng lệ! – chú tôi kêu lên – Đây chính là toàn bộ hệ thực vật của thời kì chuyển tiếp của thế giới. Cháu hãy chiêm ngưỡng đi. Không một nhà thực vật học nào gặp một dịp may hiếm như vậy đâu!*

*- Hình như thượng đế muốn giữ trong cái nhà kính bao la này những loài cây trước thời hồng thuỷ.*

*- Nhà kính à? Nói đúng hơn thì đây cũng là một vườn thú!*

*- Sao chú lại nói vậy?*

*- À, cháu hãy nhìn kĩ đám cát bụi và những mảnh xương rải rác trên mặt đất kia xem!*

*- Trời! Xương cuả những động vật trước thời hồng thuỷ!*

*Tôi vội lao tới những tàn tích cổ đại, những cái xương khổng lồ đã hoá thạch trông giống những thân cây khô và kêu lên:*

*- Đây đúng là một vườn thú bởi những hài cốt này không phải do một tai biến vận chuyển đến đây mà thuộc những động vật đã từng sinh sống dưới bóng cây kì dị trên bờ biển ngầm này. Nhưng cháu không hiểu tại sao trong một cái hang đá hoa cương này lại có những động vật bốn chân ấy? Bởi vì đời sống động vật chỉ có trên trái đất ở thời kì thứ hai, khi đất trầm tích đã được hình thành do phù sa và đã thay thế các loại đá nóng sáng của thời kì nguyên thuỷ.*

*- Thắc mắc của cháu dễ giải đáp thôi. Sở dĩ có như vậy là vì mảnh đất này là đất trầm tích. Sự việc này có thể giải thích bằng địa chất học. Ở một thời kì nào đó, trái đất được bao bọc bởi một lớp đàn hồi, chịu tác dụng của những sự vận động lên xuống liên tục theo định luật hấp dẫn. Có thể xảy ra những sự lún sụt đất đai và một phần đất trầm tích đã bị cuốn xuống đáy những vực thẳm bỗng nứt ra ấy.*

*- Có thể như thế lắm. Nhưng nếu những quái vật trước thời hồng thuỷ đã từng sinh sống ở những vùng đất ngầm này biết đâu chẳng có một vài con đang lang thang trong những khu rừng âm u kia?*

*Tôi bỗng kinh hãi nhìn quanh khắp chân trời, nhưng không bắt gặp một quái vật nào trên bờ biển hoang vắng.*

*Cảm thấy mệt mỏi, tôi liền ngồi xuống một mỏm đá nhô ra biển và phóng mắt nhìn rộng ra khắp vịnh. Nơi đây, lọt thỏm giữa hai gò đá lớn, có một cảng nhỏ khuất gió, mặt nước phẳng lặng. Tôi mong nhìn thấy một con tàu nào đó đang xuôi theo gió, giong buồm ra khơi.*

*[…]*

*- Cứ thử xem, Axel ạ! Ta cần phải tìm hiểu thật cặn kẽ mọi bí mật của những vùng đất mới này.*

*- Nhưng hiện giờ chúng ta đang ở đâu?*

*- Ở cách Iceland ba trăm năm mươi dặm theo đường chim bay.*

*- Thế chúng ta đã xuống được bao sâu?*

*- Ba mươi lăm dặm.*

*- Vậy bây giờ chú định thế nào? Liệu chúng ta quay trở lại mặt đất không?*

*- Tại sao phải quay trở lại? Cho tới giờ phút này mọi việc vẫn trôi chảy cả, chúng ta không có lí do gì mà không tiếp tục lên đường.*

(Trích *Hành trình vào tâm trái đất,* Jules Verne, Nhà xuất bản văn học, 2022, Hoàng Duy dịch)

\*Tóm tắt tác phẩm: ***Hành trình vào tâm Trái Đất*** (tiếng Pháp: *Voyage au centre de la Terre*) là một tiểu thuyết khoa học viễn tưởng của Jules Verne xuất bản vào năm 1864. Câu chuyện kể về một giáo sư người Đức tin rằng có những miệng núi lửa có con đường đi thẳng xuống trung tâm Trái Đất. Ông, đứa cháu trai Axel, và người dẫn đường Hans của họ đã trải qua những chuyến phiêu lưu thú vị, gặp gỡ những con vật thời tiền sử cùng các thảm họa tự nhiên, cuối cùng đã quay lại được mặt đất ở miền nam nước Ý. Các sinh vật sống mà họ gặp phải phù hợp với từng thời kỳ địa chất, cũng như các lớp đá dần càng cổ hơn khi họ đi xuống càng sâu, những loài vật cũng xưa hơn khi các nhân vật tiến gần đến tâm Trái Đất.

**Câu 1.** Đoạn trích trên thuộc thể loại văn học nào?

1. Cổ tích B. Truyền thuyết

C. Truyện ngắn **D. Truyện khoa học viễn tưởng**

**Câu 2.** Đoạn truyện kể về sự việc gì?

1. Nhân vật “tôi” chuẩn bị trở về nhà
2. **Nhân vật “tôi” chứng kiến các tàn tích của thực vật và động vật trong lòng trái đất**
3. Cuộc tranh luận của nhân vật “tôi” và giáo sư.
4. Nhân vật “tôi” đang chứng kiến đại dương ở trong lòng đất.

**Câu 3.** Người kể đoạn truyện trên kể ở ngôi thứ mấy?

**A. Ngôi 1** B. Ngôi 2

C. Ngôi 3 D. Không xác định được.

**Câu 4:** Đoạn trích trên khắc họa nhân vật bằng cách nào?

1. **Qua ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật**
2. Qua ngôn ngữ độc thoại của các nhân vật
3. Qua hành động, cử chỉ, điệu bộ và lời nói của các nhân vật
4. Qua suy nghĩ của nhân vật

**Câu 5:** Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong đoạn trích trên:

1. Biểu đạt ý còn nhiều sự việc chưa liệt kê hết
2. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng
3. **Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt**
4. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

**Câu 6:** Theo nhận định của giáo sư, vì sao lại có sự xuất hiện của những động vật bốn chân trong một cái hang trong lòng đất, cách mặt đất vài chục dặm?

1. Vì trong lòng đất có sự sống giống như trên mặt đất
2. **Vì những sự lún sụt đất đai và một phần đất trầm tích trên mặt đất đã bị cuốn xuống đáy những vực thẳm bỗng nứt ra trên mặt đất..**
3. Vì đất trầm tích đã được hình thành do phù sa và đã thay thế các loại đá nóng sáng của thời kì nguyên thuỷ.
4. Tất cả các đáp án trên

**Câu 7:** Trong đoạn trích,các nhân vật đang ở độ sâu nào?

1. **Ba mươi lăm dặm**
2. Cách Iceland ba trăm năm mươi dặm theo đường chim bay.
3. Sáu mươi lăm dặm
4. Đoạn trích không nhắc đến

**Câu 8:** Trạng ngữ trong câu: *“Cảm thấy mệt mỏi, tôi liền ngồi xuống một mỏm đá nhô ra biển và phóng mắt nhìn rộng ra khắp vịnh.*” có tác dụng:

1. Chỉ thời gian
2. Chỉ nơi chốn
3. Chỉ mục đích
4. **Chỉ nguyên nhân**

**Câu 9. Câu trả lời của giáo sư ở cuối đoạn trích*: “Tại sao phải quay trở lại? Cho tới giờ phút này mọi việc vẫn trôi chảy cả, chúng ta không có lí do gì mà không tiếp tục lên đường.”* gợi cho em suy nghĩ gì về vị giáo sư này?**

***Gợi ý***

+ Giáo sư là người kiên trì, quyết tâm thực hiện mục tiêu mà mình đang theo đuổi. Dù hành trình khám phá đầy mới mẻ, chưa biết điều gì sẽ đón nhận mình ở phía trước, dù cho người xung quanh đã có phần nao núng, muốn quay trở về nhưng giáo sư vẫn quyết tâm tiếp tục lên đường.

+ Giáo sư là người đam mê khoa học, thích tìm tòi khám phá với những chuyến phiêu lưu mạo hiểm, quyết tâm chinh phục hành trình vào tâm trái đất của mình

**Câu 10.** **Dù không dựa trên cơ sở khoa học thực tế nhưng *Hành trình vào tâm trái đất* vẫn có những sự hấp dẫn đặc biệt của nó. Theo em điều gì đã làm nên sức hấp dẫn đó? Từ tác phẩm, gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của việc khám phá bí ẩn của thế giới tự nhiên?**

***Gợi ý trả lời***

- Sức hấp dẫn của câu chuyện:

+ Sự tưởng tượng kì diệu, phong phú về thế giới bên trong lòng đất – nơi mà loài người chưa từng đặt chân đến.

+ Ngôn ngữ kể chuyện hấp dẫn, tạo thành nhiều tình huống li kì, thu hút sự chú ý của người đọc.

+ Câu chuyện có sức giáo dục người đọc: Bằng cách đưa các sinh vật đã tuyệt chủng vào đúng thời kỳ địa chất của chúng, ông đã cho người đọc một cách hình dung về thế giới cổ đại, từ kỷ băng hà cho đến thời kỳ khủng long.

- Ý nghĩa của việc khám phá bí ẩn của thế giới tự nhiên:

+ Cung cấp cho chúng ta những hiểu biết về thế giới xung quanh chúng ta, những điều đã trải qua, những điều đang tồn tại, những điều sẽ xảy ra trong tương lai.

+ Giúp chúng ta có cách ứng xử đúng đắn với tự nhiên trong hiện tại và tương lai.

+ Có những biện pháp phòng tránh, hạn chế tối đa những rủi ro trước những hiểm hoạ trong tự nhiên

**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THEO THỂ LOẠI**

**TIẾT 4-5-6:**

**KIẾN THỨC VỀ THỂ LOẠI THƠ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập cơ bản và nâng cao về đọc hiểu văn bản theo thể loại thơ HS được học trong chương trình Ngữ văn lớp 7 gồm:

- Thơ (bốn chữ, năm chữ, tự do)

**B. CHUẨN BỊ :**

**1. Giáo viên:** giáo án, đề, phiếu học tập

**2. Học sinh :** ôn tập lại đặc điểm các thể loại …

**C. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

**I. Kiến thức chung về thể loại thơ**

**1. Một vài yếu tố của thơ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhân vật trữ tình** | \***Khái niệm**: Là người trực tiếp bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ,… trong bài thơ nhưng không đồng nhất với tác giả.  \***Phân loại**: Hai dạng:  - Xuất hiện trực tiếp qua các đại từ nhân xưng *(tôi, anh, em, chúng ta, chúng tôi,...)*  - Chủ thể ẩn, không có ngôi (nhân danh cái chung, đại diện cho một bộ phận xã hội) |
| **Vần** | \***Ý nghĩa**: tạo cho lời thơ sự kết dính âm vang đầy ấn tượng; làm cho thơ dễ thuộc, dễ nhớ hơn.  \***Phân loại:**  - Xét về vị trí: vần chân (cước vận), vần lưng (yêu vận)  + Vần chân là vần được gieo vào cuối dòng thơ, nghĩa là các tiếng ở cuối dòng vần với nhau.  + Vần lưng là vần được gieo ở giữa dòng thơ, nghĩa là tiếng cuối của dòng trên vần với một tiếng nằm ở giữa dòng dưới hoặc các tiếng trong cùng một dòng thơ hiệp vận với nhau  - Xét về thanh điệu: vần thanh trắc (T), vần thanh bằng (B). |
| **Nhịp**  **(ngắt nhịp)** | \***Khái niệm:** Là cách tổ chức, sắp xếp sự vận động của lời thơ, thể hiện qua các chỗ dừng, chỗ nghỉ khi đọc bài thơ.  \***Nhịp thơ** được biểu hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng đều đặn ở cuối mỗi dòng thơ.  \***Vai trò:** tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng góp phần biểu đạt nội dung bài thơ. |
| **Từ ngữ, hình ảnh** | - Từ ngữ trong thơ là thứ ngôn ngữ gợi hình, gợi cảm, được chọn lọc, trau chuốt.  - Hình ảnh trong thơ thường được tạo nên bằng việc sử dụng từ ngữ (tượng thanh, tượng hình, từ láy,…) và các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, nhân hoá, hoán dụ, đối,…) giúp nhà thơ miêu tả sống động hoặc truyền tải cảm xúc, tư tưởng mạnh mẽ.  - Cả từ ngữ và hình ảnh thơ đều mang sức gợi cảm lớn, có khả năng chứa đựng nhiều tầng ý nghĩa. |
| **Cảm hứng chủ đạo trong thơ** | - Là trạng thái cảm xúc, tình cảm mãnh liệt, tràn đầy, bao trùm xuyên suốt toàn bài thơ, gắn với một tư tưởng, một cách đánh giá của tác giả.  - Mỗi tác phẩm có thể có nhiều cảm hứng nhưng chỉ có một cảm hứng chủ đạo vì đó là cảm hứng chính, bao trùm tác phẩm.  - Thường có những dạng cảm hứng chủ đạo như: cảm hứng anh hùng, tự hào, bi thương, trào lộng,… |
| **Thông điệp** | * Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học, là cách ứng xử mà tác giả muốn gửi đến người đọc. |

**2. Đặc điểm của các thể thơ**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thơ bốn chữ** |
| **Thơ bốn chữ** | Thơ bốn chữ là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường ngắt nhịp 2/2.  - Thơ bốn chữ thường để diễn đạt những nội dung vui tươi, hồn nhiên, dí dỏm, tinh nghịch, nhí nhảnh,..nhờ ưu điểm câu thơ ngắn, gieo vần nhịp nhàng |
| **Thơ năm chữ** | Thơ năm chữ là thể thơ mỗi dòng có năm chữ, thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3.  -Nội dung phản ánh phong phú và lớn lao hơn thơ 4 chữ:  + Phản ánh những vấn đề xã hội sâu sắc như : tố cáo tội ác của bọn quan lại, tố cáo những bất công vô lí trong xã hội cũ;  + Thể hiện nỗi niềm tâm sự của các tác giả trước cuộc đời;  + Trong văn học hiện đại sau Cách mạng tháng Tám, thể thơ năm chữ còn đề cập đến nhiều nội dung khác nữa như : ca ngợi lãnh tụ; ca ngợi anh bộ đội Cụ Hồ; miêu tả thiên nhiên ; ca ngợi tình cảm gia đình;… |
|
| **Thơ tự do** | -**-** Ra đời do nhu cầu giải phóng cảm xúc khởi sự ràng buộc chặt chẽ của các quy tắc về hình thức. Câu thơ và các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, không theo khuôn mẫu nào cả.  - Bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo.  - Phản ánh được những khía cạnh mới của cuộc sống đa dạng, thể hiện những cái nhìn nghệ thuật mới của nhà thơ. |

**II. Cách đọc hiểu thơ**

- Xác định thể thơ và những đặc điểm chính của thể thơ.

- Tìm hiểu chủ thể trữ tình của bài thơ: lời của bài thơ là lời của ai, nói với ai, trong hoàn cảnh nào? Bộc lộ cảm xúc về điều gì?

- Bài thơ có các hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,... đặc sắc nào? Các yếu tố đó có tác dụng ra sao trong việc bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm...của tác giả?

- Cảm hứng chủ đạo và chủ đề của bài thơ là gì?

- Chú ý đến những rung động, cảm xúc của mình khi đọc bài thơ.

**III. Luyện đề đọc hiểu thơ**

**Đề số 01: Đọc bài thơ sau:**

**HẠT GẠO LÀNG TA**

|  |  |
| --- | --- |
| Hạt gạo làng ta  Có vị phù sa  Của sông Kinh Thầy  Có hương sen thơm  Trong hồ nước đầy  Có lời mẹ hát  Ngọt bùi đắng cay…    Hạt gạo làng ta  Có bão tháng bảy  Có mưa tháng ba  Giọt mồ hôi sa  Những trưa tháng sáu  Nước như ai nấu  Chết cả cá cờ  Cua ngoi lên bờ  Mẹ em xuống cấy | Hạt gạo làng ta  Những năm bom Mỹ  Trút trên mái nhà  Những năm cây súng  Theo người đi xa  Những năm băng đạn  Vàng như lúa đồng  Bát cơm mùa gặt  Thơm hào giao thông  […] |

Trần Đăng Khoa, ***Góc sân và khoảng trời***, NXB Văn hoá dân tộc, 1999

**Câu 1**. Đoạn trích trên được làm theo thể thơ gì?

A**. Thơ bốn chữ**

B. Thơ năm chữ

C. Thơ song thất lục bát

D**.** Thơ lục bát

**Câu 2**. Ai là người bộc lộ tình cảm, cảm xúc trong bài thơ?

A. Người mẹ

**B.** “**Em” – người con**

C. Người đi xa

D. Bạn bè của “em”

**Câu 3.** Hạt gạo làng ta **không** chứa điều gì?

A. Vị phù sa

B. Hương sen thơm

C. Giọt mồ hôi

**D. Mùi súng đạn**

**Câu 4.** Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong các câu thơ sau?

*“Những năm băng đạn*

*Vàng như lúa đồng*

*Bát cơm mùa gặt*

*Thơm hào giao thông…”*

A. Nói giảm nói tránh

B. Nhân hóa

C. Hoán dụ

**D. So sánh**

**Câu 5.** Sự lặp lại câu thơ “*Hạt gạo làng ta*” ở đầu mỗi khổ thơ có tác dụng gì?

A. Nhấn mạnh hình ảnh trung tâm được tác giả biểu cảm trong bài thơ, giúp người đọc dễ hình dung về “hạt gạo” – “hạt vàng” của quê hương;

B. Tạo ấn tượng mạnh mẽ cho người đọc về hình ảnh trung tâm cửa bài thơ “hạt gạo”, đồng thời nhắc nhở chúng ta cần trân quý thành quả lao động;

C. Nhấn mạnh, gây ấn tượng cho người đọc về đối tượng trung tâm mà bài thơ biểu cảm, tạo sự liên kết và nhịp điệu cho đoạn thơ.

**D. Thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ: khắc họa cụ thể, chi tiết, ấn tượng đối tượng trung tâm mà bài thơ cần biểu đạt: “hạt gạo” – “hạt vàng” của quê hương**

**Câu 6.** Trong bài thơ, hình ảnh người mẹ hiện lên như thế nào?

**A**. Người mẹ giàu tình yêu thương con

**B. Người mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó**

C. Người mẹ hết lòng phục vụ kháng chiến

D. Người mẹ cơ cực, lam lũ

**Câu 7**. Ý nào **không** đúng?

Tình cảm của nhân vật trữ tình thể hiện qua đoạn thơ là:

A. Trân trọng hạt gạo quê hương, trân trọng công sức lao động.

B. Đồng cảm với những khó khan, vất vả của người nông dân sớm hôm để có được hạt gạo.

C. Yêu quý quê hương, đất nước

**D. Quyết tâm thoát khỏi cảnh nghèo khó ở quê hương**

**Câu 8.  Nêu nội dung của đoạn thơ.**

**GỢI Ý**

Nội dung của đoạn thơ:

- Khẳng định vẻ đẹp của hạt gạo làng ta: hạt gạo hay cũng chính là những hạt ngọc của quê hương, kết tinh vẻ đẹp quê hương, bao công sức của người nông dân.

- Thể hiện tình cảm yêu mến, tự hào về quê hương của nhà thơ.

**Câu 9. Chỉ ra tác dụng của biện pháp so sánh trong hai câu thơ sau:**

*“Nước như ai nấu*

*Chết cả cá cờ”*

**GỢI Ý**

- Biện pháp so sánh: Nước – như – ai nấu

- Tác dụng tu từ:

+ Thể hiện sự khắc nghiệt của thời tiết tháng 6, qua đó cho thấy những khó khăn, vất vả mà người nông dân phải vượt qua để tạo ra những hạt gạo.

+ Thể hiện sự đồng cảm với những nỗi vất vả trong lao động của người nông dân, càng them trân trọng công sức lao động.

**Câu 10**. Em hãy nêu thông điệp ý nghĩa nhất mà em rút ra từ văn bản.

**GỢI Ý**

HS có thể chỉ ra một trong những thông điệp sau:

- Cần phải biết trân trọng những người nông dân làm ruộng vất vả, chân lấm tay bùn để tạo ra những hạt gạo quý giá.

- Cần trân trọng hạt gạo cũng như trân trọng giá trị lao động của con người.

- Có ý thức lao động, yêu quý, trân trọng giá trị sản phẩm do lao động chân chính làm ra

- Yêu gia đình, quê hương, đất nước

**Đề số 02: Đọc văn bản sau:**

**ĐƯA CON ĐI HỌC**

*Sáng nay mùa thu sang*

*Cha đưa con đi học*

*Sương đọng cỏ bên đường*

*Nắng lên ngời hạt ngọc*

*Lúa đang thì ngậm sữa*

*Xanh mướt cao ngập đầu*

*Con nhìn quanh bỡ ngỡ*

*Sao chẳng thấy trường đâu?*

*Hương lúa tỏa bao la*

*Như hương thơm đất nước*

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước*

*Thu 1964*

*(Tế Hanh,* ***Khúc ca mới****, Tr.32, NXB Văn học,1966)*

**Câu 1.** Bài thơ trên được làm theo thể thơ nào ?

A. Tự do C. Lục bát

**B. Năm chữ**  D. Bốn chữ

**Câu 2.** Thời gian nào được nhắc đến trong bài thơ?

A. Một buổi trưa hè

**B. Một buổi sáng đầu thu**

C. Một ngày trong quá khứ

D. Một buổi sáng cuối thu

**Câu 3**. Ai là người bộc lộ tình cảm, cảm xúc trong bài thơ?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Người cha** | C. Cả người con và người cha |
| B. Người con | D. Không xác định được. |

**Câu 4**. Trong các từ sau, từ nào là từ láy?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Xanh mướt | **C. Bỡ ngỡ** |
| B. Bao la | D. Hương lúa |

**Câu 5**. Khung cảnh đường đi học có những hình ảnh nào?

A. Sương đọng trên cỏ, ánh nắng

B. Mùi thơm của hương lúa, sương đọng trên cỏ, ánh nắng

C. Lúa xanh mướt, mùi thơm của hương lúa, Sương đọng trên cỏ

**D. Sương đọng trên cỏ, ánh nắng, lúa xanh mướt**

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ sau?

*Hương lúa tỏa bao la*

*Như hương thơm đất nước*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nhân hoá | **C. So sánh** |
| B. Ẩn dụ | D. Điệp từ |

**Câu 7.** Theo em, hình ảnh “hạt ngọc” trong 2 câu thơ “*Sương đọng cỏ bên đường/ Nắng lên ngời hạt ngọc”* dùng để tả vẻ đẹp của hình ảnh nào? ?

A. Giọt nắng mùa thu C. Hương lúa mùa thu

**B. Sương trên cỏ bên đường** D. Ngọn gió mùa thu

**Câu 8.** Dòng nào sau đây nói đúng nhất nội dung chính của bài thơ?

A. Ngợi ca tình cảm cha con, tình cảm gia đình.

**B. Ca ngợi tình yêu quê hương, đất nước.**

D. Thể hiện lòng biết ơn của người con với người cha.

C. Thể hiện niềm vui của cha được đưa con đến trường

**Câu 9**. Theo em, người cha muốn nhắn gửi điều gì với con qua hai câu thơ sau?

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước.*

**GỢI Ý**

Qua hai câu thơ cuối, ngày cha muốn nhắn nhủ con:

- Con hãy dũng cảm bước về phía trước, sẽ có nhiều điểu tốt đpẹ đang đón chờ con khám phá.

- Bước chân của con luôn có cha đồng hành, cha sẽ đi cùng con trên mọi chặng đường, đưa con đến những nơi tốt đẹp. Cha luôn yêu thương, tin tưởng và hi vọng ở con.

**Câu 10.** Em có cảm nhận như thế nào về tình cảm của người cha trong bài thơ?

**GỢI Ý**

Qua bài thơ, người đọc có thể cảm nhận được tình cảm của người cha:

- Yêu thương con, mong mọi điều tốt đẹp sẽ đến với con; khích lệ con bước về phía trước.

- Tình yêu con hoà vào tình yêu quê hương, đất nước.

**Đề số 03:**

**Đọc văn bản sau:**

*Cỏ dại quen nắng mưa*

*Làm sao mà giết được*

*Tới mùa nước dâng*

*Cỏ thường ngập trước*

*Sau ngày nước rút*

*Cỏ mọc đầu tiên…*

*Trong cuộc đời bình yên tựa nghìn xưa*

*Gần gũi nhất vẫn là cây lúa*

*Trưa nắng khát ước về vườn quả*

*Lúc xa nhà nhớ một dáng mây*

*Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây*

*Một làn khói, một mùi hương trong gió…*

*Có mấy ai nhớ về ngọn cỏ*

*Mọc vô tình trên lối ta đi*

*Dẫu nhỏ nhoi không đáng nhớ làm chi*

*Không nghĩ đến nhưng mà vẫn có.*

*(Cỏ dại –* Xuân Quỳnh*)*

**Câu 1.** Đoạn trích được viết theo thể thơ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Tự do**  B. Hiện đại | C. Bảy chữ  D. Tám chữ |

**Câu 2.** Văn bản nói về loài cây nào?

A. Cây lúa

B. Cây hoa

C**. Cây cỏ dại**

D. Cây dừa

**Câu 3.** Ý nào **không** đúng**:** Cây cỏ dại là loài cây như thế nào?

A. Là loài cây quen nắng mưa.

B. Là loài cây có sức sống mạnh mẽ

C**. Là loài cây gần gũi với con người**

D. Là loài cây nhỏ bé, ít người để ý tới

**Câu 4. Ý nào đúng nhất:** Những câu thơ sau cho thấy điều gì ở loài cỏ dại?

*Tới mùa nước dâng*

*Cỏ thường ngập trước*

*Sau ngày nước rút*

*Cỏ mọc đầu tiên…*

A. Cỏ dại mọc thấp nên dễ ngập nước

**B. Cỏ dại có sức sống mãnh liệt**

C. Cỏ dại phải chịu nhiều thời tiết khắc nghiệt

D. Cỏ dại dễ thích nghi với môi trường

**Câu 5.** Trong cuộc đời bình yên tự ngàn xưa, điều gì là thân thuộc nhất?

**A.** **Cây lúa**

B. Vườn quả

C. Dáng mây

D. Tất cả các đáp án trên

**Câu 6.** Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong hai câu thơ sau là:

*Một dòng sông, ngọn núi, rừng cây*

*Một làn khói, một mùi hương trong gió…*

A. Liệt kê

B. Điệp

C. So sánh

**D. Liệt kê, điệp**

**Câu 7.** Hình ảnh “*cỏ dại*” được nêu trong đoạn thơ tượng trưng cho:

**A. Những thứ nhỏ bé, bình dị nhưng lại có sức sống bền bỉ**

B. Những thứ nhỏ bé, bình dị, đơn sơ trong cuộc sống

C. Sức sống mãnh liệt, bền bỉ, khó có gì có thể khuất phục.

D. Những kiếp người nhỏ bé.

**Câu 8. Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn thơ.**

**GỢI Ý**

- Sức sống mạnh mẽ, khiêm nhường của loài cỏ dại

- Sự thức nhận của nhân vật trữ tình về những điều tưởng chừng bé nhỏ.

**Câu 9. Nhận xét về tình cảm của nhân vật trữ tình qua bài thơ.**

**GỢI Ý**

- Có những quan sát tinh tế về cuộc sống quanh mình.

- Trân trọng sức sống mãnh liệt, khiêm nhường của loài của dại.

- Có những trăn trở, thức nhận về những điều tưởng chừng bé nhỏ trong cuộc sống.

**Câu 10. Thông điệp ý nghĩa rút ra từ phần đọc hiểu? Tại sao anh/ chị lại lựa chọn thông điệp này?**

**GỢI Ý**

HS có thể rút ra một trong những thông điệp sau:

- Cần trân trọng những thứ bé nhỏ, bình dị trong cuộc sống.

- Trước khó khăn không bao giờ được gục ngã, hãy sống mạnh mẽ như loài cỏ dại.

…

HS chọn và lí giải thông điệp.

**Đề số 04: Đọc văn bản sau:**

**HƠI ẤM Ổ RƠM**

*Tôi gõ cửa ngôi nhà tranh nhỏ bé ven đồng chiêm*

*Bà mẹ đón tôi trong gió đêm:*

*– Nhà mẹ hẹp nhưng còn mê chỗ ngủ*

*Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chăn chả đủ*

*Rồi mẹ ôm rơm lót ổ tôi nằm*

*Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm*

*Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng*

*Trong hơi ấm nhiều hơn chăn đệm*

*Của những cọng rơm xơ xác gày gò*

*Hạt gạo nuôi hết thảy chúng ta no*

*Riêng cái ấm nồng nàn như lửa*

*Cái mộc mạc lên hương của lúa*

*Đâu dễ chia cho tất cả mọi người.*

                  (Nguyễn Duy, *Cát trắng*, NXB Quân đội nhân dân, 1973)

**Câu 1**. Văn bản trên viết theo thể thơ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bảy chữ | **C. Tự do** |
| B. Tám chữ | D. Thất ngôn Đường luật |

**Câu 2**. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

**A. Nhân vật *tôi***

B. Nhân vật người mẹ

C. Tác giả, xuất hiện trực tiếp, xưng tên riêng

D. Chủ thể ẩn

**Câu 3**. Ý nào **không** nói đúng hoàn cảnh mà nhân vật tôi gõ cửa nhà bà mẹ?

A. Đêm khuya bị lỡ đường

B. Ngoài trời lạnh

C. Đi qua một vùng đồng chiêm

**D. Gặp ngôi nhà tranh rộng rãi**

**Câu 4**. Đâu là lời nói của người mẹ trong bài thơ?

**A. *Nhà mẹ hẹp nhưng còn mê chỗ ngủ***

B. *Mẹ chỉ phàn nàn chiếu chăn chả đủ*

C. *Hạt gạo nuôi hết thảy chúng ta no*

D. Cả 3 đáp án trên đều sai

**Câu 5.** Câu thơ *Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm* sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa

B. So sánh

C. Ẩn dụ

**D. Nhân hoá và So sánh**

**Câu 6.** Dòng thơ nào nói lên trực tiếp tâm trạng của nhân vật tôi khi được nằm trong hơi ấm ổ rơm?

*A. Rơm vàng bọc tôi như kén bọc tằm*

***B. Tôi thao thức trong hương mật ong của ruộng***

*C. Riêng cái ấm nồng nàn như lửa*

D. Cái mộc mạc lên hương của lúa

**Câu 7.** Ý nào khái quát nội dung chính của bài thơ?

A. Đề cập đến ý nghĩa hơi ấm ổ rơm của người mẹ cưu mang người chiến sĩ trong đêm khuya lỡ đường.

B. Đề cập đến hình bóng người mẹ nghèo vùng đồng chiêm đã cưu mang người chiến sĩ.

C. Đề cập đến kỉ niệm về đêm lỡ đường của người chiến sĩ.

**D. Đề cập đến tấm lòng người mẹ nghèo cưu mang người chiến sĩ và lòng biết ơn của người chiến sĩ.**

**Câu 8. Anh/chị hiểu như thế nào về hình ảnh “hương mật ong của ruộng”?**

**GỢI Ý**

Hình ảnh “hương mật ong của ruộng”:

* Nghĩa thực: là hương thơm dịu ngọt của rơm rạ, của ruộng đồng quen thuộc mà nhân vật trữ tình cảm nhận được bằng khứu giác.

Nghĩa biểu tượng: Mùi thơm của hơi ấm ổ rơm hay chính là hương vị của tình người, của sự ân cần, chu đáo mà người mẹ nghèo kia đã dành tặng cho người chiến sĩ xa lạ.

**Câu 9. Nêu cảm nhận về hình ảnh người mẹ trong bài thơ.**

**GỢI Ý**

Người mẹ trong bài thơ là một người mẹ tuy nghèo về vật chất nhưng rất giàu tình yêu thương. Gặp người chiến sĩ xa lạ trong đêm khuya lỡ đường xin ở qua một đêm, mẹ sẵn sàng cưu mang, nồng hậu đón tiếp với tất cả tình cảm yêu thương, sự ân cần chu đáo: “Nhà mẹ hẹp nhưng còn mê chỗ ngủ”, sẵn lòng thu xếp cho nơi ngủ.

**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THEO THỂ LOẠI**

**TIẾT 7-8-9:**

**KIẾN THỨC VỀ THỂ LOẠI VĂN BẢN THÔNG TIN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập cơ bản và nâng cao về đọc hiểu văn bản theo thể loại văn bản TT HS được học trong chương trình Ngữ văn lớp 7 gồm:

- Văn bản thông tin (về trò chơi, về cách thức hoạt động, về lễ hội)

**B. CHUẨN BỊ :**

**1. Giáo viên:** giáo án, đề, phiếu học tập

**2. Học sinh :** ôn tập lại đặc điểm các thể loại …

**C. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

1. **ĐẶC ĐIỂM THỂ LOẠI**

***1. Định nghĩa văn bản thông tin***: Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các hiện tượng tự nhiên, thuật lại các sự kiện, giới thiệu các danh lam thắng cảnh, hướng dẫn các quy trình thực hiện một công việc nào đó,...

***2. Đặc điểm của văn bản thông tin***

**\*Về nội dung:** Cung cấp thông tin về đối tượng, bao gồm:

**-** *Thông tin cơ bản:* là thông tin chính, quan trọng, toát ra từ toàn bộ văn bản. Thông tin cơ bản thường được tóm lược khái quát trong nhan đề, sa-pô (đoạn mở đầu).

*- Chi tiết trong văn bản thông tin:* là đơn vị nhỏ làm cơ sở và góp phần làm sáng tỏ thông tin chính.

+ Thông tin chi tiết thường được triển khai qua các đề mục, tiểu mục hoặc các phần, các đoạn trong văn bản.

+ Bao gồm cả chi tiết biểu đạt bằng ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ (số liệu, sơ đồ, hình ảnh, bảng biểu,…

**\* Về hình thức:** thường được trình bày bằng chữ viết kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ khác như số liệu, *hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu, màu sắc, đường nét,…*

***3. Các mô hình cấu trúc của văn bản thông tin***

**-** Theo trật tự thời gian

- Theo nguyên nhân – kết quả

- Theo vấn đề và giải pháp

- Theo chuỗi các sự việc

- Theo các bước trong quy trình

…

**Lưu ý:** Việc người viết lựa chọn cách triển khai thông tin trong văn bản thông tin phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng được nói tới, vào mục đích và hiệu quả tác động đến người đọc.

**II. CÁCH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THÔNG TIN**

- Xác định thông tin cơ bản của văn bản.

- Xác định các thông tin chi tiết và trình tự triển khai thông tin của văn bản.

- Biết suy luận và phân tích mối liên hệ giữa các thông tin chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản.

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của VB, cách đặt nhan đề của tác giả, nhận biết được mục đích viết và quan điểm của người viết.

- Nhận biết và phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung VB một cách sinh động, hiệu quả.

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của VB thông tin đã đọc đối với bản thân.

**III. LUYỆN ĐỀ**

**Đề số 01: Đọc văn bản sau:**

**Bầu khí quyển: Vỏ bọc bảo vệ của Trái đất**

Chúng ta sống tại đáy của một biển không khí gọi là bầu khí quyển. Bầu khí quyển bao quanh những phần rắn và lỏng của Trái đất - đất và nước - nhưng thực sự chỉ là một phần thôi.

Nhưng bầu khí quyển không luôn luôn ở đó. Cách đây khoảng 4 tỉ năm, Trái đất chưa phát triển lớp vỏ khí quyển mà tất cả sự sống phụ thuộc vào như ngày nay. Không có bầu trời trong xanh biểu thị cho ngày, và những vì sao cũng không tỏa sáng lấp lánh vào ban đêm, do đó có rất ít không khí để có thể bắt được và tỏa ánh sáng của chúng.

Khi Trái đất xoay, mặt bên khuất với Mặt trời bị đóng băng trong khi mặt kia lại bị nung nóng lên, do ở đó có ít không khí để giữ lại nhiệt hay phản nhiệt.

**Sự hình thành bầu khí quyển**

Khi Trái đất đứng lại, khối lượng của nó tạo ra đủ trọng lực để giữ các loại khí từ không gian - nhưng chỉ những loại khí như methane, amoniac, hơi nước và những loại khí hiếm như neon, argon, và krypton. Các nhà khoa học tin rằng đó là những nguyên tố trong bầu khí quyển đầu tiên của hành tinh này.

Khi Trái đất nguyên sơ ổn định lại ở thể rắn, những ngọn núi lửa lớn hình thành trên bề mặt của nó. Những ngọn núi lửa này phun ra lượng lớn carbon monoxide và carbon dioxide. Lượng khí này dần dần kết hợp lại với nhau thành bầu khí quyển đầu tiên.[...]

**Bầu khí quyển ngày nay**

Ở dạng hiện tại, bầu khí quyển hoạt động phần lớn giống như mái kính của nhà kính. Nó làm giảm đi sự thay đổi về nhiệt độ giữa ngày và đêm, giữa mùa hè và mùa đông. Các tia nhiệt của Mặt trời xâm nhập vào bầu không khí và làm ấm bề mặt Trái đất vào ban ngày. Bầu khí quyển phía trên giữ lại lượng nhiệt này để nó có thể thoát vào không gian chậm hơn, làm dịu đi cái lạnh vào ban đêm.

Bầu khí quyển bảo vệ sự sống trên Trái đất khỏi một trận mưa thiên thạch. Người ta ước tính có hơn 100.000 phân tử như vậy va chạm vào bầu khí quyển của Trái đất cứ mỗi 24 giờ. Nhưng sự va chạm của bầu khí quyển làm giảm đi tất cả nhưng đặc biệt là lượng khí và bụi trước khi chúng chạm đến mặt đất. Bầu khí quyển cũng làm chệch hướng của nhiều loại bức xạ khác nhau và những phân tử tích điện từ Mặt trời.

Nhờ bầu khí quyển mà sự sống trên Trái đất trải qua mưa, gió, mây và các loại thời tiết khác, cũng như là màu sắc của bình minh và hoàng hôn, cầu vồng, và những ánh ban mai hay ánh sáng địa cực đẹp rực rỡ.

**Hỗn hợp khí**

Bầu khí quyển ngày nay gồm có phần lớn là khí nitơ (78%) và khí oxy (21%). Những loại khí khác gồm có argon (0,9%), carbon dioxide (0,04%), và một lượng nhỏ neon, hydro, heli, ozone, methane và nitrous oxide. Lượng hơi nước trong không khí cực kỳ khác nhau, phụ thuộc vào địa điểm và thời gian đo lường.

Lượng oxy trong không khí cần thiết cho các quá trình hô hấp và trao đổi chất, những quá trình mà con người và những loài động vật khác nhận lấy năng lượng cần có để duy trì sự sống. Oxy cũng là một yếu tố cần thiết cho nhiều quá trình vật lý, như sự đốt cháy. Khí nitơ, cũng đóng một vai trò quan trọng trong quá trình hô hấp và vô số các quá trình sinh học và lý học khác.

Carbon dioxide góp một phần nhỏ, nhưng quan trọng vào bầu khí quyển. Thực vật sử dụng nó trong quá trình quang hợp, trong quá trình đó chúng sản xuất ra cả năng lượng và oxy.[...]

Nằm ở trung tâm trên trái đất khoảng 25km là một lớp oxy “được tăng nạp” gọi là ozone. Mỗi phân tử của tầng ozone đều chứa ba nguyên tử oxy thay vì hai nguyên tử trong một phân tử oxy thông thường.

Tầng ozone hấp thụ một lượng lớn nhiệt bức xạ của mặt trời, và do đó làm ấm bầu khí quyển bên dưới và bảo vệ sự sống khỏi những tác động phá hủy của bức xạ nhiệt. Sự suy yếu của tầng ozone do các chất gây ô nhiễm của con người tạo ra là mối quan tâm lớn ngày nay, và nổi lên như là một lĩnh vực nghiên cứu khoa học quan trọng.

(NGUYỄN ĐĂNG KHOA *biên dịch*, nguồn: *Tuoitre.vn*, ngày 19 Tháng 10, 2009)

**Câu 1.** Thông tin chính của văn bản là gì?

A. **Vai trò của lớp khí quyển đối với sự sống trên trái Đất**

B. Cấu tạo của tầng khí quyển

C. Tuổi của tầng khí quyển trên Trái Đất

D. Sự ô nhiễm của bầu khí quyển

**Câu 2.** Thông tin trong văn học thuộc loại?

A. Thông tin đời sống

B. Thông tin thời sự

**C. Thông tin khoa học**

D. Thông tin chính trị

**Câu 3.** Theo văn bản, bầu khí quyển được hiểu là:

A. Phần bao quanh Trái Đất

B. Phần chất khí trên Trái Đất

C. Phần không gian trên Trái Đất

**D. Đáy của một biển không khí**

**Câu 4.** Tác dụng của bầu khí quyển:

**A. Giảm đi sự thay đổi về nhiệt độ giữa ngày và đêm, giữa mùa hè và mùa đông; bảo vệ sự sống trên Trái đất khỏi một trận mưa thiên thạch; tạo ra các loại thời tiết, khí hậu,…**

B. Tạo ra thủy triều; bảo vệ sự sống trên Trái đất khỏi một trận mưa thiên thạch; tạo ra các loại thời tiết, khí hậu,…

C. Giảm đi sự thay đổi về nhiệt độ giữa ngày và đêm, giữa mùa hè và mùa đông; tạo ra nhật thực, nguyệt thực; tạo ra các loại thời tiết, khí hậu,…

D. Giảm đi sự thay đổi về lương thực; bảo vệ sự sống trên Trái đất khỏi một trận mưa thiên thạch; tạo ra các loại thời tiết, khí hậu,…

**Câu 5.** Cách diễn đạt phủ định kết hợp phương thức miêu tả có ý nghĩa gì trong đoạn văn: “*Cách đây khoảng 4 tỉ năm, Trái đất chưa phát triển lớp vỏ khí quyển mà tất cả sự sống phụ thuộc vào như ngày nay. Không có bầu trời trong xanh biểu thị cho ngày, và những vì sao cũng không tỏa sáng lấp lánh vào ban đêm, do đó có rất ít không khí để có thể bắt được và tỏa ánh sáng của chúng*”?

A. Người đọc bị thuyết phục bởi những lí lẽ sắc sảo

B. Giúp tác giả bộc lộ một cách sâu sắc tình yêu với hành tinh xanh

**C. Khiến người đọc hình dung rõ nét và sống động vai trò quan trọng của lớp vỏ khí quyển**

D. Tạo sự kết nối giữa hành tinh hiện tại và hành tinh cách đây 4 tỉ năm

**Câu 6.** Từ ngữ trong đoạn trích trên có đặc điểm:

A. Vừa hài hước, hóm hỉnh, vừa trang trọng, cổ kính

B. Vừa chân chất, mộc mạc, vừa trang trọng, cổ kính

C. Vừa thơ mộng, trữ tình, vừa hiện thực, chuẩn xác

**D. Vừa gần gũi, dễ hiểu vừa mang tính khoa học, chính xác**

**Câu 7.** Một thông điệp rút ra từ văn bản:

A. Bầu khí quyển đã bị tổn thương, hãy thích nghi

**B. Bầu khí quyển sau nhiều tỉ năm mới hoàn thiện để sự sống được nảy nở, sinh sôi, hãy bảo vệ nó**

C. Bầu khí quyển đã thay đổi sau nhiều tỉ năm, hãy học cách thích nghi

D. Bầu khí quyển chứa nhiều hỗn hợp khí, hãy làm trong sạch nó

**Câu 8.** Hãy chỉ rõ mạch triển khai thông tin trong văn bản.

**GỢI Ý**

Giới thiệu chung về vai trò của bầu khí quyển => Sự hình thành bầu khí quyển => Bầu khí quyển ngày nay => Hỗn hợp khí hữu ích cho sự sống trong bầu khí quyển => Khẳng định trách nhiệm của nhân loại đối với bầu khí quyển.

**Câu 9.** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong đoạn văn sau:

*“Ở dạng hiện tại, bầu khí quyển hoạt động phần lớn giống như mái kính của nhà kính. Nó làm giảm đi sự thay đổi về nhiệt độ giữa ngày và đêm, giữa mùa hè và mùa đông.”*

**GỢI Ý**

* Phép so sánh: bầu khí quyển với mái kính của nhà kính
* Tác dụng:

+ Làm đoạn văn sinh động, hấp dẫn, gợi hình, gợi cảm

+ Nhấn mạnh vai trò của bầu khí quyển đối với sự sống trên Trái Đất.

**Câu 10.** Từ việc đọc văn bản trên, em hãy nêu ra ít nhất 03 việc làm để góp phần bảo vệ hành tinh xanh?

**GỢI Ý**

HS thể hiện quan điểm và suy nghĩ cá nhân, chẳng hạn:

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường,

- Sử dụng nguyên liệu tái chế,

- Trồng cây gây rừng,…

**Đề số 02:**

**Lễ hội dân gian đặc sắc của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận**

**Ka-tê là lễ hội dân gian đặc sắc nhất trong kho tàng văn hoá của dân tộc Chăm. Đây là dịp người Chăm dâng lễ vật tri ân các vị thần và tưởng nhớ tổ tiên của mình. Về Ninh Thuận dịp lễ hội, du khách không chỉ được chiêm bái (1) các đền tháp cổ mà còn được thưởng thức các loại hình nghệ thuật dân gian đặc sắc.**

Khi hoa ta-ghi-lao(2) nở tím sườn núi, làng Chăm Hữu Đức, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận nô nức chuẩn bị Tết Ka-tê. Lễ hội Ka-tê được tổ chức vào đầu tháng 7 lịch Chăm (tương ứng cuối tháng 9 - đầu tháng 10 dương lịch). Trước đây, dù được mùa hay mất mùa, ngày hội Ka-tê đều kéo dài một tháng. Hiện nay, lễ hội này của người Chăm đã được rút ngắn với thời gian một tuần, trong đó, những lễ thức quan trọng sẽ tiến hành 3 ngày liên tục. […]



*Lễ hội Ka-tê được tổ chức vào đầu tháng 7 lịch Chăm*

*(cuối tháng 9 - đầu tháng 10 lịch dương)*

Sáng sớm ngày đầu tiên của Lễ hội Ka-tê, đại lễ diễn ra tại đền tháp Poklong Ga-rai. Không gian quanh tháp như mở rộng ra bởi sự tham dự của hàng vạn người. Người Chăm hành hương trong Lễ hội Ka-tê xếp thành hàng dài, ngay ngắn trên con đường đi lên đỉnh đồi mà ngôi tháp cổ tọa lạc. Họ mong muốn được dự lễ mở cửa tháp và dâng lên thần linh những sản vật mới thu hoạch của gia đình. Khi những nghi lễ đầu tiên diễn ra tại tháp Pô-klong Ga-rai thì tại làng Kuh Nhút, xã Phước Hà, một đoàn người rước y trang(3) của thần linh khởi hành về hướng Lễ hội Ka-tê. Đoàn rước lễ vật bao gồm các già làng, chức sắc cùng đông đảo bà con người Chăm và người Ra-glai. […] Đoàn người Ra-glai trang trọng mang y phục dâng thần linh từ trên núi về làng của người Chăm. Theo quan niệm truyền thống của dân tộc Chăm, nếu người Ra-glai không xuống cúng lễ thì họ không được phép mở cửa tháp để tiến hành các nghi thức của Lễ hội Ka-tê. Điều này cho thấy, sự xuất hiện của người Ra-glai quyết định sự thành công của Lễ hội Ka-tê.

` Đến ngày thứ hai của lễ hội, đoàn người Chăm và Raglai mới tổ chức rước y trang lên tháp Pô-klong Ga-rai. Thầy cả lễ(4) vinh dự dẫn đầu đoàn rước y trang lên tháp. Ông khoác trên người áo choàng và đầu chít khăn, chúng đều mang màu trắng. Phía sau thầy cả lễ là các vị chức sắc, thanh niên và trí thức Chăm. Các bộ lễ phục được đặt trên kiệu, có lộng che hai bên. Phía sau là các cô thôn nữ xinh đẹp trong trang phục áo dài Chăm truyền thống. Họ vừa đi vừa múa quạt vui vẻ rộn ràng. Tiếp đó là đoàn người Ra-glai múa và đánh mã la(5), thổi kèn bầu. Dưới bàn tay điêu luyện của các nghệ nhân, mã la phát ra âm thanh dồn dập làm xao động tâm hồn người tham dự lễ hội. Với đồng bào Ra-glai, mã la là thứ tài sản quý giá, là nhạc cụ truyền thống luôn đồng hành với họ trong cuộc sống. Thầy cả sư là người chủ trì nghi lễ cúng tạ ơn thần linh. Khi nhạc điệu của tiếng đàn Ka-nhi(6) vang lên, cũng là lúc các vị cả sư rót rượu vào chén dâng lên những vị thần. Tiếp đó nghi lễ mặc y trang cho các vị thần được tiến hành. Giây phút long bào lộng lẫy khoác lên tượng thần được coi là thời khắc thiêng liêng nhất. Đây cũng là lúc nghệ nhân kéo đàn Ka-nhi say sưa cất tiếng hát. Ca từ và giai điệu da diết, khiến người nghe liên tưởng bài hát sẽ được gió mây mang đến các vị thần linh lời mời của dân làng, cầu mong các ngài hãy về bên tháp, lắng nghe những ước nguyện của họ. Xung quanh tháp, người dân trải chiếu rồi đặt mâm để bày lễ vật tế thần. Họ hy vọng, cuộc tiếp xúc thần linh tối cao của các chức sắc Bà La Môn(7) sẽ giúp họ đạt được ý nguyện của mình. […]

(Theo Đào Bình Trịnh, thegioidisan.vn,11/07/2017)

**Chú giải:**

1. *Chiêm bái:* chiêm ngưỡng và vái lạy một cách kính cẩn (*chiêm*: ngẩng mặt lên nhìn; *bái*: lạy).
2. *Hoa ta-ghi-lao:* hoa bằng lăng.
3. *Y trang:*quần áo và tư trang.
4. *Thầy cả lễ:*người đứng đầu việc làm lễ.
5. *Mã la:* một loại nhạc cụ gõ bằng đồng của dân tộc Ra-glai.
6. *Ka-nhi:* loại đàn kéo một dây của người Chăm.
7. *Chức sắc Bà La Môn*: chỉ những người ở đẳng cấp cao trong đạo Bà La Môn- một tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ.

**Câu 1.** Dòng nào nêu đúng nguồn dẫn của văn bản *Lễ hội dân gian đặc sắc của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận ?*

1. Báo Nhân dân, ngày 11/07/2017, không có tác giả
2. **Báo Thegioidisan.vn, 11/07/2017, Đào Bình Trịnh**
3. Báo Sài Gòn tiếp thị, 11/07/2017, phóng viên toà báo
4. Báo Thanh niên, 11/07/2017, Vietnamnet

**Câu 2**. Đoạn trích trên cung cấp thông tin về sự kiện chính nào ?

1. Các lễ hội của đồng bào dân tộc Chăm ở Ninh Thuận
2. Các lễ hội ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ
3. **Lễ hội Ka-tê của người Chăm ở Ninh Thuận**
4. Lễ hội của người Bà La Môn

**Câu 3**. Lễ hội Ka-tê được tổ chức vào thời gian nào trong năm?

1. **Vào tháng Giêng**
2. Đầu tháng 7 lịch Chăm
3. Khi người dân thu hoạch vụ mùa xong
4. Đầu tháng 12 lịch Chăm

**Câu 4.** Sa pô của văn bản (phần in đậm sau nhan đề) có tác dụng gì?

1. So sánh lễ hội Ka-tê với các lễ hội khác trong kho tàng văn hoá của dân tộc Chăm.
2. Thu hút sự chú ý của người đọc, nhấn mạnh sự kiện lễ hội Gióng.
3. **Thu hút người đọc, định hướng nội dung chính của văn bản.**
4. Kể lại diễn biến lễ hội Ka-tê.

**Câu 5.** Nội dung chính của văn bản *Lễ hội dân gian đặc sắc của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận* là:

1. **Giới thiệu thời gian, địa điểm tổ chức lễ hội Ka-tê**
2. Giới thiệu thời gian, địa điểm tổ chức lễ hội Ka-tê và phần tổ chức nghi lễ của lễ hội.
3. Giới thiệu diễn biến của lễ hội hội dân gian đặc sắc của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận
4. Tái hiện không khí lễ hội Ka-tê vô cùng náo nhiệt của dân tộc Chăm ở Ninh Thuận

**Câu 6**. Theo văn bản, thầy cả sư là người có vai trò gì trong buổi lễ?

1. Là thợ đánh mã la, thổi kèn bầu
2. Là người kéo đàn Ka-nhi say sưa và hát.
3. Là người nhờ gió mây mang đến các vị thần linh lời cầu nguyện của dân làng
4. **Là người chủ trì nghi lễ cúng tạ ơn thần linh**

**Câu 7.** Dòng nào nêu đúng bố cục và cách trình bày của văn bản?

1. **Có nhan đề, có chú thích cuối văn bản, có kênh hình**
2. Có nhan đề, sa pô, có chú thích cuối văn bản, hình ảnh
3. Có nhan đề, sa pô, tài liệu tham khảo cuối văn bản
4. Có nhan đề, sa pô, chú thích cuối văn bản.

**Câu 8.** Chỉ ra và nêu tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

**GỢI Ý**

**-** Phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh minh hoạ phần nghi lễ trong lễ hội Ka-tê

- Tác dụng: Làm nổi bật các thông tin chính; thu hút người đọc, giúp người đoc nắm bắt thông tin dễ dàng và hiệu quả hơn.

**Câu 9.** Đoạn trích có sự kết hợp của những phương thức biểu đạt nào? Nêu tác dụng của sự kết hợp đó.

**GỢI Ý**

Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt: sử dụng phương thức thuyết minh (PTBĐ chính) kết hợp với những phương thức như: tự sự, miêu tả.

- Tác dụng của việc kết hợp các phương thức biểu đạt:

+ Kể lại và tái hiện những diễn biến của lễ hội Ka-tê một cách chân thực, sinh động, mang đến lượng thông tin lớn.

+ Giúp cho văn bản thêm phong phú, hấp dẫn người đọc hơn; tránh khô khan, tăng hiệu quả trong truyền đạt thông tin.

**Câu 10***.* Nếu được giới thiệu về một lễ hội đặc sắc ở quê hương em cho mọi người được biết thì em sẽ giới thiệu những thông tin cơ bản nào? Viết câu trả lời trong một đoạn văn ngắn (7 – 10 dòng)

**GỢI Ý**

**-** Hình thức: Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

**-** Nội dung: Những thông tin cơ bản về một lễ hội đặc sắc của quê hương:

*+ Thời gian, địa điểm tổ chức*

*+ Những hoạt động chính diễn ra trong lễ hội: phần lễ, phần hội?*

**Đề số 03: Đọc văn bản sau:**

**CHỢ NỔI – NÉT VĂN HOÁ SÔNG NƯỚC MIỀN TÂY**

Tập quán vận tải, giao thương và sinh hoạt ở Đồng bằng sông Cửu Long – nơi chi chít sông ngòi, kênh rạch – đã sản sinh cảnh mua bán, trao đổi hàng hoá trên sông, mà người dân gọi là “chợ nổi”. Trải bao năm tháng, chợ nổi vẫn giữ nguyên nét sinh hoạt đặc trưng của mình.

**1. Những khu chợ sầm uất trên sông**

Miền Tây có nhiều chợ nổi. Tiêu biểu, có thể kể chợ nổi Cái Bè (Tiền Giang), chợ nổi Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), chợ nổi Ngã Bảy (Phụng Hiệp – Hậu Giang), chợ nổi Ngã Năm (Thạnh Trị – Sóc Trăng), chợ nổi Sông Trẹm (Thới Bình – Cà Mau), sông Vĩnh Thuận (Miệt Thứ – Cà Mau),…

Người buôn bán trên chợ nổi nhóm họp bằng xuồng. Ngày xưa là xuồng ba lá, xuồng năm lá, ghe tam bản. Bây giờ có cả tắc ráng!, phe máy. Người đi mua cũng đến chợ bằng xuồng, phe. Những chiếc xuồng con len lói khéo léo giữa hàng trăm ghe thuyền mà hiếm khi có va quệt xảy ra.

Tuy là chợ họp trên sông, nhưng các chủng hàng, mặt hàng rất phong phú. Nhiều nhất vẫn là các loại trái cây, rồi đến các loại rau củ, bông kiểng, hàng thủ công gia dụng, hàng thực phẩm, động vật,…. Ở đây, lớn như cái xuồng, cái ghe, nhó như cây kim, sợi chỉ đều có bán. Theo thông lệ và đặc thù kinh tế của mỗi vùng quê, các chợ nổi như Cái Răng, Phong Điền (Cần Thơ), Trà Ôn (Vĩnh Long), Cái Bè, An Hữu (Tiên Giang),… chuyên về mua bán trái cây hoặc phần lớn là trái cây; các chợ nổi như Ngã Bảy, Ngã Năm, ngoài rau, quả, người ta còn mua bán nhiều loại hàng tiêu dùng, hàng thủ công, tạp hoá,…

Không gian miễn Tây vốn đã nhiều sông rạch, lại thêm các con kênh đào khơi thông ngang dọc, nối liền các điểm kinh tế chiến lược trong vùng. Chợ nuối cũng theo đó, mọc lên càng nhiều, kết nối thành mạng lưới giao thương. Từ đây, nông sản, thuỷ sản trong vùng sẽ theo các thương lái xuôi ngược, tỏa đi khắp Đồng bằng sông Cửu Long và khắp cả nước.

**2. Những cách rao mời độc đáo**

Để tiện lợi cho việc giao thương, người bán hàng trên các chợ nổi có những lối rao hàng (còn gọi là “bẹo hàng”) dân dã, giản dị mà thú vị.

Đặc biêt là lối rao hàng bằng “cây bẹo”. Người bán hàng dùng một cây sào tre dài, cắm dựng đứng trên ghe xuồng, rồi treo cao các thứ hàng hoá – chủ yếu là trái cây, rau củ - giúp khách nhìn thấy từ xa, bơi xuồng đến, tìm đúng thứ cần mua. Buổi sáng, đến chợ nổi thấy nhô lên vô số những cây bẹo như những cột “ăng-ten” kì lạ di động giữa sông: “cây bẹo” này treo vài ba trái khóm; “cây bẹo” kia treo lủng lẳng những củ sắn, củ khoai; những cây bẹo khác lại treo dính chùm các loại trái cây vườn: chôm chôm, nhãn, bòn bon, vú sữa,… Khi cần “bẹo” nhiều mặt hàng hơn, thì họ buộc thêm một cây sào ngang trên hai cây sào dựng đứng và treo buộc nhiều thức hàng trên cây sào ngang ấy. Lại có những chiếc ghe mà “cây bẹo” treo tấm lá lợp nhà: dấu hiệu cho biết người chủ muốn rao bán chính chiếc ghe đó, tấm lá lợp có ý nghĩa như một cái biển rao bán nhà.



Hình: *Các mặt hàng trên “cây bẹo”, khách mua nhận thấy từ xa*

(Nguồn: http://canthotv.vn/cho-noi-va-van-hoa-song-nuoc-mien-tay/)

Đó là những cách thu hút khách hàng bằng mắt. Lại có những cách thu hút khách hàng bằng tai. Các ghe bán hàng dạo chế ra cách “bẹo” hàng bằng âm thanh lạ tai của những chiếc kèn: Có kèn bấm bằng tay (loại kèn nhỏ, bằng nhựa), có kèn đạp bằng chân (loại kèn lớn, còn gọi là kèn cóc). Ghe hàng len lỏi vào bến đậu của các ghe lớn với nhiều tiếng kèn khác nhau, làm cho khu chợ thêm rộn rã, xao động. Riêng các cô gái bán đồ ăn thức uống thì thường “bẹo hàng” bằng lời rao: “*Ai ăn chè đậu đen, nước dừa đường cát hôn…? Ai ăn bánh bò hôn…?”.* Những tiếng rao mời mọc nơi chợ nổi, nghe sao mà lảnh lót, thiết tha!.

**3. Dư âm chợ nổi**

Đã đi chợ nổi, khó mà quên được âm thanh ồn ào rất đặc trưng của chợ: tiếng tành tạch của phe suông rẽ sóng, tiếng mặc cả, tiếng mời chào, í ới gọi nhau hối hả,… Và, còn gì thư thái, dễ chịu hơn khi giữa tỉnh sương ngày mới, bạn được đập dảnh trên chiếc xuồng ba lá len lỏi giữa chợ họp trên sông đông vui, tấp nập,… hay được khoan khoái căng lồng ngực hít không khí trong lành của làn gió mang hương cây trái và sông nước miền Nam. Càng thú vị hơn, khi bạn được ngồi thảnh thơi trên chiếc xuồng con tròng trành, vừa thưởng thức các món ăn thơm ngon đậm đà, vừa thỏa sức ngắm nhìn những chiếc thuyền chở đầy cây trái đang lướt qua trước mắt. Đó quả là những trải nghiệm thật sự thú vị và khó quên ở chốn thương hồ(1)

(Dẫn theo *Chợ nổi Đồng bằng sông Cửu Long* của Nhâm Hùng, NXB Trẻ, 2009 và *Chợ nổi – nét văn hoá sông nước miền Tây*, Đài truyền hình Cần Thơ, http:// canthotv.vn/)

(1) *Thương hồ*: buôn bán trên sông nước.

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

1. Nghị luận **B. Thuyết minh** C. Tự sự D. Miêu tả

**Câu 2**. Thông tin chính trong văn bản là:

1. Vai trò quan trọng của chợ nổi trong tập quán vận tải, giao thương và sinh hoạt của đồng bằng sông Cửu Long
2. Những trải nghiệm thú vị, khó quên của du khách khi đến với miền Tây
3. **Đặc điểm của chợ nổi – một hình thức buôn bán độc đáo, thú vị của người miền Tây**
4. Những cách rao mời độc đáo tại chợ nổi miền Tây.

**Câu 3**. Văn bản có mấy đề mục chính?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. 2 2. **3** | 1. 4 2. 5 |

**Câu 4.** Phương tiện chính được người dân sử dụng trên chợ nổi là gì?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. xe đạp 2. ghe máy | 1. thuyền thúng 2. **xuồng, ghe** |

**Câu 5.** Câu văn sau sử dụng biện pháp tu từ gì?

“*Buổi sáng, đến chợ nổi thấy nhô lên vô số những cây bẹo như những cột “ăng-ten” kì lạ di động giữa sông: “cây bẹo” này treo vài ba trái khóm; “cây bẹo” kia treo lủng lẳng những củ sắn, củ khoai; những cây bẹo khác lại treo dính chùm các loại trái cây vườn: chôm chôm, nhãn, bòn bon, vú sữa,…”*

1. Phép điệp B. So sánh

C. Liệt kê **D. So sánh và liệt kê**

**Câu 6.** Dòng nào nêu đúng bố cục và cách trình bày của văn bản?

1. Có nhan đề, có chú thích cuối văn bản, có kênh hình
2. Có nhan đề, sa pô, có chú thích cuối văn bản, hình ảnh
3. **Có nhan đề, sa pô, đề mục, chú thích cuối văn bản, kênh hình**
4. Có nhan đề, sa pô, tài liệu tham khảo cuối văn bản, chú thích cuối văn bản

**Câu 7.** Câu văn nào sau đây thể hiện tình cảm của người viết?

1. **Người buôn bán trên chợ nổi nhóm họp bằng xuồng.**
2. Những tiếng rao mời mọc nơi chợ nổi, nghe sao mà lảnh lót, thiết tha!.
3. Lại có những cách thu hút khách hàng bằng tai.
4. Từ đây, nông sản, thuỷ sản trong vùng sẽ theo các thương lái xuôi ngược, tỏa đi khắp Đồng bằng sông Cửu Long và khắp cả nước.

**Câu 8.** Theo đoạn trích, để thu hút khách hàng, những người bán hàng ở chợ nổi có những cách “bẹo hàng” nào?

**GỢI Ý**

Theo đoạn trích, để thu hút khách hàng, những người bán hàng ở chợ nổi có những cách “bẹo hàng”:

* Sử dụng “cây bẹo” để treo các thứ hàng hoá lên cao, giúp khách nhìn thấy từ xa đến mua.

Sử dụng âm thanh của những chiếc kèn để “bẹo” hàng.

**Câu 9**. Chỉ ra và nêu tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản.

**GỢI Ý**

* Hình ảnh minh hoạ về “cây bẹo” của những bán hàng trên các ghe thuyền nơi chợ nổi.

Tác dụng: Giúp người đọc dễ hình dung và tiếp thu thông tin của văn bản nhanh chóng, dễ dàng hơn.

**Câu 10.** Sau khi đọc văn bản, em có suy nghĩ như thế nào về vai trò của chợ nổi đối với đời sống của người dân miền Tây.

**GỢI Ý**

HS bày tỏ suy nghĩ:

* Chợ nổi là nét văn hoá đặc sắc đã hình thành từ lâu, gắn bó với lối sống gắn liền sông nước của nhân dân bao đời, trở thành nét đẹp riêng của vùng đất đồng bằng sông Cửu Long:
* Chợ nổi đã trở thành nơi giao thương, mua bán chính các mặt hàng nông sản của bà con nhân dân miền Tây, giao thương phát triển từ đó thúc đẩy sản xuất, kinh tế khu vực Tây Nam Bộ phát triển.
* Chợ nổi còn là một điểm tham quan du lịch hấp dẫn, một nét văn hóa đặc trưng của miền Tây.

**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THEO THỂ LOẠI**

**TIẾT 10-11-12:**

**KIẾN THỨC VỀ THỂ LOẠI VĂN BẢN NGHỊ LUẬN, TÙY BÚT, TẢN VĂN**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập cơ bản và nâng cao về đọc hiểu văn bản theo thể loại văn bản TT HS được học trong chương trình Ngữ văn lớp 7 gồm:

- Văn bản thông tin (về trò chơi, về cách thức hoạt động, về lễ hội)

**B. CHUẨN BỊ :**

**1. Giáo viên:** giáo án, đề, phiếu học tập

**2. Học sinh :** ôn tập lại đặc điểm các thể loại …

**C. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

1. **ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN NGHỊ LUẬN**

**1.** **Các đặc điểm của văn bản nghị luận.**

**- Văn bản nghị luận:** Là loại VB chủ yếu dùng để **thuyết phục**, **tăng cường nhận thức** của người đọc (người nghe) về một vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học….;

**- Ý kiến:** Là bày tỏ **quan điểm, nhận xét, đánh giá** về vấn đề. Ý kiến cần **đúng đắn**, **mới mẻ**, giúp **làm rõ các khía cạnh** của vấn đề.

**- Lí lẽ:** Là những **lời diễn giải có lí** mà người viết đưa ra. Lí lẽ cần **sắc bén**, để **khẳng định**, làm **rõ** cho ý kiến.

**- Bằng chứng:** Là những **ví dụ** (con người, sự kiện, sự việc) được lấy từ **thực tế** đời sống hoặc từ **sách báo**. Bằng chứng cần **xác thực, tiêu biểu, củng cố cho lí lẽ**.

**2. Những lưu ý khi đọc hiểu văn bản nghị luận**

- Đọc kĩ tên **nhan đề, từ khóa, câu chủ đề** để xác định **vấn đề** được bàn luận.

- Đọc các **tiêu đề, các câu đứng đầu** hoặc **cuối mỗi đoạn**, những **câu then chốt** để nhận diện **hệ thống ý kiến**; chia văn bản theo **bố cục và ý chính**.

- Tóm tắt **nội dung chính** dựa trên hệ thống **ý kiến.**

- **Nhận biết, phân tích** các **lí lẽ, bằng chứng**.

- **Phân tích** được **ngôn ngữ** văn bản.

- Nhận ra **tư tưởng bài học** mà tác giả gửi gắm trong văn bản.

- Rút ra được **bài học, liên hệ** với bản thân.

**I. ĐẶC ĐIỂM : TẢN VĂN, TÙY BÚT**

**1. Khái niệm**

- *Tản văn*: Là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả...) nhưng nhìn chung đều mang tính chất chấm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội.

*- Tuỳ bút* là một thể trong kí, dùng để ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến; đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống.

**2. Các yếu tố trong tản văn, tuỳ bút**

- *Chất trữ tình trong tản văn, tuỳ* *bút* là yếu tố được tạo nên từ vẻ đẹp của cảm xúc, suy nghĩ, vẻ đẹp của thiên nhiên tạo vật để tâọ rung động thẩm mĩ cho người đọc.

*- Cái tôi tác giả trong tản văn, tuỳ bút* là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. Thông thường, có thể nhận biết cái tôi ấy qua các từ nhân xưng ngôi thứ nhất.

- *Ngôn ngữ trong tản văn, tuỳ bút* thường tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giữa hình ảnh và chất trữ tình.

**3. CÁCH ĐỌC HIỂU VB TẢN VĂN, TÙY BÚT**

**-** Tìm chi tiết thể hiện sự hoà quyện giữa cảm xúc, suy nghĩ của tác giả với vẻ đẹp của thiên nhiên, tạo vật => Xác định chất trữ tình của văn bản.

- Tìm các từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả, thường là qua đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất => Xác định cái tôi của tác giả.

- Xác định ngôn ngữ của văn bản

=> Xác định chủ đề của văn bản: tình cảm, cảm xúc của tác giả trong văn bản.

**II. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU**

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4**

*Mỗi người đều có một ước mơ riêng cho mình. Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates. Mơ ước khiến chúng ta trở nên năng động một cách sáng tạo. Nhưng chỉ mơ thôi thì chưa đủ. Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ... Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực.*

*[..] Ngày bạn thôi mơ mộng là ngày cuộc đời bạn mất hết ý nghĩa. Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần. Ngay cả khi giấc mơ của bạn không bao giờ trọn vẹn, bạn cũng sẽ không phải hối tiếc vì nó. Như Đôn Ki-hô-tê đã nói: “Việc mơ những giấc mơ diệu kỳ là điều tốt nhất một người có thể làm”.*

*Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. Hãy tự tin tiến bước trên con đường mơ ước của bạn.*

*(Quà tặng cuộc sống* - Thu Quỳnh và Hạnh Nguyên dịch, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.56 - 57)

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc kiểu văn bản:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | **C. Nghị luận** |
| B. Miêu tả | D. Biểu cảm |

**Câu 2.** Tác giả viết văn bản trên nhằm mục đích gì?

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khuyên mọi người sống có tình yêu thương. 2. **Khuyên mọi người hãy không ngừng mơ ước và tự tin nỗ lực hành động để đạt được ước mơ.** 3. Khuyên mọi người đừng hãy sống có trách nhiệm |  |
| D. Khuyên mọi người hãy sống cống hiến, sống có ích |  |

**Câu 3.** Ý kiến của tác giả được thể hiện trong câu văn nào sau đây?

|  |
| --- |
| A. Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. |
| B. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates. |
| C. **Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực.** |
| D. Như Đôn Ki-hô-tê đã nói: “Việc mơ những giấc mơ diệu kỳ là điều tốt nhất một người có thể làm. |

**Câu 4.** Em hiểu cụm từ “*cuộc sống của các thiên thần*” trong câu “*Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần”* có nghĩa là:

|  |
| --- |
| A.**Cuộc sống được làm những điều mình muốn, thỏa mãn mong muốn, ước mơ của chính mình, không bị kìm kẹp, tù túng.**  B. Cuộc sống do người khác mang lại. |
| C. Cuộc sống không có thực, viển vông.  D. Cuộc sống tẻ nhạt, buồn chán. |

**Câu 5**: Câu văn “*Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần” đã sử dụng biện pháp tu từ nào?*

|  |  |
| --- | --- |
| A.Hoán dụ | C.Nhân hóa |
| **B.Ẩn dụ** | D*.* Nói giảm nói tránh*.* |

**Câu 6.** Từ “*ước mơ”* trong câu văn: “*Mỗi người đều có một ước mơ riêng cho mình*” thuộc từ loại nào?

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Danh từ** | C. Tính từ |
| 1. Động từ | D. Số từ |

**Câu 7:** Việc tác giả dẫn ra ước mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ tích An-đéc-xen và ước mơ của tỷ phú Bill Gates trong đoạn trích có tác dụng gì?

|  |
| --- |
| A. Để bộc lộ cảm xúc khâm phục với những mơ ước của con người. |
| B. Để kể về những mơ ước khác nhau của con người. |
| C. Để bày tỏ niềm thương cảm cho cô bé bán diêm và lòng cảm phục đối với Bill Gates. |
| D. **Tăng sức thuyết phục cho luận điểm, nhấn mạnh vai trò của ước mơ, khẳng định mỗi người sẽ có những giấc mơ riêng, có thể là nhỏ bé, có thể là lớn lao.** |

**Câu 8:** Phép liên kết nào được dùng trong các câu văn: “*Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates.*

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phép liên tưởng | **C. Phép lặp** |
| B. Phép nối | D. Phép thế |

**Câu 9.**Em có đồng tình với ý kiến sau không? Vì sao?

*Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ.*

**GỢI Ý**

Đồng ý. Vì:

* Nếu bạn chỉ ước mơ mà không hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ đó thì ước mơ mãi chỉ là ước mơ mà thôi.
* Thực hiện ước mơ là một thử thách, là cả một quá trình, đôi khi ta muốn bỏ cuộc nhưng vẫn phải đứng lên và quyết tâm, kiên trì, dám chấp nhận kể cả thất bại.

Hành động và nỗ lực chính là điều kiện để ước mơ sẽ thành hiện thực.

**Câu 10**. Từ đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn trả lời câu hỏi: *Chúng ta cần làm gì để biến ước mơ thành hiện thực?*

**GỢI Ý**

**\*Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề: Dẫn dắt và đặt câu hỏi:** Chúng ta cần làm gì để biến ước mơ thành hiện thực?

**\*Thân đoạn: Trình bày những việc cần làm để biến ước mơ thành hiện thực.**

+ Ước mơ là những mong muốn khát khao cháy bỏng trong tâm hồn con người. **Để biến ước mơ thành hiện thực** đòi hỏi con người phải thật sự nỗ lực cố gắng, và phải luôn luôn nuôi trong mình niềm tin để “Theo đuổi ước mơ”.

- **Để ước mơ thành hiện thức, chúng ta cần có một kế hoạch rõ ràng**. Hãy lên kế hoạch cụ thể về thời gian thực hiện ước mơ để bản thân cảm thấy có trách nhiệm và tiến về phía trước.

**- Phải hành động ngay bây giờ**. Hãy hành động mỗi ngày để biến ước mơ to lớn của bạn trở thành hiện thực. Dù cho những việc đó có nhỏ bé đến thế nào thì mỗi hành động đều mang bạn gần tới ước mơ của mình thêm một bước nữa.

**- Đừng ngại đón nhận thử thách và đừng bao giờ bỏ cuộc**. Bạn chắc chắn sẽ vấp phải một vài trở ngại trên đường đi, nhưng điều quan trọng là hãy tiếp tục tiến về phía trước. Vì ngần ngại vượt qua thử thách, không ít người bỏ lỡ những cơ hội để thực hiện ước mơ của mình.

**- Dẫn chứng:**

**(**Chủ tịch HCM trong quá trình tìm đường cứu nước để thực hiện ước mơ giải phóng dân tộc của mình chắc chắn đã gặp rất nhiều khó khăn thử thách. Nếu Người không có niềm tin vào ước mơ của mình, nếu người dễ dàng nản chí thì đất nước chúng ta có được nền hòa bình độc lập như ngày hôm nay?)

**\*Kết đoạn:**

- Phải không ngừng học tập, rèn ý chí, trau dồi kĩ năng sống để biết ước mơ và biến ước mơ thành hiện thực

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản sau:**

*(1) Chúng ta thường quan tâm đến việc nuôi dưỡng cơ thể bằng những loại thức ăn nào bổ dưỡng, lành mạnh, nhưng lại rất ít khi quan tâm đến việc nuôi dưỡng tâm hồn. Thật ra, tâm hồn ta cũng cần được nuôi dưỡng. Và xét về nhiều khía cạnh, tâm hồn là quan trọng và cần chú ý quan tâm hơn rất nhiều. Một tâm hồn trong sáng, khỏe mạnh dễ mang lại cho ta cuộc sống yên vui, hạnh phúc, ngay cả khi ta gặp phải những nghịch cảnh khó khăn.*

*(…) (2) Cuộc sống quanh ta có biết bao nhiêu điều tốt đẹp đáng quý và cần trân trọng. Chỉ cần ta biết khéo léo nhận ra và chọn lọc, chúng ta không hề thiếu thốn những hạt giống tốt đẹp để gieo trồng. Mặt khác, trong cuộc sống cũng đầy dẫy những cỏ dại xấu xa. Chỉ cần ta sống buông trôi, thiếu hiểu biết, cuộc đời ta sẽ phải trả giá bằng những u ám, tối tăm kéo dài.*

*(3) Một tâm hồn tươi đẹp đầy hoa thơm trái quý, hay tiêu điều hoang vắng với cỏ dại lan tràn… Điều đó hoàn toàn tùy thuộc vào nhận thức và nỗ lực của chính chúng ta, không phụ thuộc vào bất kỳ ai khác.*

*(4) Nuôi dưỡng tâm hồn cũng quan trọng, cần thiết không kém gì việc nuôi dưỡng thể xác, nhưng chúng ta rất thường lãng quên không chú ý đến việc này. Chúng ta đôi khi bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại. Nếu ý thức được điều này và bắt đầu chăm sóc gieo trồng những hạt giống tốt lành, chắc chắn bạn sẽ có được một cuộc sống tươi vui và hạnh phúc hơn nhiều.*

(Trích *Nuôi dưỡng tâm hồn nơi chính bạn*, https://www.kynang.edu.vn/ky-nang-mem)

**Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tự sự | **C. Nghị luận** |
| B. Miêu tả | D. Biểu cảm |

**Câu 2. Văn bản trên có đặc điểm nào nổi bật nhất về kiểu văn bản?**

|  |  |
| --- | --- |
| A. Có hình ảnh sinh động | C. Có từ ngữ giàu cảm xúc |
| **B. Có lí lẽ thuyết phục** | D. Có nhân vật cụ thể. |

**Câu 3:** Theo đoạn trích, *một tâm hồn trong sáng, khỏe mạnh* mang lại cho ta điều gì?

|  |
| --- |
| **A. mang lại cho ta cuộc sống yên vui, hạnh phúc, ngay cả khi ta gặp phải những nghịch cảnh khó khăn.** |
| B. cuộc đời ta sẽ phải trả giá bằng những u ám, tối tăm kéo dài |
| C. một tâm hồn tươi đẹp đầy hoa thơm trái quý |
| D. chúng ta đôi khi bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại |

**Câu 4:** Đoạn văn: “*Thật ra, tâm hồn ta cũng cần được nuôi dưỡng. Và xét về nhiều khía cạnh, tâm hồn là quan trọng và cần chú ý quan tâm hơn rất nhiều. Một tâm hồn trong sáng, khỏe mạnh dễ mang lại cho ta cuộc sống yên vui, hạnh phúc, ngay cả khi ta gặp phải những nghịch cảnh khó khăn.*” sử dụng phép liên kết nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phép trái nghĩa, phép lặp | **C. Phép lặp, phép nối** |
| B. Phép thế, phép nối | D. Không có phép liên kết |

**Câu 5:** Câu sau: “*Chúng ta đôi khi bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại.*”, sử dụng phép tu từ gì?

|  |  |
| --- | --- |
| A. So sánh | C. Nhân hóa |
| **B. Ẩn dụ** | D. Nói giảm, nói tránh |

**Câu 6:**Cụm từ “*mọc đầy cỏ dại*” trong câu “*Chúng ta đôi khi bỏ mặc tâm hồn mình khô cằn hoặc mọc đầy cỏ dại*.” có nghĩa là:

|  |
| --- |
| A. **Không chăm chút tâm hồn, để những điều xấu xa, đen tối xâm chiếm**.  B. Sống chan hòa, yêu thương  Nhân hóa |
| C. Sống khô khan, thờ ơ, vô cảm với chính mình và với mọi người.  D. Sống bình dị, gần gũi với mọi người. |

**Câu 7:** Vấn đề bàn luận trong văn bản trên là gì?

|  |
| --- |
| A. Bàn về mối quan hệ giữa người với người.  B. Bàn về nuôi dưỡng cơ thể con người. |
| C. Bàn về ý nghĩa của lòng yêu thương trong cuộc sống cong người.  **D. Bàn về ý nghĩa của việc nuôi dưỡng tâm hồn con người.** |

**Câu 8:** Đoạn văn (2), tác giả chủ yếu dùng phép lập luận nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Giải thích | C. Chứng minh |
| **B. So sánh** | D. Phản đề |

**Câu 9:** Theo em, việc *nuôi dưỡng tâm hồn* có ý nghĩa như thế nào đối với con người?

**GỢI Ý**

Theo em, việc *nuôi dưỡng tâm hồn* có ý nghĩa đối với con người:

- hướng con người tới những giá trị tốt đẹp; tránh xa những điều tối tăm, u ám.

- sẽ mang lại cuộc sống hạnh phúc, bình yên, vui vẻ

- giúp con người có thêm nghị lực và niềm tin vượt qua khó khăn, chiến thắng nghịch cảnh.

- tâm hồn lành mạnh cũng sẽ góp phần nuôi dưỡng và phát triển thể xác, giúp người ta có cơ thể khỏe mạnh, dẻo dai.

Góp phần làm cho xã hội thêm bình yên và văn minh.

**Câu 10:** Thông điệp mà em tâm đắc nhất qua văn bản là gì? Nêu rõ lí do chọn thông điệp đó.

**GỢI Ý**

– Thông điệp tâm đắc nhất: HS nêu được một thông điệp tâm đắc nhất và lí giải vì sao chọn thông điệp đó.

Ví dụ:

Thông điệp em tâm đắc nhất là: Con người phải nỗ lực không ngừng để làm nên một cuộc sống tốt đẹp.

– Lý giải:

+ Nhiều người vẫn đang loay hoay đi tìm lời giải về hạnh phúc, giá trị sống đích thực mà quên mất đáp án tồn tại ngay trong họ.

+ Cuộc sống và lòng người đang có nhiều biến đổi, nếu mỗi người biết tự ý thức làm đẹp tâm hồn cuộc sống này sẽ đáng yêu biết bao.

**ĐỀ SỐ 3**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Ông đò Lai Châu bạn tôi làm nghề chở đò dọc sông Đà đã 10 năm liền và thôi làm đò cũng đã đôi chục năm nay. Tay ông lêu nghêu như cái sào. Chân ông lúc nào cũng khuỳnh khuỳnh gò lại như kẹp lấy cái cuống lái tưởng tượng. Giọng ông nói ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh sông. Nhỡn giới ông vòi vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào trong sương mù. Quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh. Ông chở đò dọc, chở chè mạn, chè cối từ Mường Lay về Hòa Bình, có khi trở về đến tận bến Nứa Hà Nội. Ông bảo: Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dại tay chân và buồn ngủ. Cho nên ông chỉ muốn cắm thuyền ở Chợ Bờ, cái chỗ biên giới thủy phân cuối cùng của đá thác sông Đà…*

*Trên dòng sông Đà, ông xuôi ngược hơn trăm lần rồi. Chính tay ông giữ lái đò độ sâu chục lần cho những chuyến thuyền then đuôi én sâu mái chèo. Trí nhớ ông được rèn luyện cao độ bằng cách lấy mắt mà nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào lòng tất cả những luồng nước, những con thác hiểm trở sông Đà, với người lái đò ấy, như thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc lòng từ dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, chấm xuống dòng…*

(*Người lái đò sông Đà* – Tuyển tập Nguyễn Tuân – NXB Văn học, 2008)

**Câu 1.** Ý nào đúng nhất khi nói về thể loại của văn bản?

A. Tản văn C. Truyện ngắn

**B. Tuỳ bút** D. Truyện thơ

**Câu 2.** Chủ đề của đoạn trích là:

A. Vẻ đẹp của sông Đà **B. Vẻ đẹp của người lái đò sông Đà**

C. Vẻ đẹp của vùng rừng núi Tây Bắc D. Vẻ đẹp của con người Tây Bắc

**Câu 3:** Ý nào nói *đúng nhất* về các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích?

**A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm**

B. Biểu cảm, miêu tả, nghị luận

C. Thuyết minh, miêu tả, biểu cảm

D. Thuyết minh, tự sự, biểu cảm

**Câu 4.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng nhiều nhất trong đoạn trích trên:

A. Liệt kê

B. Nhân hóa

**C. So sánh**

D. Ẩn dụ

**Câu 5:** Các từ “*dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, chấm xuống dòng…” trong đoạn trích trên được hiểu là gì?*

1. Người lái đò nắm vững cách viết đoạn văn, văn bản; cách sử dụng dấu câu
2. Người lái đò ngoài việc lái đò còn rất thích văn, thơ
3. Người lái đò vượt sông Đà với nhiều cung bậc cảm xúc thăng trầm như các dấu câu
4. **Người lái đò am hiểu từng luồng nước, thác nước của sông Đà như thuộc lòng dấu câu trong thiên anh hùng ca**

**Câu 6**. Để miêu tả ngoại hình của ông lái đò, tác giả sử dụng nhiều:

1. Từ đơn B. Từ ghép
2. **Từ láy** D. Tất cả đáp án A, B, C đều đúng

**Câu 7.** Dấu “...” trong đoạn trích có tác dụng gì?

1. **Biểu đạt ý còn nhiều sự việc chưa liệt kê hết**
2. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng
3. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt
4. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

**Câu 8.** Nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong đoạn trích.

**GỢI Ý**

- Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong đoạn trích: so sánh (“như”)

- Tác dụng: + Làm cho câu văn giàu hình ảnh, sinh động, hấp dẫn

+ Khắc họa ông lái đò với vẻ đẹp từng trải, hiểu biết, thành thạo nghề lái đò và nắm chắc đối tượng chiến đấu của mình.

**Câu 9.** Vì sao ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà? Điều đó chứng tỏ ông đò là người như thế nào?

**GỢI Ý**

- Ông đò Lai Châu chỉ muốn cắm thuyền ở chỗ biên giới thủy phận cuối cùng của đá thác Sông Đà là vì “Chạy thuyền trên sông không có thác, nó sẽ dễ dại tay chân và buồn ngủ”

- Điều đó chứng tỏ ông đò là người gan dạ, quen với việc đối mặt với hiểm nguy, biến những thử thách khó khăn trở thành thuận lợi.

**Câu 10.** Viết từ 3- 5 câu về tình cảm của tác giả với ông đò qua đoạn văn trên?

**GỢI Ý**

Học sinh viết đoạn văn nêu lên suy nghĩ của mình về vấn đề được nêu ra:

- Về hình thức: đảm bảo dung lượng số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

- Về nội dung:

+ Yêu mến người lái đò sông Đà với những nét bình dị của người lao động từng trải.

+ Trân trọng, khâm phục, ngợi ca với tài năng của người lái đò

=>Nguyễn Tuân khắc hoạ hình tượng người lái đò sông Đà với vẻ đẹp bình dị mà phi thường, như một biểu tượng đẹp của con người Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước. Đó là một cách nhìn, một cách khám phá và khẳng định vẻ đẹp của con người Việt Nam trong thời đại mới. Ca ngợi hình tương người lái đò sông Đà chính là một cách tôn vinh tài năng, ý chí, nghị lực của con người trong công cuộc chinh phục thiên nhiên.

**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : THỰC HÀNH TIẾNG VIẾT**

**TIẾT 13-14-15:**

**ÔN TẬP THÀNH NGỮ, THUẬT NGỮ , TỪ HÁN VIỆT , NGỮ CẢNH**

**A. MỤC TIÊU**

Học sinh được ôn luyện, nâng cao năng lực ngôn ngữ:

- Ôn tập, củng cố, khắc sâu kiến thức từ vựng tiếng Việt ở lớp 7: thành ngữ, thuật ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt, ngữ cảnh và nghĩa của một số từ ngữ trong ngữ cảnh

- Phân tích được vai trò của kiến thức từ vựng trên trong một số trường hợp cụ thể; rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu về nội dung vựng trên trong hoạt động giao tiếp.

**B. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

**I. ÔN TẬP LÍ THUYẾT TỪ VỰNG**

|  |  |
| --- | --- |
| VD:  - Thành ngữ được sử dụng trong văn thơ:  “*Thân em vừa trắng lại vừa tròn*  *Bảy nổi ba chìm với nước non*” (Hồ Xuân Hương)  - Thành ngữ được sử dụng trong lời ăn tiếng nói hằng ngày:  *Cậu làm cái gì cũng đánh trống bỏ dùi vậy?* | **1. Thành ngữ**  **a. Đặc điểm**  Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.  **b. Chức năng**  Việc dùng thành ngữ giúp cho câu văn trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng. |
| **Thế nào là thuật ngữ? nêu đặc điểm và chức năng chính của thuật ngữ?** | **2. Thuật ngữ**   1. **Khái niệm**   Thuật ngữ là từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản thông tin thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và văn bản nghị luận.   1. **Đặc điểm và chức năng của thuật ngữ:**   **-** Thuật ngữ chỉ có hai đặc điểm chính:  + Trong mỗi lĩnh vực khoa học, công nghệ, mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ (có tính chất đơn nghĩa).  + Thuật ngữ không có tính biểu cảm.  - Chức năng của thuật ngữ: Thuật ngữ được dùng để biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ |
| Ví dụ:  1. *tiên* là trước (*tiên* tri, *tiên* lượng, *tiên* phong).  2. *hiếu* là thích (*hiếu* thắng, *hiếu* chiến, *hiếu* kì, *hiếu* học).  3. *hậu* là sau (*hậu* trường, *hậu* chiến, *hậu* phương, *hậu* quả).  4. *đa* là nhiều (*đa* số, *đa* phương, *đa* nghĩa, *đa dạng*).  5. *thiểu* là ít (*thiểu* số, *thiểu* năng, *tối* thiểu).  6. *khán* là xem, nhìn (*khán* giả, *khán* phòng, *khán* đài, *khán* thư).  7. *nhân* là người (*nhân* loại, *nhân* dân, *nhân* ái, ác nhân, nhân danh) | **3. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt**  \* Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt:  \* Các yếu tố Hán Việt thông dụng này có thể kết hợp với nhau, hoặc kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ Hán Việt.  \* Bên cạnh các từ Hán Việt có một nghĩa như *quốc biến, quốc gia, khán giả* còn có các từ Hán Việt có hai hay nhiều nghĩa. Chẳng hạn như từ *biến sắc* có hai nghĩa: (1) thay đổi màu sắc (ví dụ: *Con tắc kè hoa có khả năng biến sắc theo cảnh vật*; (2) chỉ sắc mặt thay đổi đột ngột (ví dụ: *Mặt nó tự nhiên biến sắc*). |

**4. Ngữ cảnh và nghĩa của một số từ ngữ trong ngữ cảnh**

**a. Khái niệm:** Ngữ cảnh của một yếu tố ngôn ngữ trong câu hoặc văn bản thường được hiểu là:

+ Những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó. Theo nghĩa này, từ *ngữ cảnh*đồng nghĩa với từ *văn cảnh.*

+ Hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (gồm các yếu tố: chủ thể, đối tượng; mục đích giao tiếp; thời gian, nơi chốn diễn ra hoạt động giao tiếp). Theo nghĩa này, từ *ngữ cảnh*đồng nghĩa với các từ *tình huống, bối cảnh.*

**b.** **Vai trò quan trọng của ngữ cảnh** đối với việc xác định nghĩa của từ ngữ thể hiện ở chỗ:

- Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe **xác định nghĩa cụ thể của các từ đa nghĩa** hoặc **từ đồng âm**

- Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe **xác định nghĩa hàm ẩn của những từ ngữ được sử dụng trong các biện pháp tu từ**;

- Ngữ cảnh giúp người đọc, người nghe **hiểu được hàm ý** (thái độ, tình cảm) mà người nói thể hiện qua việc lựa chọn, **sử dụng các từ xưng hô**.

**II. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

**Bài 1.** Điền các thuật ngữ thích hợp vào chỗ trống. Cho biết mỗi thuật ngữ vừa tìm được thuộc lĩnh vực khoa học nào.

a) Cháy là một phản ứng cố toả nhiệt và phát ra ánh súng. (Hoá học)

b) Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau. (Ngữ văn)

c) Mặt trời là thiên thể nóng sáng, ở xa Trái Đất, là nguồn chiếu sáng và sưởi ấm chủ yếu cho Trái Đất. (Địa lí)

d) Bán đảo là bộ phận đất liền nhô ra biển hoặc đại dương, có ba mặt tiếp giáp với nước, còn một mặt gắn với lục địa. (Địa lí)

e) Dung môi là chất chiếm tỉ lệ lớn trong một dung dịch, có khả năng hòa tan chất khác để tạo thành dung dịch. (Hoá học)

f) Tính trạng là những đặc tính cụ thể về hình thái, sinh lí, hoá sinh của cá thể sinh vật cùng loài hoặc cùng thứ với nhau. (Sinh học)

g) Sự dẫn nhiệt là sự truyền nhiệt năng từ phần này sang phần khác của một vật hoặc từ vật này sang vật khác. (Vật lí)

h) Lá là bộ phận của cây, thường mọc ở cành hay thân và thường có hình dẹt, màu lục, có vai trò chủ yếu trong việc tao ra chất hữu cơ nuôi cây.

**Bài 2.** Sắp xếp các thuật ngữ sau vào bảng đã cho theo lĩnh vực khoa học thích hợp:

*am-pe kế, ẩm kế, phân số, phong trào cách mạng, giống thuần chủng, cốt truyện, biến trở, phương trình, đường phân giác, từ láy, chiến lược, hoán dụ, đất, sinh sản, thành ngữ, bức xạ mặt trời, ngữ âm, đấu tranh tự phát, phong hoá, hiệu điện thế, phản ứng hóa học, góc tù*

**Gợi ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| Lĩnh vực khoa học | Thuật ngữ |
| Ngữ văn | *cốt truyện, từ láy, hoán dụ, ngữ âm, thành ngữ* |
| Vật lí | *am-pe kế, biến trở, hiệu điện thế,* |
| Sinh học | *giống thuần chủng, đất, sinh sản* |
| Lịch sử | *phong trào cách mạng, chiến lược, đấu tranh tự phát* |
| Địa lí | *ẩm kế, đất, bức xạ mặt trời* |
| Toán học | *phương trình, đường phân giác, góc tù, phân số* |

**Bài 3: Chọn đáp án đúng nhất**

**Câu 1:** Trong số tổ hợp sau, tổ hợp nào là tục ngữ?

**A. Tấc đất tấc vàng.** B. Gan vàng dạ sắt.

C. Tấm lòng vàng. D. Thời gian là vàng.

**Câu 2.** Tập hợp từ nào dưới đây là không phải thành ngữ?

**A. Chó treo mèo đậy** B. Rồng đến nhà tôm

C. Ăn ốc nói mò D. Cây nhà lá vườn

**Câu 3.** Trong những tổ hợp từ dưới đây tổ hợp từ nào là thành ngữ ?

A. Học ăn, học nói, học gói, học mở

B. Lá lành đùm lá rách

**C. Trống đánh xuôi kèn thổi ngược**

D. Còn người còn của

**Câu 4:** Thành ngữ nào dùng để chỉ cách nói năng dài dòng, khó hiểu?

1. **Dây cà ra dây muống.**
2. Lúng búng như ngậm hột thị.
3. Mồm loa mép giải.
4. Ông nói gà, bà nói vịt

**Câu 5.** Trong những tổ hợp từ sau, tổ hợp từ nào là tục ngữ ?

A. Cưỡi ngựa xem hoa. B. Rồng đến nhà tôm.

C. Dây cà ra dây muống.  **D. Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.**

**Câu 6:** Trong những tổ hợp từ sau, tổ hợp nào không phải là thành ngữ?

A. Trâu buộc ghét trâu ăn B. Chim sa cá lặn

C. Nước chảy bèo trôi **D. Ăn vóc học hay**

**Câu 7.** Các câu thành ngữ, tục ngữ sau nhắc nhở người nói cần chú ý vấn đề gì trong giao tiếp?

- Nói có sách, mách có chứng

- Biết thì thưa thớt, không biết thì dựa cột mà nghe.

A. Nói đủ, không nói thừa

**B. Nói những gì mình biết, có bằng chứng xác thực, không được nói sai**

C. Nói đúng vào đề tài giao tiếp

D. Nói ngắn gọn, rõ ràng

**Câu 8.** Xác định vai trò ngữ pháp của thành ngữ trong câu “*Mẹ đã một nắng hai sương vì chúng con”*.

A. Chủ ngữ

**B. Vị ngữ**

C. Bổ ngữ

D. Trạng ngữ

**Câu 9.** Thành ngữ nào sau đây có ý nghĩa “*ý tưởng viển vông, thiếu thực tế thiếu tính khả thi*”?

A. Đeo nhạc cho mèo

**B. Đẽo cày giữa đường**

C. Ếch ngồi đáy giếng

D. Thầy bói xem voi

**Câu 10:** Tìm thành ngữ thích hợp điền vào chố trống: “*Khi …, họ luôn giúp đỡ lẫn nhau*”

A. cưỡi ngựa xem hoa

**B. tối lửa tắt đèn**

C. mắt nhắm mắt mở

D. đục nước béo cò

**Câu 11**: Trong những từ sau, từ nào không đồng nghĩa với từ ***gan dạ***?

A. Can đảm.                                                                           **C. Gan góc.**

B. Dũng cảm.                                                                         D. Mạnh mẽ.

**Câu 12:** Trong các từ Hán Việt sau, yếu tố “*đồng*” nào **không** có nghĩa là cùng nhau, giống nhau?

A. Đồng âm. B. Đồng bào.

**C. Đồng dao.** D. Đồng dạng.

**Câu 13:** Trong tiếng Việt, chúng ta dùng từ mượn của ngôn ngữ nào nhiều nhất?

A. Tiếng Anh B. Tiếng Pháp.

C. Tiếng La-tinh**. D. Tiếng Hán**

**Câu 14**: Trong các từ Hán Việt sau, yếu tố “*phong*” nào có nghĩa là “*gió*”?

A. phong lưu **C. cuồng phong**

B. phong kiến. D. tiên phong

**Câu 15:** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu văn sau?

“*Trong thời kì đổi mới, Việt Nam đã … quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới*.”

1. **thiết lập**                                            C. tạo lập.
2. thành lập.                                          D. độc lập.

**Câu 16:** Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống trong câu sau:

*Anh ấy đã****….****những giải pháp mang lại nhiều lợi ích cho công ty.*

A. Đề bạt. B. Đề cử. C. Đề đạt. **D. Đề xuất.**

**Câu 17:** Nghĩa của yếu tố *tuyệt* trong “*tuyệt chủng*” là gì?

**A. Dứt, không còn gì** B. Cực kì

C. Nhất D. Hoàn toàn

**Câu 18:** Từ nào sau đây là từ Hán Việt?

**A. Phù sa** B. Màu sắc C.Cửa sổ D.Gần gũi

**Câu 19:** Trong các câu thơ sau, câu nào sử dụng từ Hán Việt?

A. Thuyền ta lái gió với buồm trăng.

**B. Mẹ cùng cha công tác bận không về.**

C. Biển cho ta cá như lòng mẹ.

D. Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

**Câu 20**: Trong các từ: *thuần khiết, thuần túy, thuần chủng*, yếu tố “*thuần*” có nghĩa là:

A. dễ bảo, chịu khiến

**B. ròng, không pha tạp**

C. thật, chân thật.

D. không phải các nghĩa ở câu A,B,C

**Câu 21:** Nghĩa của yếu tố **phong** trong từ **phong tỏa** là gì?

A. Gió. **C. Vây hãm.**

B. Gió thổi. D.Mũi nhọn.

**Câu 22:** Trong câu *Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh* có mấy từ Hán Việt.

A. Một

B. Hai

C. Ba

**D. Bốn**

**Câu 23**: Trong các từ Hán Việt sau: *khai trường, khai giảng, tựu trường, nhập trường;* từ nào không đồng nghĩa với các từ còn lại?

A. Khai trường. B. Khai giảng. C. Tựu trường. **D. Nhập trường.**

**Câu 24:** Nghĩa của từ “*tân binh”* là gì?

**A. Người lính mới**

B. Binh khí mới

C. Con người mới

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 25.** Khi sử dụng từ mượn Hán Việt cần chú ý tới ngữ cảnh sử dụng, mục đích và đối tượng giao tiếp, tránh việc lạm dụng từ Hán Việt, đúng hay sai?

**A. Đúng**

B. Sai

**Bài 4** :

*Giải nghĩa các thành ngữ, tục ngữ sau* :

- ***Ở hiền gặp lành***: Ở hiền thì sẽ được đền đáp bằng những điều tốt lành

- ***Tốt gỗ hơn tốt nước sơn***: Phẩm chất đạo đức tốt đẹp bên trong đáng quý hơn vẻ đẹp hình thức bên ngoài.

- ***Ăn vóc học hay***: Phải ăn mới có sức vóc, phải học mới có hiểu biết.

- ***Học thày không tày học bạn***: Ngoài việc học ở thầy cô, việc học hỏi ở bạn bè cũng rất cần thiết và hữu ích.

- ***Học một biết mười***: Chỉ cách học của những người thông minh, không những có khả năng học tập, tiếp thu đầy đủ mà còn có thể tự mình phát triển, mở rộng được những điều đã học.

- ***Máu chảy ruột mềm***: Chỉ tình máu mủ, ruột thịt thương xót nhau khi gặp hoạn nạn.

**Bài 5:**

*Điền những từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành các thành ngữ* :

* Chậm như **rùa** - Ăn như **tằm ăn rỗi**, ăn như **rồng cuốn**
* Nhanh như **sóc** - Nói như **dùi đục chấm mắm cáy**
* Nặng như **đeo đá** - Khoẻ như **voi**
* Cao như **cái sào** - Yếu như **sên**
* Dài như **sông** - Ngọt như **mía lùi**
* Rộng như **biển** - Vững như **thạch bàn**

**Bài 6.**

**Điền các từ Hán Việt thích hợp vào chỗ trống:**

**a. gặp gỡ, yết kiến**

- Tôi **gặp gỡ** cô ấy trên một chuyến tàu về Hà Nội.

- Vua sai người đưa cậu bé vào **yết kiến**.

**b. hy sinh, mất**

- Ông ấy **mất** đi đã để lại niềm tiếc thương vô hạn cho chúng tôi.

- Các chiến sĩ đã **hy sinh** trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc.

**c. bênh vực, bão chữa**

- Luật sư đang **bào chữa** cho bị cáo tại phiên tòa.

- Khi tôi bị mọi người đổ oan, cậu ấy đã **bênh vực** cho tôi.

**d. anh em, huynh đệ**

- **Anh em** nào phải người xa,

Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.

- Huynh đệ **tương tàn.**

**Bài 7**

*Chọn từ ngữ thích hợp nhất (trong các từ ngữ cho sẵn ở dưới) để điền vào từng vị trí trong đoạn văn miêu tả sau*:

Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa ..., tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà...., nảy nở với một sức mạnh khôn cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng ... vì một lá cỏ non vừa ..., hình như mỗi giọt khí trời cũng...., không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay.

( theo Nguyễn Đình Thi )

(1): ***tái sinh, thay da đổi thịt, đổi mới, đổi thay, thay đổi, khởi sắc, hồi sinh .***

(2): ***sinh sôi, sinh thành, phát triển, sinh năm đẻ bảy .***

(3): ***xốn xang, xao động, xao xuyến, bồi hồi, bâng khâng,chuyển mình, cựa mình, chuyển động.***

(4): ***bật dậy, vươn cao, xoè nở. nảy nở, xuất hiện, hiển hiện .***

(5): ***lay động, rung động, rung lên, lung lay.***

**Gợi ý:** Là các từ đã gạch chân (theo văn bản gốc ). Song theo ý kiến cá nhân người soạn thì ở đáp án (1) cũng có thể điền từ “***thay da đổi thịt***”.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 16-17-18:**

**ÔN TẬP VỀ : SỐ TỪ , PHÓ TỪ , MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CÂU**

**A. MỤC TIÊU**

- Ôn tập, củng cố, khắc sâu kiến thức ngữ pháp tiếng Việt ở lớp 7: số từ, phó từ; các thành phần chính trong câu , mở rộng câu bằng cụm từ;

- Phân tích được vai trò của kiến thức ngữ pháp đó; được rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu về nội dung ngữ pháp trên trong hoạt động giao tiếp.

- HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

B**.TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**I. ÔN TẬP LÍ THUYẾT**

**1. Số từ**

a. Khái niệm: Số từ là những từ chỉ **số lượng** và số **thứ tự** của sự vật

- Số từ **chỉ số lượng** thường đứng **trước danh từ** bao gồm số từ xác định, như: một, hai, ba và số từ ước chừng, như : vài, dăm, mươi.

-  Số từ **chỉ thứ tự** thường đứng **sau danh** từ để nói rõ về thứ tự, như (canh) một, (canh) hai, …

**2. Phó từ**

**a. Khái niệm:** là những từ **chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ** hoặc đại từ để bổ sung các ý nghĩa sau:

- **Số ít hoặc số nhiều**, ví dụ: ***mỗi*** *người,* ***các*** *bạn,* ***những*** *ai…*

- **Cầu khiến**, ví dụ: ***hãy*** *đứng dậy,* ***đừng*** *về…*

- **Thời gian,** ví dụ: ***đang*** *đi,* ***đã*** *đến…*

- **Mức độ**, ví dụ: ***rất*** *đẹp,* ***hơi*** *khó, giỏi* ***lắm*** *...*

- **Sự tiếp diễn**, ví dụ: ***vẫn*** *khoẻ,* ***cứ*** *nói…*

- **Sự diễn ra đồng thời**, ví dụ: ***đều*** *biết,* ***cũng*** *cười…*

- **Sự phủ định**, ví dụ: ***không*** *hiểu,* ***chẳng*** *cần…*

- **Tính thường xuyên, liên tục hay gián đoạn, bất ngờ**, ví dụ:***thường*** *nói,* ***luôn*** *có mặt,* ***bỗng*** *đổ mưa…*

- **Sự hoàn thành, kết quả**, ví dụ: *nói* ***xong****, về* ***rồi****, nghĩ* ***ra****…*

**- Sự lặp lại**, ví dụ: *hỏi* ***lại****, nghĩ* ***lại****…*

**3. Dùng cụm chủ vị để mở rộng thành phần chính của câu**

**- Câu có hai thành phần chính là chủ ngữ và vị ngữ.**

- Việc **mở rộng thành phần chính của câu (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị** thường được thực hiện bằng một trong **hai cách**:

+ Dùng cụm chủ vị **bổ sung** cho từ làm chủ ngữ hoặc vị ngữ.

**Ví dụ:** *Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi.* (Tô Hoài) có cụm chủ vị *“tôi giỏi*” bổ sung cho từ làm vị ngữ “*cho là”.*

*Em // sợ những con chim chìa vôi non bị chết đói mất.* (Nguyễn Quang Thiều) có cụm chủ vị *“những con chim chìa vôi non bị chết đói mất*” bổ sung cho từ làm vị ngữ “*sợ”.*

+ Dùng cụm chủ vị **trực tiếp** cấu tạo chủ ngữ hoặc vị ngữ.

**Ví dụ:** Câu “*Gió thổi mạnh// làm Sơn thấy lạnh và cay mắt.”* (Thạch Lam) có chủ ngữ trực tiếp là cụm chủ vị.

**II. BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Bài 1: Chỉ ra số từ trong các trường hợp sau đây, và xác định ý nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ trung tâm.**

1. Ở tuổi thứ ba mươi, mẹ tôi vẫn có tâm hồn trẻ trung phơi phới như mới đôi mươi vậy.
2. Ngày thứ hai đi học, cậu ta đã làm quen được hết bạn bè trong lớp.
3. Trong trường, lớp tôi đông học sinh nhất.
4. Ông bà ngoại ở quê có nuôi một đàn gà bảy mươi con.

5. Tòa nhà có tám mươi tầng, bố tôi làm ở tầng năm mươi.

**Gợi ý:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Số từ** | **Ý nghĩa** |
| *1* | **ba mươi** | chỉ thứ tự cho danh từ trung tâm *tuổi* |
| *2* | *hai* | chỉ thứ tự cho danh từ trung tâm *ngày* |
| *3* | *nhất* | chỉ thứ tự cho danh từ trung tâm *học sinh* |
| *4* | *một, bảy mươi* | chỉ số lượng cho danh từ trung tâm *đàn gà, con* |
| *5* | *tám mươi, năm mươi* | chỉ số lượng cho danh từ trung tâm *tầng* |

**Bài 2:** **Tìm số từ trong bài thơ sau. Xác định ý nghĩa của các số từ ấy.**

Một canh… hai canh… lại ba canh,

Trằn trọc băn khoăn, giấc chẳng thành;

Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,

Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

                                     (“*Không ngủ được*” – Hồ Chí Minh)

***Gợi ý:***

Số từ: “một”, “hai”, “ba”, “năm”: ở câu một và câu bốn chỉ số lượng vì đứng trước danh từ và chỉ số lượng sự vật: “canh”, “cánh”.

Số từ “bốn”, “năm”: ở câu ba chỉ thứ tự vì đứng sau danh từ và chỉ thứ tự của sự vật: “canh”.

**Bài 3: Tìm phó từ trong các câu sau. Cho biết chúng đi kèm từ loại và bổ sung ý nghĩa gì cho từ trung tâm.**

*1)* Cô ấy rất thích chiếc ô tô đằng kia.

*2)* Trời vẫn đang mưa rất to.

*3)* Tôi không đi mua đồ chơi vào trời mưa.*.*

*4)* Anh hãy giúp em vượt qua khó khăn này.

5) Ngoài vẽ tranh, tôi cũng viết truyện.

*6) Em tôi mới đi học.*

*7) Những bông hoa ngoài vườn đẹp quá.*

*8) Lớp tôi tất cả học sinh đều có hạnh kiểm tốt.*

*9) Toàn thể giáo viên nữ trường tôi hôm nay mặc áo dài*

10) An đã làm xong bài tập.

***Gợi ý:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Phó từ** | **Bổ sung ý nghĩa** |
| 1 | rất | mức độ cho tình từ *thích* |
| 2 | đang  rất | sự tiếp diễn về thời gian cho động từ *mưa*  mức độ cho tính từ *to* |
| 3 | không | phủ định cho động từ *đi* |
| 4 | *hãy* | cầu khiến cho động từ *giúp* |
| 5 | *cũng* | sự diễn ra đồng thời cho động từ *viết* |
| 6 | *mới* | thời gian diễn ra cho động từ *đi* |
| 7 | *những*  *quá* | số nhiều cho danh từ *bông hoa*  mức độ cho tình từ *đẹp* |
| 8 | *tất cả* | số lượng tổng thể cho danh từ *học sinh* |
| 9 | *toàn thể* | số lượng tổng thể cho danh từ *giáo viên nữ* |
| 10 | *đã*  *xong* | sự tiếp diễn về thời gian cho động từ *làm*  chỉ sự hoàn thành cho động từ *làm* |

**Bài 4.** **Đặt ba câu có phó từ đứng trước và bổ sung cho động từ, tính từ, danh từ**

Gợi ý:

1. Những bông hoa bằng lăng **mới** nở trông **rất** đẹp.
2. **Cả** lớp chúng tôi đều được cô yêu thương.
3. Kì nghỉ hè của chúng tôi **đã** khép lại.

(Lưu ý: Phó từ là những từ: mới, rất, cả, đã)

**Bài 5:** Tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu dưới đây. Xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó

a) Chúng em học giỏi đã mang lại cho cha mẹ và thầy cô rất vui lòng.  
b) Nhà văn Hoài Thanh khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích.  
c) Tiếng Việt rất giàu thanh điệu khiến cho lời nói của người Việt Nam chúng ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Vị ngữ là cụm động từ** | **Động từ trung tâm** | **Thành tố phụ là cụm chủ vị trong vị ngữ** |
| **a** | đã mang lại cho cha mẹ và thầy cô rất vui lòng | mang | cha mẹ và thầy cô// rất vui lòng |
| **b** | khẳng định rằng cái đẹp là cái có ích | khẳng định | cái đẹp // là cái có ích |
| **c** | khiến cho lời nói của người Việt Nam chúng ta du dương, trầm bổng như một bản nhạc | khiến | lời nói của người Việt Nam chúng ta // du dương, trầm bổng như một bản nhạc |

**Bài 6:** Tìm chủ ngữ là cụm chủ vị trong những câu dưới đây:

a) *Khí hậu nước ta ấm áp cho phép ta quanh năm trồng trọt, thu hoạch bốn mùa.*

*b) Cơn bão đi qua đã để lại cảnh tượng tan hoang.*

c) Âm thanh tiếng máy gặt rộn ràng trên cánh đồng khiến cả làng quê ngập tràn niềm vui no ấm.

d) Mùa xuân đến mang bao nhiêu là chim chóc.

|  |  |
| --- | --- |
| Câu | **Cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ** |
| a | *khí hậu nước ta // ấm áp* |
| b | *cơn bão // đi qua* |
| c | âm thanh tiếng máy gặt// rộn ràng trên cánh đồng |
| d | mùa xuân // đến |

**Bài 7:** **Tìm trong những câu dưới đây, câu nào có vị ngữ là một cụm chủ vị?**

1. Mẹ tôi khuôn mặt tròn trịa.
2. Một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình
3. Chị Ba đến khiến tôi rất vui và vững tâm.
4. Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta tinh thần rất hăng hái.
5. Nói cho đúng thì phẩm giá của tiếng Việt chỉ mới thật sự được xác định và đảm bảo từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

Gợi ý: Để xác định được câu có vị ngữ là một cụm chủ vị, cần phân tích cấu trúc ngữ pháp từng câu như sau:

1. Mẹ tôi khuôn mặt tròn trịa.

* Mẹ tôi: chủ ngữ
* Khuôn mặt tròn trịa: vị ngữ

+ khuôn mặt: chủ ngữ

+ tròn trịa: vị ngữ

b) Một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình.

- Một bàn tay // đập vào vai: Chủ ngữ

- Hắn / /giật mình: Phụ ngữ của cụm động từ

c) Chị Ba đến khiến tôi rất vui và vững tâm.

– Chị Ba đến: chủ ngữ.

– Khiến tôi rất vui và vững tâm: vị ngữ.

+ tôi: chủ ngữ.

+ rất vui và vững tâm: vị ngữ.

d) Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta tinh thần rất hăng hái.

– nhân dân ta: chủ ngữ.

– tinh thần rất hăng hái: vị ngữ.

+ tinh thần: chủ ngữ.

+ rất hăng hái: vị ngữ.

e) Nói cho đúng thì phẩm giá của tiếng Việt chỉ mới thật sự được xác định và đảm bảo từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công.

– Nói cho đúng thì phẩm giá của tiếng Việt: chủ ngữ.

– Chỉ mới thật sự …bảo: vị ngữ.

– Từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công: trạng ngữ.

+ Chủ ngữ: từ ngày cách mạng tháng Tám

+ Vị ngữ: thành công.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**CHỦ ĐỀ : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 19-20-21:**

**ÔN TẬP : HOẠT ĐỘNG GIA TIẾP, SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÔN NGỮ**

**A. MỤC TIÊU**

- Ôn tập, củng cố, khắc sâu kiến thức tiếng Việt về hoạt động giao tiếp ở lớp 7: biện pháp tu từ nói quá và nói giảm, nói tránh; liên kết và mạch lạc trong văn bản. Ngôn ngữ vùng miền; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ

- Phân tích được vai trò của kiến thức về hoạt động giao tiếp ở trên trong một số trường hợp cụ thể; rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu về nội dung trên trong hoạt động giao tiếp.

- Nhận biết và phân tích được vai trò của kiến thức về ngôn ngữ vùng miền, phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ trong một số trường hợp cụ thể; rèn luyện được kĩ năng nói, viết, đặt câu về nội dung trên trong hoạt động giao tiếp.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**I. ÔN TẬP LÍ THUYẾT**

**1. Biện pháp tu từ:**

**PHT SỐ 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **BPTT** | **KHÁI NIỆM** | **TÁC DỤNG** | **VÍ DỤ** |
| **Nói quá** | - Nói quá (khoang trương) là biện pháp tu từ dùng cách nói phóng đại mức độ, tính chất, của sự vật, hiện tượng được miêu tả. | Để nhấn mạnh, gây ấn tượng và tăng sức biểu cảm cho sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu | *Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn.*  (Tục ngữ)  **Nói quá:** ***tát Biển Đông cũng cạn*** biểu thị sức mạnh đồng thuận, đoàn kết (giữa vợ và chồng trong gia đình nói riêng, giữa mọi người trong một tập thể cộng đồng nói chung): Đồng thuận sẽ tạo nên sức mạnh to lớn giúp thực hiện thành công bất cứ việc gì, dù khó khăn, to lớn đến đâu.  **- Tác dụng**:  + tạo ấn tượng sâu sắc về sức mạnh của đoàn kết;  + ngầm khuyên mọi người hãy luôn coi trọng, giữ gìn, xây dựng tinh thần đoàn kết, sự động thuận trong gia đình và cộng đồng;  + làm cho câu tục ngữ sinh động, gợi hình, gợi cảm, sâu sắc. |
| **Nói giảm, nói tránh** | Nói giảm- nói tránh (nhã ngữ) là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, khéo léo. | nhằm tránh cảm giác quá đau buồn, nặng nề, tránh sự thô tục, thiếu lịch sự. | *Ông mất năm nao, ngày độc lập*  *Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao*  *Bà về năm đói, làng treo lưới*  *Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào...*  (Tố Hữu)  - Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh: ông “**mất**”, bà “**về**” biểu thị **cái chết**  Tác dụng:  + Tránh gây cảm giác đau buồn;  + thể hiện tình yêu thương của tác giả đối với hai ông bà đã nuôi mình;  + làm cho câu thơ sinh động, gợi cảm. |

**2. Liên kết và mạch lạc trong văn bản**

**a. Liên kết:** là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của văn bản bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp

**Ví dụ:**

“*Một hôm, Thạch Sanh ngồi trong ngục tối,đem đàn của vua Thủy Tề cho ra gảy. Tiếng đàn vẳng đến hoàng cung, lọt vào tai công chúa. Vừa nghe tiếng đàn, công chúa bỗng cười nói vui vẻ. Nàng xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung*” *(Thạch Sanh)*

*+ phép lặp từ “đàn”; phép thế: “Công chúa- nàng” tạo sự liên kết chặt chẽ cho các câu văn.*

***\* Các phép liên kết câu, đoạn văn trong văn bản:***

***- Phép nối:***Là sử dụng ở câu văn sau (đoạn văn sau) từ ngữ có tác dụng nối ý với câu trước, đoạn trước.

***- Phép thế*:** dùng ở câu sau từ ngữ có tác dụng thay thế cho từ ngữ ở câu trước.

**- Phép lặp:** câu sau lặp lại một số từ ngữ của câu trước, đoạn trước.

***- Phép dùng từ trái nghĩa, đồng nghĩa, cùng trường liên tưởng***: là dùng từ ngữ ở câu sau trái nghĩa, đồng nghĩa, cùng trường liên tưởng với từ ngữ ở câu trước.

**b. Mạch lạc**: là sự thống nhất về chủ đề và tính logic của văn bản. Một văn bản được coi là có tính mạch lạc khi các phần, các đoạn, các câu của văn bản đều nói về một chủ đề và được sắp sếp theo một trình tự hợp lí.

**3.** **Ngôn ngữ các vùng miền- Từ ngữ địa phương**

- Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện ở các mặt ngữ âm và từ vựng:

+ Về mặt ngữ âm: Một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Từ được viết | Phát âm của người miền Bắc | Phát âm của người miền Trung | Phát âm của người miền Nam |
| ra | da | ra | ra |
| vui | vui | vui | dui |

+ Về mặt từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương (từ ngữ địa phương).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Từ toàn dân | miền Bắc | Phát âm của người miền Trung | Phát âm của người miền Nam |
| Cha, mẹ | - thầy, u (một số tỉnh)  - bố, mẹ | bọ, mạ (từ dùng ở một số tỉnh miền Trung, tiêu biểu là Quảng Bình) | - tía, má (từ dùng ở nhiều tỉnh miền Nam)  - ba, má |

- Trong tác phẩm văn học, việc sử dụng một số từ ngữ địa phương có nhiều ý nghĩa:

+ phản ánh cách nói của nhân vật, của người dân ở địa phương nhất định;

+ đồng thời, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả. + Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cần có chừng mực; nếu không, sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm.

**4. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ**

- Phương tiện phi ngôn ngữ: là tranh ảnh, hình vẽ, sơ đồ, bảng biểu, kí hiệu,…phối hợp với lời văn (phương tiện ngôn ngữ) mà người viết thường sử dụng trong một văn bản, đặc biệt là văn bản thông tin.

- Mục đích: để cung cấp thông tin cho người đọc.

**II. BÀI TẬP**

**Bài 1: Trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Nói quá là gì?

A. Là phương tiện tu từ làm giảm nhẹ, làm yếu đi một đặc trưng tích cực nào đó của một đối tượng được nói đến.

B. Là cách thức xếp đặt để đối chiếu hai sự vật, hiện tượng có mối liên hệ giống nhau.

**C. Là một biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng.**

D. Là một phương thức chuyển tên gọi từ một vật này sang một vật khác.

**Câu 2:** Biện pháp nói quá ít được dùng trong văn bản nào?

A. Văn bản tự sự

B. Văn bản miêu tả

**C. Văn bản hành chính, khoa học**

D. Văn bản biểu cảm

**Câu 3:** Ý kiến nào nói đúng nhất tác dụng của biện pháp nói quá?

A. Để gợi ra hình ảnh chân thực và cụ thể về sự vật, hiện tượng được nói đến tronng câu

B. Để bộc lộ thái độ, tình cảm, cảm xúc của người nói

C. Để cho người nghe thấm thía được vẻ đẹp hàm ẩn trong cách nói kín đáo giàu cảm xúc

**D. Để nhấn mạnh, gây ấn tượng và tăng sức biểu cảm cho sự vật, hiện tượng được nói đến trong câu**

**Câu 4:** Khi sử dụng biện pháp tu từ nói quá cần chú ý điều gì?

A. Đối tượng giao tiếp

B. Hoàn cảnh giao tiếp

C. Tình huống giao tiếp

D. Cả 3 ý trên

**Câu 5:** Cho các tổ hợp từ: *chân cứng đá mềm, ruột để ngoài ra, dời non lấp biển, ngàn cân treo sợi tóc, vắt cổ chày ra nước, long trời lở đất...* Nhận xét nào sau đây nói đúng nhất về các ví dụ trên?

**A. Là các câu thành ngữ có sử dụng biện pháp nói quá.**

B. Là các câu tục ngữ có sử dụng biện pháp so sánh.

C. Là các câu thành ngữ dùng biện pháp so sánh.

D. Là các câu tục ngữ có sử dụng biện pháp nói quá.

**Câu 6:** Thành ngữ, tục ngữ nào có sử dụng biện pháp nói quá?

A. Cây ngay không sợ chết đứng

B. Cười như nắc nẻ

C. Nghèo rớt mùng tơi

**D. Đội đá vá trời**

**Câu 7:** Trong các câu sau, câu nào không sử dụng phép nói quá?

1. “Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”

(*Truyện Kiều*, Nguyễn Du)

B. “Nhớ ai bổi hổi bồi hồi/ Như đứng đống lửa như ngồi đống than” (Ca dao)

C. "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng." (*Hịch tướng sĩ*, Trần Quốc Tuấn).

**D. Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới/ Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.** (*Quê hương*, Tế Hanh)

**Câu 8:** Nhận xét nào nói đúng nhất tác dụng của biện pháp nói quá trong hai câu thơ sau?

*Bác ơi tim Bác mênh mông thế,*

*Ôm cả non sông mọi kiếp người!*

(Tố Hữu)

**A. Nhấn mạnh tình thương yêu bao la của Bác Hồ**

B. Nhấn mạnh sự tài trí tuyệt vời của Bác Hồ.

C. Nhấn mạnh sự dũng cảm của Bác Hồ.

D. Nhấn mạnh sự hiểu biết rộng của Bác Hồ.

**Câu 9:** Nhận xét nào nói đúng nhất tác dụng của biện pháp nói quá được sử dụng trong đoạn văn sau?

- Mẹ ơi, ôi, mẹ ơi! - Cái âm thanh kì lạ không ra tiếng thở dài, không ra tiếng nức nở. - Đen chết rồi, mẹ ơi! Đen chết rồi!

Đất nứt toát ra dưới chân. Cái vực thẳm không đáy, không có đáy.

Méc-ghi rơi xuống vực, mỗi lúc một sâu, mỗi lúc một xuống sâu, bờ vực khép lại trên đầu, suốt đời không thoát ra được nữa, cho đến lúc chết.

(C. Mắc-ca-lâu, Tiếng chim hót trong bụi mận gai)

A. Cực tả độ sâu của cái vực mà ai rơi xuống thì không thể lên được.

B. Cực tả tình thương của người mẹ dành cho đứa con bị chết.

**C. Cực tả nỗi đau đớn tột cùng của người mẹ khi nghe tin đứa con chết.**

D. Cực tả sự xúc động không nói nên lời của người mẹ khi nghe tin đứa con chết.

**Câu 10:** Câu ca dao nào dưới đây sử dụng biện pháp nói quá?

A. "Chẳng tham nhà ngói ba toà

Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành".

B. "Miệng cười như thể hoa ngâu

Cái khăn đội đầu như thể hoa sen."

**C. "Làm trai cho đáng nên trai**

**Khom lưng chống gối gánh những hai hạt vừng."**

D. "Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi."

**Câu 11:** Biện pháp nói quá trong đoạn sau có tác dụng gì?

Rồi Đăm Săn múa khiên. Một bước nhảy, chàng vượt qua mấy đồi tranh. Một bước lùi, vượt qua mấy đồi mía. Tiếng gió khiên rít vù vù như dông bão, cây cối nhà cửa ở xung quanh cũng nghiêng ngả... Múa trên cao, tiếng khiên kêu như gió lốc gào. Múa dưới thấp, tiếng khiên kêu như tiếng nhạc rung. Múa đi, múa lại, mỗi bước nhảy vượt qua ba ngọn đồi, đồi sụt lở. Mỗi bước nhảy qua ba đồi tranh, tranh bị gió khiên thổi bật tung gốc. Chàng ném lao bên này, đỡ lao bên kia, tiến tới, thoái lui, mũi lao như những vệt sao băng chớp sáng...

(Sử thi Đăm Săn)

**A. Tô đậm sức mạnh và sự khéo léo của Đăm Săn trong lúc múa khiên**

B. Tô đậm vẻ đẹp hình thể của Đăm Săn trong lúc múa khiên

C. Tô đậm sự lợi hại của vũ khí trong tay Đăm Săn

D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 12:** Nối cách nói quá tương ứng với cách nói thông thường:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cách nói quá |  | Cách nói thông thường |
| 1) nghìn cân treo sợi tóc | a) rất hiền lành |
| 2) trăm công nghìn việc | b) quá yếu, không quen lao động chân tay |
| 3) hiền như đất | c) rất bận |
| 4) trói già không chặt | d) ở tình thế vô cùng nguy hiểm |

**Gợi ý:**

1) – d)

2) – c)

3) – a)

4) – b)

**Câu 13:** Nói giảm nói tránh là gì?

A. Là một biện pháp tu từ trong đó người ta thay tên gọi một đối tượng bằng sự mô tả những dấu hiệu của nó.

B. Là phương tiện tu từ làm tăng, làm mạnh lên một đặc trưng tích cực nào đó của một đối tượng được nói đến.

**C. Là một biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển.**

D. Là một biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng.

**Câu 14:** Biện pháp nói giảm nói tránh được in đậm trong khổ thơ sau nói về điều gì?

Bác đã **đi** rồi sao, Bác ơi!  
 Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời  
 Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội  
 Rước Bác vào thăm, thấy Bác cười!

(*Bác ơi*, Tố Hữu)

A. Sự xa xôi.

**B. Cái chết.**

C. Sự vất vả.

D. Sự nguy hiểm.

**Câu 15:** Khi nào không nên nói giảm nói tránh?

A. Khi cần phải nói năng lịch sự, có văn hóa

B. Khi muốn bày tỏ tình cảm của mình.

**C. Khi cần phải nói thẳng, nói đúng sự thật.**

D. Khi muốn làm cho người nghe bị thuyết phục.

**Câu 16:** Câu nào dưới đây sử dụng cách nói giảm, nói tránh?

A. Nó đang học bài rất chăm chỉ.

B. Dạo này nó lười học quá!

C. Bài thơ của anh rất dở.

**D. Bài thơ này của anh không được hay lắm!**

**Câu 17:** Câu nào sau đây sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh?

**A. Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! (Nam Cao)**

B. Thôi để mẹ cầm cũng được. (Thanh Tịnh)

C. Bác trai đã khá rồi chứ? (Ngô Tất Tố)

D. Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu. (Nguyên Hồng)

**Câu 18:** Tìm từ ngữ (nói giảm nói tránh) thích hợp để điền vào chỗ trống:

Cha nó mất, mẹ nó /…/, nên chú rất thương nó.

A. Bỏ đi

**B. Đi bước nữa**

C. Lấy chồng khác

D. Không nhận nuôi con

**Câu 19***:* Chọn phương án đúng khi nói về hiệu quả của phép tu từ nói giảm, nói tránh được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*“*Bác Dương thôi đã, thôi rồi

Nước mây man mác, ngậm ngùi lòng ta*”*

*(Khóc Dương Khuê –* Nguyễn Khuyến*)*

1. **Giảm đi sự đau thương, mất mát**
2. Giảm đi sự đột ngột, bất ngờ
3. Thể hiện thái độ nhã nhặn, lịch sự
4. Thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng

**Câu 20.**  Các câu “*Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã*.” (Thanh Tịnh) đã sử dụng phép liên kết nào?

**A. Phép nối.**  B. Phép thế.

C. Phép lặp. D. Phép dùng từ trái nghĩa.

**Câu 21.** Các câu văn: *“Trước đó mấy hôm, lúc đi ngang qua làng Hoà An bẫy chim quyên với thằng Minh, tôi có ghé lại trường một lần. Lần ấy, trường đối với tôi là một nơi xa lạ”* (Thanh Tịnh) liên kết với nhau bằng phép liên kết nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Phép lặp từ ngữ.  C. Phép nối. | B. Phép đồng nghĩa.  **D. Phép thế**. |

**Câu 22:** Hai câu thơ sau liên kết với nhau bằng biện pháp liên kết nào?

*Được mùa chớ phụ ngô khoai*

*Đến khi thất bát mấy ai bạn cùng.*

A. Phép lặp từ ngữ **B. Phép liên kết bằng các từ trái nghĩa**

C. Phép nối D. Phép thế

**Câu 23:** Trong hai câu thơ sau sử dụng phép liên kết nào?

“ *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục*”

( “Nói với con” -Y Phương)

A. Phép thế, phép nối. B. Phép thế, phép lặp.

C. Phép nối, phép thế. **D. Phép nối, phép lặp.**

**Câu24**. Các câu văn sau liên kết với nhau bằng phép liên kết nào?

*“Mặt trời lên bằng hai con sào thì ông về đến con đường nhỏ rẽ về làng. Không cần phải hỏi thăm nữa cũng nhận ra rặng tre ở trước mặt kia là làng mình rồi. Cái chấm xanh sẫm nhô lên đó là cây đa đầu làng. Càng về đến gần càng trông rõ những quán chợ khẳng khiu nấp dưới bóng đa”. (Nguyễn Đình Dũng)*

1. **Phép liên tưởng, phép lặp**
2. Phép lặp, phép đồng nghĩa
3. Phép liên tưởng, phép nối

D. Phép nối, phép lặp.

**Câu 25.** Phép liên kết câu trong đoạn văn sau *“Chị Thao thổi còi. Như thế là đã 20 phút trôi qua. Tôi cẩn thận bá gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi.”* (Lê Minh Khuê)là:

A. Phép nối **B. Phép thế**

C. Phép lặp D. Phép đồng nghĩa

**Câu 26.** Hãy chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn sau đây:

“*Tiếng trống trường chênh chao*

*Khép một mùa hoa nắng*

*Tuổi học trò …Im lặng*

*Khép vụng về câu thơ!*

(Cầm Thị Đào)

A. Phép thế.

B. Phép nối.

**C. Phép lặp**.

D. Phép dùng từ trái nghĩa.

**Câu 27:** Các câu văn sau sử dụng phép liên kết?

“*Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gợi sự khát khao làm nên những sự tích anh hùng*.” (Lê Minh Khuê)

**A. Phép thế** B. Phép nối

C. Phép lặp D. Phép liên tưởng

**Câu 28.** Đoạn thơ sau sử dụng những phép liên kết nào?

*“Lũ chúng tôi từ tay mẹ lớn lên*

*Còn những bí và bầu thì lớn xuống*

(Nguyễn Khoa Điềm)

A.Phép thế,phép trái nghĩa và phép liên tưởng

B. Phép đồng nghĩa, phép nối và phép lặp

C.Phép nối,phép lặp và phép thế

**D. Phép nối, phép trái nghĩa và phép lặp**

**Câu 29**: “*Mùa xuân đã về thật rồi. Mùa xuân tràn ngập đất trời và lòng người”* sử dụng phép liên kết gì?

A. Phép thế

**B. Phép lặp**

C. Phép nối

D. Phép dùng từ đồng nghĩa.

**Bài 2:** Tìm biện pháp nói quá và giải thích ý nghĩa của chúng trong các ví dụ sau:

a. Bàn tay ta làm nên tất cả

có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

*(Bài ca vỡ đất*, Hoàng Trung Thông)

b. Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sượt da thôi. Từ giờ đến sáng em có thể đi lên đến tận trời được.

(*Mảnh trăng cuối rừng*, Nguyễn Minh Châu)

c. [...] Cái cụ Bá thét ra lửa ấy lại sử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước.

(*Chí Phèo*, Nam Cao)

**Gợi ý:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Từ ngữ thể hiện biện pháp nói quá | Giải thích ý nghĩa của biện pháp nói quá trong câu |
| a | "Có sức người sỏi đá cũng thành cơm." | nhấn mạnh vai trò sự cố gắng, kiên trì, sức khỏe trong lao động, có thể cải tạo tự nhiên mang lại nguồn sống của con người. |
| b | "em có thể đi lên tới tận trời được" | khẳng định tinh thân không ngại khó, không ngại khổ của nhân vật. |
| c | "cụ Bá thét ra lửa" | hiện nhân vật cụ Bá có thế lực, có uy quyền ghê gớm |

**Bài 3:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong câu dưới đây.

1. Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi bưng bát cơm đầy

Dẻo thơ một hạt, đắng cay muôn phần!

(Ca dao)

b) Bát cơm chan đầy nước mắt  
 Bay còn giằng khỏi miệng ta  
 Thằng giặc Tây, thằng chúa đất  
 Đứa đè cổ, đứa lột da...  
 Xiềng xích chúng bay không khóa được  
 Trời đầy chim và đất đầy hoa  
 Súng đạn chúng bay không bắn được  
 Lòng dân ta yêu nước thương nhà! ''

(Đất nước, Nguyễn Đinh Thi)

**Gợi ý:**

1. Nói quá "*Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*"

Tác dụng:

- Làm cho câu ca dao sinh động giàu hình ảnh, gợi cảm

- Nhấn mạnh, gây ấn tượng về nỗi vất vả cảu công việc cày đồng nói riêng và về ý nỗi vất vả, nhọc nhằn của người nông dân nói chung;

- Thể hiện niềm biết ơn, trân trọng, yêu mến của tác giả đối với người nông dân;

- Khuyên mọi người biết ơn, trân trọng giá trị của hạt gạo và những con người làm ra nó.

b) - Biện pháp nói quá qua hình ảnh “bát cơm chan đầy nước mắt”

- Tác dụng :

+ Làm cho câu thơ sinh động giàu hình ảnh

+ Nổi bật lên nỗi khổ, nỗi cơ cực của người nông dân: có được bát cơm cầm ăn chính là vì biết bao giọt mồ hôi, nước mắt rơi xuống mới có được. Thể hiện nỗi niềm chua xót, đồng cảm của tác giả dành cho người nông dân, lòng căm hận quân giặc.

+ Khơi gợi lòng yêu nước, căm thù giặc trong lòng nhân dân.

**Bài 4:** Hãy sử dụng biện pháp tu từ nói giảm – nói tránh để chuyển các câu sau đây thành những câu cùng nghĩa (hoặc gần nghĩa):

|  |  |
| --- | --- |
| a. Bạn ấy còn nhút nhát. | Mẫu: Bạn ấy không được mạnh dạn. |
| b.Bài thơ cô ấy viết dở lắm. |  |
| c. Cái áo này chị mặc rất xấu. |  |
| d. Bà già rồi nên đi ngủ sớm. |  |

**Trả lời:**

|  |  |
| --- | --- |
| a. Bạn ấy còn nhút nhát. | Mẫu: Bạn ấy **không** được **mạnh dạn.** |
| b. Bài thơ cô ấy viết dở lắm. | Bài thơ cô ấy viết **không** được **hay** lắm. |
| c. Cái áo này chị mặc rất xấu. | Cái áo này chị mặc **không** được **hợp** (đẹp) lắm. |
| d. Bà già rồi nên đi ngủ sớm. | Bà **có tuổi** rồi nên đi **nghỉ** sớm. |

**Chú ý:** cách sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh bằng cách: nêu từ phủ định (không, chưa, chẳng,…) kết hợp với từ trái nghĩa; dùng từ gần nghĩa, …với những từ có tính chất nói thẳng là nhận xét của người nói.

**Bài 5:** Tìm năm thành ngữ, tục ngữ có sử dụng biện pháp nói quá hoặc nói giảm, nói tránh và phân tích ý nghĩa của chúng. Đặt câu với các thành ngữ đó.

Gợi ý: + Thành ngữ *nắng như đổ lửa* có nghĩa là trời quá nắng nóng, oi bức, khó chịu vô cùng vì vậy được ví nhưng đổ lửa. (nói quá). VD: Tiết tháng sáu trời **nắng như đổ lửa**, ai cũng mệt mỏi vô cùng.

+ *Nhắm mắt xuôi tay*: chỉ cái chết (nói giảm nói tránh)

+ Đen như cột nhà cháy: chỉ làn da đen, xấu xí (nói quá)

+ Mình đồng da sắt: cơ thể khỏe mạnh, rắn chắc như sắt, như đồng

+ Có công mài sắt, có ngày nên kim: khuyên mọi người cần kiên trì, cố gắng nỗ lực thì nhất định sẽ thành công (nói quá).

\*Hs tự đặt câu.

**Bài tập 6:** Điền các thành ngữ sau đây vào chỗ trống [... ]để tạobiện pháp tu từ nói quá: bầm gan tím ruột, chó ăn đá gà ăn sỏi, nở từng khúc ruột, ruột để ngoài da, vắt chân lên cổ.

a. Ở nơi [...] thế này, cỏ không mọc nổi nữa là trồng rau, trồng cà.

b. Nhìn thấy tội ác của giặc, ai ai cũng [...]

c. Cô Nam tính tình xởi lởi, [...]

d. Lời khen của cô giáo làm cho nó [...]

e. Bọn giặc hoảng hồn [...] mà chạy.

***Gợi ý làm bài***

a. Ở nơi **chó ăn đá gà ăn sỏi** thế này, cỏ không mọc nổi nữa là trồng rau, trồng cà.

b. Nhìn thấy tội ác của giặc, ai ai cũng **bầm gan tím ruột**

c. Cô Nam tính tình xởi lởi, **ruột để ngoài da**.

d. Lời khen của cô giáo làm cho nó **nở từng khúc ruột**.

e. Bọn giặc hoảng hồn **vắt chân lên cổ** mà chạy.

**Bài tập 7:** Viết đoạn văn với chủ đề tự chọn. Sử dụng ít nhất một thành ngữ và biện pháp nói quá hoặc nói giảm nói tránh.

**Gợi ý:** - Lựa chọn đề tài.

-Đoạn văn sử dụng ít nhất một thành ngữ.

-Đoạn văn sử dụng biện pháp nói quá hoặc nói giảm nói tránh

**Bài 8:** Xác định phép thế trong những đoạn trích sau:

a*. Sách tất nhiên là đáng quý, nhưng cũng chỉ là một thứ tích lũy. Nó có thể làm trở ngại cho nghiên cứu học vấn.*

*(*Chu Quang Tiềm*, Bàn về đọc sách)*

b. *Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên thấy lạ.*

*(*Thanh Tịnh*, Tôi đi học)*

c*. Cũng như tôi, mấy cậu học trò mới bỡ ngỡ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim con đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. .*

*(*Thanh Tịnh*, Tôi đi học)*

Trả lời: phép thế trong những đoạn trích là:

1. từ “nó” ở câu (2) thay thế cho từ “sách” ở câu (1)
2. từ “*con đường này*” ở câu (2) thay thế cho từ “*con đường làng dài và hẹp*” ở câu (1)
3. từ “*họ*” ở câu (2) thay thế cho từ “*mấy cậu học trò mới*” ở câu (1)

**Bài 9:** Chỉ ra phép liên tưởng trong những đoạn trích sau  :

a. *Một mùi hương lạ xông lên trong lớp. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay. Tôi nhìn bàn ghế chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên lạm nhận là vật riêng của mình. (*Thanh Tịnh*, Tôi đi học)*

b. *Biết bao danh sĩ đã nhờ sự đọc sách, sự tự học mà khỏi chán đời ...Những nối đau khổ nhờ đó mà bớt nhói. (*Nguyễn Hiền Lê*, Tự học – một thú vui bổ ích)*

*c. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh phải là kẻ giúp đỡ người khác trên đôi vai của mình. (*Nam Cao*, Đời thừa)*

Trả lời:

|  |  |
| --- | --- |
| Câu | Từ ngữ cùng trường liên tưởng ở câu sau và câu trước |
| a. *Một mùi hương lạ xông lên****trong lớp****. Trông hình gì treo trên tường tôi cũng thấy lạ và hay. Tôi nhìn****bàn ghế****chỗ tôi ngồi rất cẩn thận rồi tự nhiên lạm nhận là vật riêng của mình. (*Thanh Tịnh*, Tôi đi học)* | Bàn ghế, lớp |
| b. *Biết bao danh sĩ đã nhờ sự đọc sách, sự tự học mà khỏi* ***chán đời*** *...Những nối* ***đau khổ*** *nhờ đó mà bớt nhói. (*Nguyễn Hiền Lê*, Tự học – một thú vui bổ ích)* | Đau khổ, chán đời |
| *c.****Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm*** *lên vai người khác để thỏa mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh phải là****kẻ giúp đỡ****người khác trên đôi vai của mình. (*Nam Cao*, Đời thừa)* | *kẻ giúp đỡ, kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm* |

**Bài 10:** Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:  
   *Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!*

Trả lời:

Tính mạch lạc của đoạn văn được thể hiện:

- Các câu được sắp xếp theo trật tự thời gian: từ sáu giờ sáng đến bảy giờ sáng. Sự thống nhất về đề tài ở đây là miêu tả ngoại cảnh.

- Hình thức:

+ Sử dụng các từ ngữ được lặp lại (phép lặp): *trời*, *sáng*.

+ Sử dụng quan hệ từ: *tới*, *nhưng*.

**Bài 11:**Tìm các từ địa phương trong những dòng thơ dưới đây của Tố Hữu. Cho biết các từ đó được dùng ở vùng miền nào và chúng có tác dụng gì đối với việc phản ánh con người, sự vật, sự việc ở địa phương.

a.

*Bầm ơi có rét không bầm?*

*Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn*

b.

*Anh ạ, từ hôm Tết tới nay*

*Giặc đi ruồng bố suốt đêm ngày*

c.

*Bây chừ sông nước về ta*

*Đi khơi đi lộng, thuyền ra thuyền vào. […]*

*Ghé tai mẹ, hỏi tò mò:*

*Cớ răng ông cũng ưng cho mẹ chèo*

Trả lời:

- Các từ ngữ địa phương: bầm, ruồng, răng

- Giải thích nghĩa của các từ địa phương.

a. bầm – mẹ

b. ruồng bố – khủng bố

c. Bây chừ: bây giờ;

cớ răng: làm chi

**Bài 12:** Những từ nào trong các câu dưới đây là từ địa phương? Chúng được sử dụng ở vùng miền nào? Giải thích nghĩa của các từ địa phương đó và nêu tác dụng của việc sử dụng chúng trong đoạn trích Dọc đường xứ Nghệ của Sơn Tùng.

a) *Ai tưởng tượng ra đầu tiên hình dáng các hòn núi nớ hẳn là mắt tiên, cha nhể?*

b) *Đền ni thờ một ông quan đời nhà Lý đó, con ạ.*

c) *Việc đời đã dớ dận, mi lại "thông minh" dớ dận nốt.*

Trả lời:

- Xác định từ ngữ địa phương:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Từ địa phương | Vùng miền | Nghĩa |
| a | nớ | Nghệ An | kia |
| nhể | Nghệ An | nhỉ |
| b | ni | Nghệ An | này |
| c | dớ dận | Nghệ An | vớ vẩn |
| mi | Nghệ An | mày |

- Tác dụng:

+ Tăng giá trị biểu đạt cho nội dung văn bản, tạo sắc thái thân mật, gần gũi.

+ Tô đậm màu sắc địa phương (miền Trung), tầng lớp xã hội cũng như tính cách nhân vật.

**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : TẬP LÀM VĂN**

**TIẾT 22-23-24:**

**ÔN TẬP CÁCH LÀM BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT SỰU VIỆC CÓ THẬT**

**LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT VÀ SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập nâng cao kiến thức, kĩ năng về phần Tập làm văn đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 7. Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**-** Luyện viết các dạng bài theo yêu cầu của đề cụ thể

**B. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

**I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT**

**Trần Thị Thu Thuỷ 0989332708- Trường Thcs Dương Nội Hà Đông, HN**

**Dạng bài: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến sự kiện và nhân vật lịch sử**

**I. Yêu cầu về dạng bài**Lê Thanh Thuỷ SĐT: 0982344059 Trường THCS Kẻ Sặt- Bình Giang- Hải Dương

**1. Khái niệm**

**- *Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến sự kiện/nhân vật lịch sử* là kiểu văn bản thuật lại một sự việc có thật nhằm giúp người đọc hiểu về sự việc, qua đó hiểu về nhân vật/sự kiện lịch sử có liên quan.**

**2. Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến sự kiện/nhân vật lịch sử**

- Sự việc được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.

- Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) thuật lại sự việc theo một trình tự hợp lí.

- Sử dụng chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc, nhân vật/sự kiện.

- Sử dụng yếu tố miêu tả trong bài viết.

- Kết hợp với miêu tả một cách hợp lí, tự nhiên.

- Bố cục bài viết cần đảm bảo:

**3. Dàn ý chung của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến sự kiện/nhân vật lịch sử**

+MB: Giới thiệu sự việc có liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.

+TB: Thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/sự kiện lịch sử; kết hợp kể chuyện với miêu tả.

+KB: Khẳng định lại ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết.

1. **CÁCH LÀM BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT SỰU VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT VÀ SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**Bước 1: Chuẩn bị**

**Xác định đề tài:**

- Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: *Bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu*

*-* Xác định sự việc có thật mà mình sẽ viết phù hợp với yêu cầu đề bài:

+ Có thể là một sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử chống ngoại xâm hoặc mở mang bờ cõi, đất nước.

+ Có thể là sự việc có thật liên quan đến nhân vật anh hùng trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cứu nước

+ Có thể là sự việc có thật liên quan đến sự kiện/nhân vật có công đổi mới hoặc có thành tích trong lao động sản xuất

**Thu thập tài liệu:**

+ Cần tìm những thông tin từ tài liệu hoặc thực tế: trực tiếp quan sát (hình ảnh, hiện vật, lời kể của người dân) và các tài liệu lưu trữ có liên quan

**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

|  |
| --- |
| **Ý tưởng của tôi về bài viết kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử** |
| * **Không gian, thời gian diễn ra sự việc.** * **Diễn biến sự việc.** * **Các dấu tích, hiện vật liên quan đến sự kiện/nhân vật.** * **Các nhân vật, dẫn liệu có thể trích dẫn** |

**- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

*Mở đoạn*:

- Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.

- Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan

*Thân đoạn*:

* Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện:

+ Câu chuyện, huyền thoại liên quan.

+ Dấu tích liên quan.

* Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử.

+ Bắt đầu - diễn biến - kết thúc

+ Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn,…); kết hợp kể chuyện với miêu tả

- Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện lịch sử

*Kết đoạn*:

- Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết.

**Bước 4: Rút kinh nghiệm**

- Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm.

- Tiếp tục chỉnh sửa nếu bài văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. .

- Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp

**BẢNG KIỂM VỀ HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG CỦA BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT/SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Nêu được sự việc có thật liên quan sự kiện/nhân vật lịch sử |  |  |
| Dùng ngôi thứ nhất để kể truyện |  |  |
| Khái quát không gian, thời gian diễn ra sự việc |  |  |
| **Thân đoạn** | Thuật lại sự việc theo trình tự hợp lí: bắt đầu – diễn biến – kết thúc |  |  |
| Kết hợp kể truyện với miêu tả |  |  |
| Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/sự kiện lịch sử |  |  |
| Các dấu liên kết câu |  |  |
| **Kết đoạn** | Khẳng định lại ý nghĩa hoặc nêu cảm nhận bản thân |  |  |
| Kết bài bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn. |  |  |

1. **THỰC HÀNH**

**ĐỀ BÀI :**

**Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử lịch sử mà em yêu thích.**

**Bài tham khảo 1:**

Đất nước Việt Nam đã sản sinh ra rất nhiều anh hùng. Trong số đó, Trần Quốc Toản là vị anh hùng đáng ngưỡng mộ và cảm phục.

Trần Quốc Toản (không rõ năm sinh, năm mất), hiệu là Hoài Văn hầu, là một tông thất nhà Trần. Vào năm 1282, vua Trần Nhân Tông cho tổ chức Hội nghị gồm các Vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Vì còn ít tuổi nên Trần Quốc Toản không được tham dự. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phẫn uất, tay cầm quả cam mà bóp nát lúc nào không biết.

Không nản lòng, Trần Quốc Toản lui về huy động hơn nghìn gia nô và thân thuộc sắm vũ khí, đóng chiến thuyền viết lên cờ sáu chữ “phá cường địch, báo hoàng ân” (Phá giặc mạnh, đền ơn vua). Tiếng vang của Quốc Toản với lá cờ thêu sáu chữ vàng lan truyền khắp mọi nơi. Đến năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào xâm lược nước ta. Lúc này, lá cờ thêu sáu chữ vàng của Hoài Văn hầu xuất hiện trên nhiều mặt trận. Ông đã trực tiếp chỉ huy quân đội sát cánh cùng quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Quân giặc phải bỏ Thăng Long, chạy về Kinh Bắc (Bắc Ninh) để tìm đường về nước. Sau này, khi ông hy sinh, vua Trần hết sức thương tiếc, cho cử hành tang lễ và đích thân làm văn tế và truy tặng Trần Quốc Toản tước Hoài Văn Vương.

Trần Quốc Toản không chỉ có tài năng mà còn mang những phẩm chất tốt đẹp như dũng cảm, kiên cường và nghị lực. Ông đã trở thành tấm gương sáng ngời về ý chí và lòng yêu nước để các thế hệ trẻ Việt Nam noi theo.

**Bài tham khảo 2:**

Một trong những vị anh hùng của dân tộc Việt Nam là Võ Thị Sáu. Chị chính là một trong những biểu tượng cho lòng dũng cảm, sự gan dạ của người phụ nữ Việt Nam.

Võ Thị Sáu sinh năm 1933, mất năm 1952. Về nguyên quán, trên bia mộ chỉ ghi tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Chị tham gia hoạt động cách mạng từ khi còn rất trẻ, đã hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ quan trọng.Chị đã tham gia nhiều trận chiến đấu để bảo vệ quê hương, dùng lựu đạn tiêu diệt hai tên ác ôn và làm bị thương nhiều lính Pháp. Chị còn nhiều lần phát hiện gian tế, tay sai Pháp, giúp đội công an thoát khỏi nguy hiểm, chủ động trong việc tấn công địch…

Vào tháng 7 năm 1948, Công an Đất Đỏ được giao nhiệm vụ phá cuộc mít tinh kỷ niệm Quốc khánh Pháp. Dù nguy hiểm, nhưng chị Sáu vẫn chủ động xin được trực tiếp đánh trận này. Chị đã nhận lựu đạn, giấu vào góc chợ gần khán đài từ nửa đêm. Sáng hôm đó, địch lùa người dân vào sân. Khi xe của tỉnh trưởng tới, chị tung lựu đạn về phía khán đài, uy hiếp giải tán mít tinh. Hai tổ công an xung phong ở gần đấy đồng loạt nổ súng yểm trợ tạo áp lực giải tán cuộc mít tinh, đồng thời hỗ trợ cho chị Sáu rút an toàn. Người của Việt Minh được bố trí trong đám đông hô to “Việt Minh tiến công” và hướng dẫn người dân giải tán. Sau chiến công này, chị Sáu được tổ chức tuyên dương khen ngợi và được giao nhiệm nhiều nhiệm vụ quan trọng khác. Khi bị giặc bắt giam tại nhà tù Côn Đảo, chuẩn bị xử tử hình, chị vẫn giữ được tinh thần của người chiến sĩ cách mạng.

Năm 1993, Nhà nước đã trân trọng truy tặng chị Huân chương chiến công hạng Nhất và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang.

Có thể khẳng định rằng, chị Võ Thị Sáu là một tấm gương về lòng dũng cảm, sự gan dạ, đáng để chúng ta học tập và noi theo.

**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : TẬP LÀM VĂN**

**TIẾT 25-26-27:**

**ÔN TẬP :**

**CÁCH LÀM BÀI VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ ,ĐOẠN THƠ VÀ BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI, SỰ VẬT**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập nâng cao kiến thức, kĩ năng về phần Tập làm văn đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 7 Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ; viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

**- Luyện viết các dạng bài theo yêu cầu của đề cụ thể**

**B. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

**A. LÍ THUYẾT**

**I.Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ**

**1. Yêu cầu**

- Biểu đạt một nội dung tương đối trọn vẹn, gồm nhiều câu được liên kết với nhau, bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.

- Trình bày cảm xúc của người viết về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.

**2. Cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, hoặc năm chữ.**

**a. Bước 1: Chuẩn bị**

- Xác định đề tài:

+ Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: đoạn văn 200 chữ ghi lại cảm xúc về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Thu thập tài liệu:

+ Cần tìm những thông tin nào? Tìm những thông tin ấy ở đâu?

+ Em có thể tìm và chọn bài thơ em ấn tượng nhất.

**b.**.**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

**- HS điền vào phiếu tìm ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| Cảm xúc, ý tưởng của tác giả qua bài thơ? |  |
| Xác định chủ đề của bài thơ? |  |
| Những từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu và các biện pháp tu từ trong bài thơ thể hiện cảm xúc và ý tưởng của tác giả? |  |
| Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc nào? |  |
| Bài thơ gửi đến cho người đọc thông điệp gì? |  |

***- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:***

*Mở đoạn*: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung về bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ mà em đã chọn.

*Thân đoạn*:

+ Những từ ngữ thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ.

+ Những chi tiết, hình ảnh được trích ra từ bài thơ.

+ Những biện pháp tu từ đặc sắc trong bài thơ.

*Kết đoạn*: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với người viết.

**c. Bước 3: Viết**

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

**d. Bước 4: Rút kinh nghiệm**

- Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm.

- Tiếp tục chỉnh sửa nếu đoạn văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp.

**II. Viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc**

**1. Yêu cầu**

- Tình cảm trong bài văn phải chân thực, trong sáng.

- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.

- Kết hợp với miêu tả và tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc.

**2. Dàn ý chung của một bài văn biểu cảm về con người, sự việc**

*\*Mở bài*:

- Nêu được sự việc, con người và biểu lộ cảm xúc của người viết về sự việc, con người

*\*Thân bài*:

-Luận điểm 1:

+Miêu tả/kể lại kỉ niệm đáng nhớ, ấn tượng về con người, sự việc:…….

+Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ nhất:……

+Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó,…….

-Luận điểm 2:

+Miêu tả/kể lại kỉ niệm đáng nhớ, ấn tượng về con người, sự việc:…….

+Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ hai:……

+Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó,…….

-Luận điểm 3:……..

*\*Kết bài*:

- Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân.

**3. Các bước viết bài văn biểu cảm về con người, sự việc**

**Bước 1: Chuẩn bị**

- Xác định đề tài:

+ Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết

- Thu thập tài liệu:

+ Đối với sự việc: Cần tìm những thông tin từ tài liệu hoặc thực tế: quan sát thực tế của em về sự việc, nghe người khác kể về sự việc. Em có thể đọc thêm tư liệu về sự việc trong các sách báo, trang mạng uy tín. Khi đọc tư liệu, ghi lại những thông tin gợi cho em ấn tượng, sâu sắc về sự việc.

+ Đối với người mà em yêu quý: Quan sát thực tế của em về nhân vật (chi tiết miêu tả), kỉ niệm em từng trải qua với nhân vật hoặc nghe người khác kể chuyện về nhân vật (chi tiết tự sự)

**2**.**Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**

- Tìm ý: HS điền vào phiếu ý tưởng:

**Ý tưởng của tôi về bài viết trình bày cảm xúc đối với sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc**

- Ghi những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm của mình về con người sự việc em muốn viết? lí do em có những tình cảm, cảm xúc đó?

- Những kỉ niệm nào trong sự việc khiến em ấn tượng sâu sắc? Khung cảnh diễn ra sự việc? Chú ý các yếu tố gợi ra các giác quan?

**Ý tưởng của tôi về bài viết trình bày cảm xúc đối với người mà em yêu quý**

- Ghi những từ ngữ thể hiện cảm xúc, tình cảm của mình về người mà em muốn viết? lí do em có những tình cảm, cảm xúc đó?

- Xác định một số yếu tố miêu tả, tự sự để làm rõ các tình cảm, cảm xúc của em bằng cách đặt câu hỏi: nhân vật có điểm gì đặc biệt (về hình dáng, hành động, cuộc đời,...) đã khơi gợi cảm xúc trong em? Nhân vật và em đã có kỉ niệm gì sâu sắc?

- *Lập dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của một bài văn (Theo dàn ý chung*

**3. Bước 3: Viết**

Dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh.

* Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài. Đối với thân bài, em cần đảm bảo kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự để việc bộc lộ cảm xúc được tự nhiên, giúp người đọc hiểu vì sao em có cảm xúc đó.
* Để cảm xúc được bộc lộ một cách chân thật, sâu sắc em có thể sử dụng các từ ngữ miêu tả các trạng thái hạnh phúc như *hạnh phúc, bâng khuâng, gắn bó, hạnh phúc, biết ơn,…;* các từ ngữ bộc lộ cảm xúc trực tiếp như *ôi chao, trời ơi, xiết bao*,…; sử dụng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, liên tưởng để giúp bài văn thêm gợi cảm, dễ dàng truyền tải được cảm xúc.
* Để đảm bảo các yếu tố miêu tả, tự sự gắn với mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc, không bị lạc sang văn miêu tả hay kể chuyện, khi viết, em hãy tự trả lời câu hỏi: *Yếu tố miêu tả, tự sự này nhằm thể hiện cảm xúc nào? Cảm xúc muốn bày tỏ đã được thể hiện trọn vẹn qua các yếu tố miêu tả, tự sự hay chưa?*

**Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**

**\*Xem lại và chỉnh sửa**

- Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm.

- Tiếp tục chỉnh sửa nếu bài văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với bài văn trình bày cảm xúc đối với một sự việc để lại cho em ấn tượng sâu sắc.

- Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp.

**III. THỰC HÀNH**

**ĐỀ SỐ 1:** Trình bày cảm xúc về một lỗi lầm của bản thân

**Bài tham khảo 2:**

*Mở bài*:

* Nêu được lỗi lầm: Chơi ném bóng trong nhà, vô tình làm vỡ bình hoa của mẹ.
* Bộc lộ cảm xúc chung: đây là kỉ niệm đáng nhớ, sâu sắc đối với bản thân.

*Thân bài*:

* Luận điểm 1: Khi mẹ đang dọn dẹp ngoài vườn, em chơi ném bóng trong nhà và vô tình làm vỡ lọ hoa của mẹ

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ nhất: Bối rối, lo lắng, sợ hãi

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó: Mẹ rất yêu quý chiếc bình hoa đó; hàng ngày mẹ lau dọn, chăm chút cho bình hoa và chọn những bông hoa thật đẹp để cắm vào đó; đồng thời mẹ là người rất nghiêm khắc, mẹ đã nhiều lần dặn em không được chơi ném bóng trong nhà nhưng em đã không nghe lời. Em lo lắng không biết phải làm sao khi mẹ phát hiện ra.

* Luận điểm 2: Khi mẹ vào nhà và phát hiện ra chiếc bình bị vỡ.

+ Tình cảm, cảm xúc sâu sắc thứ hai: buồn, xúc động, ân hận, day dứt

+ Lí giải vì sao có tình cảm, cảm xúc đó:

++ Mẹ không mắng mà còn hỏi em có bị mảnh vỡ đâm vào tay, chân không rồi mẹ lặng lẽ đi dọn mảnh vỡ, trong lúc dọn thỉnh thoảng mẹ dơ mảnh vỡ lên ngắm nhìn, khuôn mặt thoáng chút buồn => Xúc động vì lòng vị tha, bao dung của mẹ.

++ Dọn xong mẹ gọi tôi ngồi ra ghế, kể cho tôi nghe về chiếc bình hoa, hóa ra chiếc bình hoa đó là do một người bạn của mẹ - một người thợ gốm nổi tiếng làm ra và tặng mẹ, tiếc là giờ người bạn đó không còn nữa. Vì vậy, chiếc bình hoa đó không chỉ là chiếc bình hoa đơn thuần mà còn là kỉ vật cho tình bạn đáng quý ấy => tôi cảm thấy day dứt, ân hận.

++ Sau đó, mẹ dặn dò tôi lần sau cần cẩn thận hơn khi chơi trong nhà và nghe lời mẹ dặn.

*Kết bài*:

- Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc dành cho sự việc, rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân: Tôi hứa với mẹ và tự hứa với lòng mình sẽ nghe lời mẹ và không làm mẹ buồn nữa, đồng thời biết trân quý về tình bạn.

**Đề 02: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ *Mẹ*  của Đỗ Trung Lai.**

|  |  |
| --- | --- |
| *Lưng mẹ còng rồi Cau thì vẫn thẳng Cau-ngọn xanh rờn Mẹ-đầu bạc trắng  Cau ngày càng cao Mẹ ngày một thấp Cau gần với giời Mẹ thì gần đất!  Ngày con còn bé Cau mẹ bổ tư Giờ cau bổ tám Mẹ còn ngại to!* | *Một miếng cau khô Khô gầy như mẹ Con nâng trên tay Không cầm được lệ  Ngẩng hỏi giời vậy - Sao mẹ ta già? Không một lời đáp Mây bay về xa.* |

(Đỗ Trung Lai, *Đêm sông Cầu*, NXB Quân đội nhân dân, 2003)

**Gợi ý**

Bài thơ “Mẹ” của Đỗ Trung Lai là một tác phẩm đầy cảm xúc, đem lại nhiều tình cảm cho người đọc. Đọc bài thơ, tôi ấn tượng về hình ảnh người mẹ già nua theo năm tháng và niềm xót xa của người con khi chứng kiến mẹ ngày càng già đi. Đọc hai khổ thơ đầu, tôi nhận thấy hình ảnh cây cau và mẹ luôn sóng đôi với nhau để làm nổi bật hình ảnh mẹ. Cây cau vốn là một loài cây quen thuộc ở làng quê Việt Nam, dãi dẫm nắng mưa, gió bão, chẳng thế mà nhà thơ Đỗ Trung Lai đã mượn cây cau để miêu tả người mẹ già của mình. Những sự đối lập giữa mẹ và cây cau như “*Lưng mẹ còng rồi - Cau thì vẫn thẳng”, “Cau - ngọn xanh rờn, Mẹ - đầu bạc trắng”, “Cau gần với giời - Mẹ thì gần đất*” đã gợi lên trong tôi hình ảnh người mẹ còm cõi, già nua, đang ngày một già đi theo năm tháng, thời gian. Ẩn sau những lời thơ, sau bóng dáng mẹ già, tôi như nghe thấy tiếng lòng của nhà thơ, đó là nỗi xót xa đến nhói lòng trước sự thật đau đớn khi tuổi tác của mẹ ngày càng lớn, sức khỏe ngày càng yếu đi. Làm sao níu giữ nổi bước đi của thời gian đang hằn in dấu vết trên bóng dáng của mẹ. Để rồi nỗi xót xa, đau đớn của nhà thơ không thể kìm lại, tuôn trào thành dòng lệ khi nhận ra sự tương đồng giữa cau và mẹ: “Một miếng cau khô/ Khô gầy như mẹ”.  Câu hỏi tu từ “Sao mẹ ta già?” chất chứa sự cô đơn, trống vắng của nhà thơ khi nghĩ đến một ngày mẹ cũng như mây trắng bay về nơi xa. Với nhan đề “Mẹ” ngắn gọn, thể thơ bốn chữ giàu nhịp điệu, các biện pháp tu từ đối lập, so sánh,… bài thơ đem đến cho người đọc những suy ngẫm thật cảm động, sâu sắc về tình mẫu tử trong cuộc sống. Mỗi chúng ta hãy trân trọng những giây phút còn được bên cạnh mẹ, hãy yêu thương và trân trọng người mẹ của mình hơn mỗi ngày.

**Đề 03:** **Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “*Đưa con đi học*” (Tế Hanh)**

**ĐƯA CON ĐI HỌC**

*Sáng nay mùa thu sang*

*Cha đưa con đi học*

*Sương đọng cỏ bên đường*

*Nắng lên ngời hạt ngọc*

*Lúa đang thì ngậm sữa*

*Xanh mướt cao ngập đầu*

*Con nhìn quanh bỡ ngỡ*

*Sao chẳng thấy trường đâu?*

*Hương lúa tỏa bao la*

*Như hương thơm đất nước*

*Con ơi đi với cha*

*Trường của con phía trước*

*Thu 1964*

*(Tế Hanh,* ***Khúc ca mới****, Tr.32, NXB Văn học,1966)*

**Gợi ý**

Bài thơ “Đưa con đi học” của nhà thơ Tế Hanh là bài thơ thật đẹp ca ngợi tình cảm cha con, để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc. Bài thơ miêu tả lại một buổi sáng mùa thu cha đưa con đến trường lần đầu tiên, gợi lên hình ảnh ấm áp thân thương. Trước mắt người đọc hiện lên cảnh tượng hai cha con vừa nắm tay, vừa trò chuyện vui vẻ trong khung cảnh làng quê buổi bình minh thật thanh bình, yên tĩnh, tinh khôi, đầy sức sống. Tác giả đã miêu tả những hình ảnh thiên nhiên thật tinh tế qua các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá, so sánh đầy sinh động, gợi cảm. Sương sớm đọng trên ngọn cỏ, được ánh mặt trời chiếu vào ngời lên ánh sáng như muôn vàn hạt ngọc. Hình ảnh ẩn dụ đã làm bừng sáng lên không gian buổi sớm đầy mới mẻ, tinh khôi, trong trẻo. Lúa bên đường đang thì ngậm sữa, toả hương thơm khắp không gian. Hình ảnh so sánh độc đáo “*Hương lúa toả bao la – Như hương thơm đất nước*” cho thấy tình yêu thiên nhiên quê hương cũng hoà vào tình yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp quê hương xứ sở của hai cha con. Hai cha con cảm nhận thiên nhiên buối sớm trên con đường đến trường không chỉ bằng thị giác mà còn bằng thính giác. Tất cả không gian như bừng tỉnh sau một giấc ngủ đêm, đang chào đón và nâng đỡ từng bước chân con đến trường. Đứng trước không gian rộng lớn của làng quê, tâm trạng con bỡ ngỡ, xen lẫn niềm háo hức, mong chờ được đến trường qua câu hỏi hồn nhiên: “*Sao chẳng thấy trường đâu*”. Đáp lại lời hỏi của con, cha giục giã, động viên con: “*Con ơi đi với cha – Trường của con phía trước*”. Con hãy dũng cảm, bước lên phía trước – nơi đó là trường học của con, nơi con sẽ được học bao điều thú vị, bổ ích. Cả một chân trời rộng lớn đang chờ đón con phía trước, con chớ ngại bước đi vì cha sẽ luôn dõi theo con, có cả quê hương nâng bước con. Lời thơ cho ta thấy tình cha lặng lẽ mà thấm thía, bao la dành cho con. Bằng từ ngữ gợi cảm, hình ảnh gần gũi, quen thuộc, thể thơ 5 chữ với nhịp điệu nhịp nhàng kết hợp với các biện pháp tu từ (nhân hoá, so sánh, ẩn dụ), bài thơ đã cho người đọc thấy bức tranh làng quê tươi đẹp và tình cha con thân thương. Đọc bài thơ, tôi thêm kính yêu cha mẹ mình, thêm trân trọng những kí ức tuổi thơ và động lực để bước tiếp những chặng đường phía trước.

**Ngày soạn: / /2024**

**Ngày dạy: : / /2024**

**CHỦ ĐỀ : TẬP LÀM VĂN**

**TIẾT 28-29-30:**

**ÔN TẬP :**

**CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC , HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG , PHÂN TÍCH ĐỰC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

- Ôn tập nâng cao kiến thức, kĩ năng về phần Tập làm văn đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp : Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống; viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa)

**- Luyện viết các dạng bài theo yêu cầu của đề cụ thể**

**B. TIẾN TRÌNH ÔN LUYỆN**

**A. LÍ THUYẾT**

**I. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống**

**1. Khái niệm**

- Nghị luận về một vấn đề trong đời sống: Là trình bày ý kiến của mình (tán thành hay phản đối) về vấn đề nào đó trong đời sống bằng cách đưa ra lí lẽ rõ ràng, kết hợp với bằng chứng đa dạng để thuyết phục người đọc, người nghe.

**2.Việc làm cần chuẩn bị để viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống**

- Xác định vấn đề cần bàn luận

- Thu thập tư liệu liên quan (tư liệu thực tế, chuyện đã nghe, đã đọc, chuyện đã chứng kiến hay trải nghiệm của bản thân...)

- Giải thích vấn đề và làm sáng tỏ ý kiến bằng việc nêu ra lí lẽ và bằng chứng.

**3. Dàn ý chung**

**a. Mở bài:** Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận.

**b. Thân bài**

- Giải thích vấn đề cần bàn luận. Nêu các biểu hiện của vấn đề.

- Làm sáng tỏ vấn đề bằng cách đưa ra các lí lẽ và bằng chứng:

+ Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

+ Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)

…

**c. Kết bài**

Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề cần bàn luận.

**II. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (Yêu cầu tác phẩm ngoài sách giáo khoa)**

**1. Khái niệm.**

Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, miêu tả và nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật như: lai lịch, xuất thân, hình dáng bên ngoài, suy nghĩ, hành động, việc làm... của nhân vật.

**2. Yêu cầu phân tích đặc điểm nhân vật.**

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

- Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**3.Tìm ý và lập dàn ý**

**a. Tìm ý:** Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi

Đặc điểm nhân vật được khắc họa ở phương diện nào?

Qua các phương diện thấy nhân vật là người như thế nào?

Nhân vật để lại trong em ấn tượng, tình cảm, suy nghĩ gì?

**b. Lập dàn ý**

**\* Mở bài:** Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.

**\* Thân bài:** Phân tích đặc điểm của nhân vật.

Lần lượt trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ và dẫn chứng theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài:

- Chỉ ra các đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

- Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn

- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

**\* Kết bài:** Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật...

**4. Viết bài:** Dựa trên dàn ý đã lập

**5. Kiểm tra và chỉnh sửa**

Kiểm tra bài văn đoạn văn đã viết

Phát hiện lỗi về nội dung (thiếu ý, trùng lặp ý), lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, liên kết câu.

Xác định những chỗ mắc lỗi và nêu cách sửa.

**II. LUYỆN TẬP**

**Đề số 01: Có ý kiến cho rằng: *“Sống trải nghiệm là lối sống rất cần thiết cho giới trẻ hôm nay”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.**

**Dàn ý**

**1. Mở bài:**

- Nêu vấn đề cần bàn luận: Giới trẻ với lối sống trải nghiệm.

- Ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó: Tầm quan trọng, sự cần thiết của lối sống trải nghiệm đối với giới trẻ.

**2. Thân bài:**

***\* Giải thích:*** Trải nghiệm là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống.

***\*Bàn luận:***

- Khẳng định vai trò, tác dụng của sự trải nghiệm trong cuộc sống, nhất là với giới trẻ như:

+ Giúp mở rộng, nâng cao sự hiểu biết, kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ....

+ Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...;

+ Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực....

- Đưa ra một số dẫn chứng thực tế, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ.

- Mở rộng, phản đề: Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, nhàm chán, vô ích, đắm chìm trong thế giới ảo (game), các tệ nạn...Đó là những trải nghiệm xấu, tiêu cực vô ích,…

**\* *Rút ra bài học cho bản thân:***

+ Không ngại dấn thân để có được cơ hội trải nghiệm.

+ Hãy tự mình làm chủ cuộc sống của mình, không phụ thuộc vào người khác để trưởng thành hơn mỗi ngày.

**3. Kết bài:**

Khẳng định ý kiến mình tán thành và sự cần thiết của vấn đề mình tán thành: Trải nghiệm có vai trò to lớn, cần thiết mang đến cho mỗi người lối sống tích cực, có trải nghiệm thì bản thân mới trưởng thành, sống đẹp...

**Đề số 02: Phân tích nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” (Trích “ Dế Mèn phiêu lưu kí”) của Tô Hoài?**

*Một hôm, qua một vùng cỏ nước xanh dài, chợt nghe tiếng khóc tỉ tê. Tôi lắng tai, đoán ra tiếng khóc quanh quẩn đâu đây. Vài bước nữa, tôi gặp chị Nhà Trò ngồi gục đầu bên tảng đá cuội.Chị Nhà Trò bé nhỏ lại gầy gùa, yếu đuối quá, người bự những phấn, như mới lột. Chị mặc áo thâm dài, đôi chỗ chấm điểm vàng, hai cánh cô nàng mỏng như cánh bướm non, lại ngắn chùn chùn. Hình như cánh yếu quá, chưa quen mở, mà cho dù có khoẻ cũng chẳng bay được xa. Các chị Nhà Trò vốn họ bướm, cả đời chỉ biết vởn vơ quanh quẩn trong bờ bụi mà thôi. Nhà Trò đương khóc.*

*Nghe như có điều gì oan trái chi đây, tôi bèn hỏi:*

*- Làm sao mà khóc đường khóc chợ thế kia em?*

*Chị ngẩng đầu lên, nước mắt đầm đìa rồi cúi chào, lễ phép - các cô Nhà Trò bao giờ cũng lịch sự và mềm mại.*

*- Em chào anh, mời anh ngồi chơi*

*Tôi nói ngay:*

*- Có gì mà ngồi! Làm sao khóc nào?*

*Thế là chị ta bù lu bù loa:*

*- Anh ơi! Anh ơi! Hu...hu...Anh cứu em... Hu...hu*

*- Ðứa nào? Ðứa nào bắt nạt em?*

*- Thưa anh, bọn Nhện. Anh cứu... Hu...hu...*

*Tôi sốt ruột:*

*- Nhện nào? Sao lại cứ khóc thế? Kể rõ đầu đuôi mới biết làm sao mà cứu được chứ!*

*Nhà Trò kể:*

*- Năm trước, phải khi trời làm đói kém, mẹ em phải vay lương ăn của Nhện. Sau đấy, không may mẹ em mất đi, còn lại thui thủi có mình em. Mà em ốm yếu, kiếm bữa cũng chẳng đủ, làm ăn chả ra thế nào, bao năm nghèo túng vẫn hoàn nghèo túng, món nợ cũ chưa trả được. Nhện cứ nhất định bắt trả nợ. Mấy bận Nhện đã đánh em. Hôm nay bọn Nhện chăng tơ ngang đường đe bắt em, vặt chân, vặn cánh ăn thịt em.*

*Tôi xoè hai càng ra, bảo Nhà Trò:*

*- Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Ðứa độc ác không thể cậy khoẻ ăn hiếp kẻ yếu. Ðời này không phải như thế.*

*Tôi dắt Nhà Trò đi. Một quãng, tới chỗ mai phục của bọn Nhện.*

*Bọn nhện đã công phu chăng bên đường nọ sang bên kia, chằng chịt biết bao nhiêu tơ nhện, trùng trùng điệp điệp, một chú Muỗi Mắt nhỏ nhất loài muỗi cũng không chui lọt. Lại thêm, sừng sững giữa lối đi, một anh Nhện canh gác. ý hễ thấy bóng Nhà Trò là làm hiệu cho lũ Nhện nấp hai bên đường kéo ra. Khi tôi gần tới mạng lưới, nhìn vào các khe đá xung quanh đã thấy lủng củng những nhện là nhện: Nhện mẹ, Nhện con, Nhện già, Nhện trẻ, Nhện nước, Nhện tường, Nhện võng, Nhện cây, Nhện đá, Nhện ma...đủ họ nhà Nhện. Chúng đứng im như đá, mà coi vẻ hung dữ.*

*Tôi cất tiếng hỏi lớn:*

*- Ai đứng chóp bu bọn mày? Ra đây cho tao nói chuyện.*

*Từ trong hốc đá, một mụ nhện cái to nhất, cong chân nhảy ra, hai bên có hai Nhện vách nhảy kèm. Dáng đây là vị chúa trùm nhà Nhện. Nom cũng đanh đá, nặc nô lắm. Vậy thì đầu tiên, tôi hãy ra cái oai của tôi. Tôi quay phắt lưng, phóng càng đạp mạnh vào đầu mụ Nhện cái một đạp. Mụ nọ hoảng hốt, co dúm lại hãi ngay. Rồi thế là mụ cứ rập đầu xuống đất như cái chày giã gạo, tỏ ý hối hận và sợ hãi một điều gì đó - điều gì đó có lẽ mụ ta cũng chưa biết.*

*Tôi thét:*

*- Cớ sao dám kéo bè kéo cánh ra bắt nạt em Nhà Trò yếu ớt thế kia? Chúng mày có của ăn của để, đứa nào cũng béo múp mông đít cả lượt như thế kia mà tính đòi nó một tí tẹo nợ đã mấy đời rồi là không được. Ta cấm từ giờ không được đòi nợ Nhà Trò nữa. Nó bé bỏng, làm chưa đủ nuôi thân, phải thương nó, xuý xoá công nợ cho nó. ở đời, thù hằn, độc ác làm gì. Thử trông đấy, bay bắt nạt nó, nhưng còn có ta khoẻ hơn, ta mới thử gió mấy cái đá hậu, mà xem ra chúng mày đã thấy đáng nghĩ lắm rồi phải không?*

*Bọn Nhện núp phía trong cũng dạ vang và lao xao nói "nghe rồi ạ" rối rít khe đá. Tôi ra lệnh:*

*- Phá các vòng vây đi. Ðốt hết văn tự đi.*

*Lũ Nhện nghe ngay lời tôi, cả họ nhanh nhẹn chạy ngang chạy dọc, phá các dây tơ chăng lưới. Con đường về tổ Nhà Trò trên cành lá mua có một chiếc hoa tím phút chốc đã qung hẳn. Rồi vô số Nhện nhấp nhô, tung tăng đến, chân nắm chân ả Nhà Trò mà nhảy múa, hát ầm ĩ rất vui.*

*Họ nhà Nhện còn định mở tiệc thết tôi. Ðược cái họ nhà Nhện thì lúc nào cũng khéo trữ lắm thức ăn ngon. Nhưng tôi từ chối, nói rằng phải vội đi. Hẹn dịp khác sẽ qua chơi.*

*Tôi từ giã bọn Nhện và Nhà Trò. Chị Nhà Trò ôm vai tôi cảm động, không nỡ ly biệt, cứ theo tiễn một quãng đường dài. Còn tôi, trong lòng hoan hỉ vì đã làm được việc đầu tiên có ích cho đời.*

*(*Trích *Dế Mèn phiêu lưu ký -* Tô Hoài*)*

**Dàn ý**

**a) Mở bài**

***- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và đặc điểm của Dế Mèn trong đoạn trích:*** “Dế Mèn phiêu lưu ký” là truyện thiếu nhi đặc sắc nhất của nhà văn Tô Hoài. Đây là câu chuyện đầy thú vị, hấp dẫn về hành trình phiêu lưu của chú Dế Mèn qua nhiều vùng đất và thế giới của các loài vật khác, nhằm thể hiện khát vọng tươi đẹp của tuổi trẻ.

- Khái quát ấn tượng về nhân vật Dế Mèn: Đoạn trích “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” là đoạn trích khắc họa vẻ đẹp của nhân vật Dế Mèn với hành động nghĩa hiệp đã giúp đỡ chị Nhà Trò thoát khỏi sự ức hiếp của mụ Nhện xấu xa.

**b) Thân bài:**

***\* Giới thiệu tác giả , tác phẩm:***

Tô Hoài là nhà văn có vốn sống phong phú, năng lực quan sát và miêu tả tinh tế, lối văn giàu hình ảnh, nhịp điệu, ngôn ngữ chân thực, gần gũi với đời sống. Ông có sở trường viết truyện về loài vật. Tô Hoài có những tìm tòi, khám phá trong sáng tạo nghệ thuật đó là một trong những yếu tố làm nên sức hấp dẫn, sức sống và ý nghĩa lâu bền ở tác phẩm của ông. “Dế Mèn phiêu lưu kí” là tác phẩm đặc sắc và nổi tiếng nhất của nhà văn Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi (truyện đồng thoại). Trong truyện, Dế Mèn là nhân vật chính đã trải qua những cuộc phiêu lưu lí thú, đầy mạo hiểm. Sự trải nghiệm cuộc đời của Dế Mèn, những bài học mà Dế Mèn rút ra qua bao nhiêu hiểm nguy sóng gió chính là hành trang để Mèn bước vào đời và trở thành một chàng Dế cao thượng, trượng nghĩa. Chính vì thế, có thể nói rằng cuộc đời của Dế Mèn là một bài học lớn - đi một ngày đàng, học một sàng khôn

***\* Đặc điểm nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích* “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” *:***

- Khái quát về nhân vật Dế Mèn: là một chàng dế khỏe mạnh, cường tráng sớm thích tự lập nên đã một mình tự đi ngao du khắp nơi, chơi đùa với cây cỏ, thưởng ngoạn phong cảnh đẹp trên khắp đất nước, tìm những người bạn mới. Điều đặc biệt là tích lũy được những kinh nghiệm để cho mình trưởng thành hơn. Là một chú dế khỏe mạnh, có chút kiêu ngạo, dế Mèn luôn tự tin vào sức mạnh của bản thân mình, chú cũng là một chàng dế hành hiệp chính nghĩa, trên đường đi thường xuyên giúp đỡ những người gặp khó khăn. Thấy những việc chướng tai gai mắt thì không hề khoanh tay đứng xem mà luôn can thiệp, trừng trị kẻ ác, đòi công bằng lại cho người bị hại.

- Đặc điểm của nhân vật Dế Mèn ở đoạn trích: Đoạn trích “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” đã thể hiện sinh động một chàng dế giàu tình yêu thương và luôn quan tâm người khác. Chú Dế Mèn được nói đến thật đáng khâm phục.

+ Bối cảnh của đoạn trích: Hôm nay đến một vùng đất hoàn toàn mới, Dế Mèn nhìn trước ngó sau đầy vẻ thích thú, bởi cảnh vật ở đây vô cùng đẹp, đẹp hơn bất kì nơi nào mà Dế Mèn ta từng đến, từng đi qua, gặp những con vật dễ thương, thân thiện,

+ Thái độ của Dế Mèn vui vẻ, thân thiện: đến đâu Dế Mèn cũng chủ động bắt chuyện, làm thân nên mới vừa đi một đoạn thì Dế Mèn đã biết hết tên mọi người. Đang huýt sáo bước đi đầy vui vẻ thì bỗng nghe thấy tiếng khóc đầy thê lương, nhìn qua mới thấy chị Nhà Trò đang ngồi khóc nức nở bên tảng đá.

+ Lời hỏi han, động viên của Dế Mèn với chị Nhà Trò:

+ + bảo chị Nhà Trò: “Em đừng sợ!”.

+ + Vốn đầy tính chính nghĩa, Dế Mèn lại gần hỏi chuyện mới biết vì năm ngoái chị Nhà Trò và mẹ đến vay lương thực của bà Nhện, mà mẹ của chị ta vừa mới mất. Không có tiền để trả cho mụ Nhện nên chị Nhà Trò bị chúng bắt, đánh đập tàn nhẫn, hơn nữa còn bày trận phục kích trên đường về nhà của chị Nhà Trò khiến chị có nhà mà không thể về.

+ Hành động nghĩa hiệp: Dế Mèn “xòe hai cẳng ra” biểu thị một sức mạnh sẵn sàng bênh vực kẻ yếu. Chú đã đưa chị Nhà Trò đến thẳng sào huyệt lũ nhện. Tiếng nói của chú cất lên nghe thật oai vệ, ngang tàng: “Ai đứng chóp bu bọn này? Ra đây ta nói chuyện”. Dế Mèn đã “quay phắt lưng phóng càng đạp phanh phách” làm cho mụ nhện cái và bè lũ bạt vía kinh hồn “co dúm lại rồi cúi rập đầu xuống đất như cái chày giã gạo”. Dế Mèn đã bênh vực kẻ yếu, bắt lũ nhện “xóa hết công nợ”, “đốt hết văn tự nợ đi!”, và phải “phá các vòng vây”. Bọn nhện “sợ hãi cùng dạ ran”. Dưới ngòi bút Tô Hoài, Dế Mèn được miêu tả qua một số cử chỉ, hành động và ngôn ngữ đầy ấn tượng, xứng đáng là một hiệp sĩ ra tay “phò nguy cứu đời”.

+ Dế Mèn vô cùng tức giận khi nghe câu chuyện của chị Nhà Trò, khuyên chị Nhà Trò bình tĩnh, sau đó cùng chị Nhà Trò đến nơi mụ Nhện phục kích để dạy cho mụ ta một bài học. Đến nơi, Dế Mèn đã bay lại, dùng đôi càng chắc khỏe của mình tấn công mụ nhện khiến mụ ta sợ hãi mà ngã lăn ra đất. Dế Mèn đã lên tiếng giáo huấn sự đê hèn của mụ Nhện, chị Nhà Trò đã vô cùng đáng thương mà vẫn cố tình ăn hiếp, chà đạp. Hành động ấy của Mèn được chị Nhà Trò cảm kích và biết ơn vô cùng.

+ Dế Mèn lên tiếng bệnh vực những kẻ yếu thế như chị Nhà Trò khiến Mụ nhện sợ hãi hứa với Dế Mèn sẽ không làm hại Nhà Trò nữa, nhà Trò trở về nhà an toàn, không còn sợ hãi sự tấn công của mụ Nhện nữa. Hài lòng với thành quả mình đạt được, Dế Mèn nhanh chóng tiếp tục cuộc ngao du của mình với tâm trạng đầy phấn chấn, vui vẻ vì vừa mới làm được thêm một việc tốt.

**\* Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn:**

- Hình ảnh Dế Mèn được nhà văn Tô Hoài xây dựng thành công qua những hình thức nghệ thuật đặc sắc. Nghệ thuật nhân hóa tài tình, với óc tưởng tượng phong phú, những hình ảnh so sánh độc đáo, giàu chất tạo hình.

- Ngôn từ đa dạng với hệ thống động từ, tính từ phong phú, sinh động cùng

- Lời kể dung dị, tự nhiên, như lời ăn tiếng nói hàng ngày.

- Miêu tả loài vật rất đặc sắc của nhà văn Tô Hoài.Thế giới loài vật được nói đến là chị Nhà Trò, chú Dế Mèn và lũ nhện. Mỗi nhân vật được nói đến đều có nét riêng về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, tính cách và lối ứng xử riêng, có mối quan hệ sống còn trong một xã hội thu nhỏ lại. Nghệ thuật tả loài vật của Tô Hoài thật đặc sắc, độc đáo và mẫu mực.

**\* Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.**

Tô Hoài không chỉ cho ta thấy chân dung của một cậu chàng dế thanh niên khỏe mạnh cường tráng, tự tin mà còn để lại ấn tượng cho người đọc về một chàng dế trượng nghĩa “Giữa đường dẫu thấy bất bình mà tha” và những bài học sâu sắc trong cuộc sống: “Đứa độc ác không thể cậy khỏe ăn hiếp kẻ yếu”, sống ở đời phải biết khiêm nhường, luôn quan tâm giúp đỡ những người xung quanh, biết trân trọng tình bạn, giúp đỡ bạn bè bằng tấm lòng chân thành, yêu thương mọi người thật lòng. Luôn có tấm lòng hào hiệp, sẵn sàng làm việc nghĩa: bênh vực kẻ yếu đuối, đạp đổ những áp bức, bất công trong cuộc sống.

**c) Kết bài:**

Dế Mèn trong “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” (Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí ”của Tô Hoài đã để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Dưới ngòi bút tài hoa của Tô Hoài, chân dung Dế Mèn hiện lên vô cùng đẹp đẽ, sống động, rất đáng yêu, đáng mến. “Dế Mèn bênh vực kẻ yếu” là một trang văn chan chứa tình nhân đạo. Chuyện loài vật mà cũng là chuyện người. Câu chuyên kể giàu kịch tính. Hình ảnh Dế Mèn mãi đẹp trong tuổi thơ của mỗi chúng ta!

**Đề 3**: **Phân tích đặc điểm nhân vật “cậu ấm” trong đoạn trích truyện ngắn “Một cuộc đua” của nhà văn Quế Hương**? (Truyện ngắn đoạt giải Nhất trong cuộc thi "Viết truyện ngắn cho thanh niên, học sinh, sinh viên" do NXB Giáo dục phối hợp với Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức.)

Đoạn trích là phần cuối của truyện:

*Buổi thứ ba...*

*Ngày thứ ba gã không la hét cũng không ném thứ gì. Gã nói chuyện, cùng tôi thi hát karaoke. Bà quản gia dường như không tin tiếng hát vọng ra từ phòng gã, sững sờ đứng chôn chân ở cửa. Gã thắng tôi dễ dàng.*

*- Tôi thích sự thách thức. Chính vì vậy mà tôi lao vào cuộc đua. - Gã thở dài.*

*- Giờ cậu dám đua nữa không ?*

*- Đua với ai khi thế này... ?*

*- Với tôi. Chúng ta đua ngoi lên dưới ánh mặt trời. Thời hạn 5 năm.*

*Gã không trả lời tôi, tư lự. Khi tôi bế gã từ xe lăn trở lại giường, gã nhìn vào mắt tôi :*

*- Cô có đôi mắt rất đẹp. Thăm thẳm nỗi buồn nhưng ánh nhìn quyết liệt. Đôi mắt ấy...*

*- “Khóc người một con”... (Bùi Giáng) - Tôi nhìn gã đáp.*

*Tôi qua trót lọt 3 buổi thử việc nhưng không “có duyên” với con Hai Triệu. Ngày hôm sau, một người đến tận chỗ tôi trọ gửi tiền công 3 buổi và một gói quà. Mở ra tôi thấy một bầy hạc châu đầu vào một đoá hồng. Đoá hồng là một cái thư, còn bầy hạc mười con xếp bằng tiền đôla thật. Tôi và con Thuý đọc :*

*“Cô không cần đến buổi thứ tư. Tôi vốn là một đứa sáng dạ, chỉ cần ba buổi là ngộ... Tôi nhận lời “đua” với cô, đua ngoi lên dưới ánh mặt trời để “còn hai con mắt khóc người một con”. Mười con hạc giấy này tôi tặng cô. Nó chỉ bằng chai rượu tôi uống trong những đêm đốt đời mình. Trước khi bay, người ta cũng cần đôi cánh. Đừng chảnh, hãy nhận nó vì tấm lòng thành của tôi. Hẹn gặp lại cuối đường đua” (*Trích *Một cuộc đua,* Quế Hương*)*

**Dàn ý:**

**a) Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm: Truyện ngắn *Một cuộc đua* của nữ tác giả Quế Hương đăng quang giải nhất cuộc thi viết cho thanh thiếu nhi do NXBGD tổ chức, có thể được coi là "tuyên ngôn" của cuộc thi

- Khái quát được đặc điểm của nhân vật “cậu ấm” trong đoạn trích: “Tôi nhận lời “đua” với cô, đua ngoi lên dưới ánh mặt trời” – nhận lời thách đấu của người giúp việc thứ mười ba – điều đó có nghĩa là “ cậu ấm” đã thức tỉnh, đã tỉnh ngộ và nhận ra rằng cuộc đời “chưa hẳn đã đáng buồn”. Nhân vật “ cậu ấm” trong truyện ngắn “Một cuộc đua” ( Quế Hương) đã để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng sâu sắc về sức sống mãnh liệt, sự vươn lên, vượt qua những chướng cản trong cuộc đời.

**b) Thân bài:**

**Phân tích nhân vật “cậu ấm”**

**- Tình cảnh của cậu ấm:**

+ Nhân vật chính là "cậu ấm" đã đốt đời mình trong quán bar, vũ trường và rồi trong một lần đua xe, bạn gái thì chết, còn cậu bị tai nạn, phải cưa cả hai chân.

+ Mười hai người giúp việc do mẹ cậu thuê trông nom cậu đều không chịu được những cơn cuồng nộ vì hận đời của con người tàn phế này.

- **“Cậu ấm” trút giận, trả thù đời bằng cơn cuồng nộ của mình:**

+ Nhân vật “ cậu ấm” xuất hiện bằng những cơn cuồng nộ, cậu trút giận, trút hận vào những người xung quanh và vào chính mình.

+ Cậu gần như tuyệt vọng, cuồng nộ, uất ức bởi sớm phải đối mặt với nỗi đau thể xác và sự trống rỗng trong tâm hồn. Cậu còn biết làm gì hơn khi trở thành người tàn phế? Khi trở thành người vô dụng? Cuộc đời cậu coi như “đồ bỏ” khi mà chỉ còn có đôi tay “quyền lực”!? Trong tâm trí của đứa trẻ mới lớn, tuổi chưa nhiều, “gương mặt trẻ măng đang ngủ mà mày nhíu lại như vật lộn với nan giải” chỉ còn nỗi tuyệt vọng, nỗi chán chường, tự chống đối cuộc đời bằng cách “giương vây, xù vẩy”. Cậu gần như chống lại cả thế giới này….

- “Cậu ấm” ngộ ra được nhiều điều trong cuộc sống và quyết tâm vươn lên dưới ánh mặt trời:

+ Điểm nút của câu chuyện bắt đầu khi người giúp việc thứ mười ba xuất hiện. Cô là một sinh viên. Mẹ cô cũng chết trong một tai nạn giao thông, để từ đó cuộc đời của cô phải quăng quật, va đập với đủ mọi phức tạp của cuộc sống để tồn tại. Nhưng cô là người "chưa đầu hàng cái gì trong vòng 15 phút". Khi lòng tự trọng bị tổn thương, cô sẵn sàng từ bỏ việc chăm sóc "cậu ấm" bệnh tật, dù công việc này mang lại cho cô nhiều tiền mà cô rất cần. Cô sinh viên đến bên cuộc đời của “cậu ấm” không phải để xoa dịu nỗi đau bằng lời lẽ ngọt ngào, của cử chỉ dịu dàng, cam chịu mà cô đã “lấy độc trị độc” để thức tỉnh “cậu chủ”, thức tỉnh lương tri trong con người vốn “không phải là đồ bỏ” của “cậu ấm”.

+ Cuộc đối thoại, cùng những suy nghĩ già dặn của cô sinh viên đã phần nào tác động đến tâm hồn có phần chai sạn của “cậu ấm”. Cuộc đối thoại giữa hai người ngang tuổi nhau nhưng hoàn cảnh gia đình đối lập nhau đã cho “cậu ấm” hiểu được rằng “ Mỗi ngày là một cuộc chiến” – chiến đấu với chính mình để tự vươn lên! Nếu không, sẽ tự đốt đời mình bằng những trò tiêu khiển vô bổ.

+ “Cậu ấm ” đã kịp nhận ra “Giá nghèo như cô, tôi sẽ không bất hạnh thế này. Không có xe để đua, không có tiền để đốt đời mình...”.

+ Cậu biết mình đã ở bên kia cái dốc của sự sa ngã, cậu chỉ còn biết gào thét trong vô vọng. Cậu hiểu, tiền bạc nhiều nhưng thiếu sự quan tâm, giáo dục, uốn nắn của ba mẹ thì cuối cùng cũng chỉ là sự trống rỗng, thậm chí gánh hậu quả khôn lường...

**- “Cậu ấm” quyết tâm vươn lên dưới ánh mặt trời:**

+ Khát vọng sống vẫn mãnh liệt, mạnh mẽ và luôn tiềm tàng trong con người “cậu ấm ”. Bản thân cậu là người biết rõ hơn ai hết mình chưa phải là “đồ bỏ” chỉ cần ba buổi là ngộ.

+ Khi cô gái đề nghị "cậu ấm": "Chúng ta cùng đua ngoi lên dưới ánh mặt trời. Thời hạn 5 năm".

+ Kết thúc có hậu nhưng lại bất ngờ: Cô gái nhận được món quà của "cậu ấm" là một bầy hạc gấp bằng mười tờ đôla thật cùng một lá thư với lời lẽ đầy niềm tin yêu cuộc đời: "Cô không cần đến buổi thứ tư. Tôi vốn là một đứa sáng dạ, chỉ cần 3 buổi là ngộ… Tôi nhận lời đua với cô, đua ngoi dưới ánh mặt trời. Mười con hạc giấy này tôi tặng cô. Nó chỉ bằng chai rượu tôi uống trong những đêm đốt đời mình. Trước khi bay, người ta cũng cần đôi cánh. Hẹn gặp lại cuối đường đua…". Bằng tình thương và nghị lực của chính mình, cô gái đã đưa chàng trai ra khỏi tuyệt vọng và khơi lên trong trái tim tưởng đã khô cằn một khát vọng sống mãnh liệt.

**\* Nghệ thuật xây dựng nhân vật “ cậu ấm” được xây dựng bằng những hình thức nghệ thuật đặc sắc:**

- Giọng văn nhẹ nhàng, giàu cảm xúc, lối diễn đạt mượt mà, sâu lắng, câu văn giàu nhịp điệu,…

- Giản dị mà sắc sảo, nồng ấm mà dịu mát, truyện ngắn “Một cuộc đua” là thế giới của sự hài hòa, hài hòa ngay cả trong đổ vỡ. trang văn lôi cuốn người đọc bởi “nỗi buồn ấm áp” được chưng cất nên từ bao điều bé mọn của cuộc sống thường ngày.

- Kết thúc giàu chất gợi, hướng người đọc về một niềm tin ở phía trước. “ Cùng đua lên dưới ánh mặt trời”.

**\*Đánh giá khái quát:**

Tuổi trẻ ai cũng có những giây phút chán nản, buông xuôi nhưng bạn hãy thử lắng lòng mình suy ngẫm, bạn sẽ được bồi đắp thêm nghị lực, ý chí sẵn sàng cho cuộc đua của đời mình. “Cuộc đời là một cuộc đua dài. Từng chặng. Qụi xuống thì đứng lên. Chỉ có chết mới ngừng đua. Còn sống là còn đua để chứng minh mình hiện hữu, mình có ích. Một ánh nhìn thông cảm. Một bàn tay giơ ra. Một lời thách thức đúng lúc có thể nâng dậy một số phận, thổi vào đấy một luồng sinh khí mới để bắt đầu một chặng đua mới.”- Nhà văn Quế Hương đã đã tin và đem được niềm tin ấy vào câu chuyện của mình.

**c) Kết bài:**

Khẳng định giá trị đoạn trích và truyện ngắn: Sự thấu hiểu và cảm thông với từng số phận con người đã khiến cho Quế Hương đi sâu được vào đời sống nội tâm, giao cảm được với con người qua những niềm vui, nỗi buồn, sự mất mát, khổ đau. Với một cái nhìn nhân văn, trái tim yêu thương của người phụ nữ nhạy cảm, Quế Hương đã dùng cây bút của mình xoa dịu đi những vết thương lòng, đem thương yêu ủ ấp những nhức nhối trong nội tâm nhân vật. Chính vì vậy, trong truyện ngắn của mình, những con người dù có cố tỏ ra gai góc trước cuộc đời thì họ vẫn, trong một góc khuất nào đó, không chịu cam lòng với số phận. Kể cả chuyện tưởng chừng như gay gắt, quyết liệt nhất như “Một cuộc đua” thì cái kết của nó cũng là một khoảng dừng đầy ước mơ khát vọng và mơ mộng. Khi nhân vật chính từ trong bi thảm, thất vọng đã nhận lời “đua ngoi lên dưới ánh mặt trời” và đã tìm cho mình đôi cánh để tiếp tục bay…